

THÍCH BẢO LẠC
THÍCH NHƯ ĐIỂN

Hương Lúa
Chùa Quê

Hồi Niệm Tuổi Thơ



**HƯƠNG LÚA
CHÙA QUÊ**



HƯƠNG LÚA CHÙA QUÊ

THÍCH BẢO LẠC & THÍCH NHƯ ĐIỂN

Viên Giác Tùng Thư - Đức Quốc

Xuất bản lần thứ nhất: 2013

Tái bản cho ấn bản trên mạng điện tử: Tháng 5/2019

Tái bản qua United Buddhist Publisher, Hoa Kỳ: Tháng 5/2019

Trách nhiệm: Nguyễn Đạo

Hiệu đính và layout: Nguyễn Minh Tiến

Bìa: Thiện Hạnh Vũ Ngọc Minh & Nguyễn Minh Tiến

ISBN-13: 978-1-0917-6267-1

ISBN-10: 1-0917-6267-8

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

THÍCH BẢO LẠC & THÍCH NHƯ ĐIỂN

*Hương lửa
chùa quê
(Hồi niệm tuổi thơ)*

Tái bản lần thứ nhất
Có sửa chữa và bổ sung hình ảnh



2019

NỘI DUNG

PHẦN I: Hồi ký của Hòa thượng Thích Bảo Lạc

Về thăm xứ Quảng (thơ)	11
1. Tiếng khóc mẹ hiền.....	13
Tần tảo nuôi con.....	13
Thương yêu chồng con hết lòng.....	15
Giống Phật chớm nở.....	20
Dáng đạo sĩ.....	21
Sinh hoạt Gia Đình Phật Tử.....	23
Cuộc thám du còn mang nhiều dấu ấn	24
Đánh bạo xin cha mẹ đi tu	25
Nước mắt mẹ hiền.....	27
Trốn gia đình xuất gia.....	28
Đi về hướng nào.....	31
Ba thái độ đi chùa của Phật tử xưa nay.....	33
2. Nếp tu hành	37
Một thời hành điệu	39
Huynh đệ đồng chúng	41
Bậc thầy mô phạm	43
Tu tập hành trì.....	44
Chế độ ăn uống của tăng ni sinh	47
Mộng ước tuổi thơ.....	48

3. Linh Ứng chùa tôi.....	55
Sắc tứ Linh Ứng tự	63
Danh lam cổ sát	65
Việt Nam danh lam thắng cảnh	66
Di sản văn hóa quốc gia	68
Non nước thời nay	69
4. Đời vân thủy	75
Xuôi về phương nam	77
Đời sống của một tăng sinh	78
Theo nghiệp bút nghiên	89
Dấu chân nhà giáo	91
5. Giống nhau giữa hai huynh đệ.....	93
Sự giống nhau giữa hai huynh đệ.....	95
- Tiếng nói	96
- Dáng dấp	97
- Cùng xuất gia năm 15 tuổi	98
Tôn thờ cùng lý tưởng	101
Cùng môn phái Chúc Thánh	103
Xuất ngoại du học.....	108
Sinh hoạt với Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam	110
Không xem nhẹ giờ tu tập, công phu không bỏ	115
Dịch kinh, viết sách	117
Lập 2 Trung Tâm Tu Học	120
Ở hai quốc độ	124
6. Chí hướng	127
Kiến lập đạo tràng:	128
Hoằng pháp - độ sanh	136
Độ người xuất gia:	139
Quy y cho Phật tử.....	144
Năm thứ 2000.....	146
Một kiếp mong manh	152

7. Nguyện Ước	163
Bầu trời cao rộng	173
Trưởng dưỡng đạo tâm	186
Nhập dòng pháp lạc	189
Thu sang (<i>thơ</i>)	194
Sách cùng tác giả, dịch giả	195

PHẦN II: Hồi ký của Hòa thượng Thích Như Điển

❖ Tuổi thơ.....	199
❖ Mốc thời gian.....	227
❖ Xuất gia học đạo	235
❖ Hương Lúa Chùa Quê	267
❖ An Cư, Thọ Giới	283
❖ Những ngôi chùa nổi tiếng tại Hội An.....	299
❖ Xa Hội An.....	329
❖ Tạm biệt Sài Gòn	353
❖ Đại học Nhật Bản	371
❖ Trở lại Việt Nam	385
❖ Trở lại chùa xưa	401
❖ Lời cuối.....	421
Cùng một tác giả	429
Gới thiệu sơ lược các tác giả	433

PHẦN I.

*Hồi ký
của Hòa thượng
Thích Bảo Lạc*



Về thăm xứ Quảng

Quảng Nam có núi Ngũ Hành
Với hòn Non Nước cây xanh bốn mùa,
Lú lo ca hát chim đua,
Bầu trời, cảnh Phật ấy chùa Tam Thai

Quan Âm động vẽ hùng oai,
Như quên lòng tục xét soi khách trần.
Xa xa mặt bể phù vân,
Hiện ra Linh Ứng chùa am khác thường...

Hang Ngũ Cốc, động Linh Nham
Giếng Tiên, Hải Vọng Đài lam một màu
Dừng chân Hòn Thổ xem sau,
Quan Âm chùa mới hiển bày nguy nga.

Ngõ qua Đà Nẵng, Sơn Chà,
Hà Thân, Cầu Đỏ, bến tàu Tourane
Đường về Phố Hiến Hội An,
Chùa Cầu còn đó sẵn sàng đón đưa.

“Cao Lâu” mỹ vị dễ ưa,
Khách vào thưởng thức một vài tô thôi.
Ghé thăm cổ tự vài ngôi,
Phước Lâm, Chúc Thánh nét vui phai mờ.

Phong quang cảnh trí nên thơ,
Long Xuyên, Vạn Đức lặng lẽ tháng năm,
Xuôi về theo hướng tây nam,
Hàm Rồng, Trà Kiệu gác chuông giáo đường.

*Nguy nga tráng lệ phi thường,
Đầy hòn Non Trục rộng vương quy hàng.
Năm nào tay ấn Cao Biên,
Đền đài kỷ niệm gắn liền kỳ công,
Và bao chí sĩ anh hùng,
Đánh Nam dẹp Bắc lấy lừng nước non,
Bao năm mòn mỏi chờ mong,
Về thăm xứ Quảng thỏa lòng ai ơi!*

Đông Kinh
mùa Anh Đào nở
Sông Thu

Tiếng khóc mẹ hiền



*Ai ơi góp mặt với đời
Mang thai công mẹ sánh tà non cao
Vì con tần tảo sớm trưa
Quanh năm lặn lội nắng mưa dãi dầu...*
(Rồi 30 năm sau - Sông Thu)

Tần tảo nuôi con

Xa mẹ năm tôi lên mười lăm tuổi vào chùa tu (1957), cái tuổi đã trưởng thành không còn vụng dại lắm. Nhưng lần đầu tiên xa mái ấm gia đình, xa tình thương yêu nồng ấm của mẹ hiền, như len lỏi khắp trong châu thân của

đứa con trai dù mang chí nguyện *phát túc siêu phương, tâm hình dị tục* - bước đi ngoài muôn dặm, thân tâm khác người thế tục, tôi có lúc cũng mủi lòng thương nhớ mẹ da diết.

Mẹ tôi cũng như bao bà mẹ Việt Nam khác, tận tụy trong thiên chức người mẹ, tần tảo săn sóc chồng, con; trông nom nếp sống gia đình trong ngoài chu toàn mọi việc. Gia đình tôi tạm được gọi là hạng trung lưu, nên không thuộc bản nông như nhiều người khác trong làng. Nhưng vì đông con, gia đình tôi gồm 8 anh chị em, thêm cha mẹ nữa là trọn một chục chẵn, nên mẹ có phần vất vả, nếu nói cho đúng nghĩa là bà lam lũ, quần quật trong công việc suốt ngày, thấy mà thương vô cùng! Cũng vì lẽ đó mà một nhà thơ tiền bán thế kỷ 20, ông Trần Tế Xương không tiếc lời ca tụng tán dương người vợ hiền - bà Tú Xương - qua mấy vần thơ thất ngôn đầy vẻ sống động gợi hình:

*Quanh năm buôn bán ở ven sông
Nuôi đủ năm con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông...*

Ngoài việc cấy hái, hong phơi ra, mẹ còn tạo thêm kinh tế tự túc để có đồng ra đồng vô cho các con đủ no lòng, hầu bằng được người ta, để nở mày mở mặt với thiên hạ; bằng cách trồng rau cải trong vườn nơi vuông đất phía sau nhà. Tôi còn nhớ mỗi năm vào dịp Tết, sản phẩm của mẹ hái ra tiên là rau ngò, cải tần ô, rau thơm, cải cau... bó thành từng lọn cho vào gánh quẩy đi bán ở các chợ rất xa cả chục cây số như chợ Cầu Lâu, Vĩnh Điện, chợ Trà Kiệu... Mỗi lần đi chợ về, mẹ đều mua bánh kẹo cho tôi và em Út (chú Chín), nên tôi có cái thú là ưa đứng nơi đầu ngõ trông mẹ về để vôi vỉnh, nũng nịu, mách chuyện nọ, việc kia ở nhà của anh em tôi cho bà nghe. Nghe xong, bà để bụng mà chả có binh đưa nào. Bởi vì mẹ luôn bận rộn, vừa đặt đôi gióng xuống là lăn xả vô bếp nấu

cơm, dọn dẹp cho các thành viên của gia đình có cơm canh nóng hổi no lòng kịp lúc, đúng bữa. Lúc tôi chưa đi tu, gia đình còn lại anh bốn (An), chị năm (Đấu), anh sáu (Thang), em chín (Cường) và tôi (Cư); chị hai (Quyên), chị ba (Miên) đã có gia đình và về ở bên nhà chồng. Nhà còn lại 7 miệng ăn, trong số bốn người đi làm: cha tôi, anh bốn, chị năm, anh sáu; tôi và Cường ăn theo vì còn nhỏ, còn mẹ là viên nội tướng quản lý mọi việc trong ngoài gọn gàng. Mỗi lần lầm lỗi, tôi bị cha phạt, trách; mẹ là vị thần hộ mạng chở che an ủi, nơi trú ẩn an toàn nhất cho tôi mỗi khi có biến cố chẳng may nào xảy đến bất chợt.

Thương yêu chồng con hết lòng

Mẹ không quản ngại thân mình, thức khuya dậy sớm, ăn đói nhịn khát vẫn không lấy làm điều, miễn phục vụ chồng con đầy đủ là mẹ vui rồi. Tới năm 1958 anh Bốn cưới vợ nhưng vẫn sống chung với cha mẹ, vì anh là con trai cả trong gia đình; đến năm 1960 anh chị sanh con đầu lòng lại là con gái. Điều này tuy không nói ra, mẹ kém vui thật sự; theo bà phải chi nó sinh con trai để mình có cháu đích tôn sớm. Đàng này... Hai năm sau chị Năm cũng đi lấy chồng, tôi bỏ đi tu, làm cho mẹ buồn nhớ khôn nguôi, nhà chỉ còn lại ông bà, anh chị Bốn, anh Sáu và chú Út; đến năm 63, anh sáu (Thang) lập gia đình và năm 1964 chú út vào chùa tu. Lần lượt các thành viên của gia đình tôi ngày càng thưa vắng; đến năm 1966, anh sáu (Lê Văn Thang) chết trận trong chiến tranh, làm mẹ đau buồn nhớ thương, dù anh đã có vợ và sanh con cái. Mẹ thương anh, vì bà tội nghiệp hai cháu nội còn nhỏ dại mà lâm cảnh mồ côi cha sớm. Cái tình của bà sâu thăm thẳm, rộng bao la không thể lấy gì đong lường được.

Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào

Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào

*Lời mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào
Tiếng ru êm đêm trăng tà soi bóng mẹ yêu...*

(Y Vân)

Tình thương yêu của mẹ như thế đó, nó cuộn cuộn tựa sóng cồn, cao vút tận mấy tầng không, xa vời vợi không làm sao với được. Chỉ vì thương yêu chồng con mà mẹ phải hy sinh tạo bao nhiêu ác nghiệp để rồi nhận mọi hậu quả xấu ác. Vì thấy mẹ quá vất vả, tôi không đành lòng nhìn bà lặn lội bươn chải kiếm tiền lo trang trải cho gia đình, nên đã nhảy vào đời vật lộn năm lên mười ba tuổi bằng việc thủ công đan rổ, thúng bán giúp phụ với mẹ. Năm lên 14 tôi đổi qua nghề chằm nón lá, kể cả nón bài thơ - nghề tuy vất vả - nhưng thật là vui, vì dễ hái ra tiền, nếu ta chịu khó, trì chí. Từ ngày tôi phụ giúp vào ngân quỹ gia đình với mẹ, bà rất hài lòng, vì có đứa con biết lo nghĩ, chia sẻ với bà như thế. Thế nhưng tôi đâu có ở nhà gần mẹ lâu, vì tôi đã có dự định sớm chớm nở mà mẹ cũng như gia đình không ai hay biết, kể cả cha tôi, tôi vẫn giữ kín không hé tin gì. Về sau này mẹ đã qua đời, nhân sống xa nhà tôi ghi lại trong dịp Vu Lan:

Nhân mùa Vu Lan báo hiếu để kỷ niệm 15 năm ngày tôi mất mẹ, mượn mấy dòng này tôi muốn gọi lại một ít những hình ảnh đáng nhớ mà mẹ tôi đã dành trọn lòng thương yêu vô tận cho con cái, để làm trợ duyên cho những ai có diễm phúc còn mẹ, suy nghĩ mà thương mẹ hiền nhiều hơn, rồi một mai kia mẹ có qua đời cũng không tự cảm thấy mình lỗi đạo làm con.

Trường hợp của tôi sắp kể sau đây hơi có phần đặc biệt hơn mọi người. Vì tôi đã vào chùa tu từ lúc còn nhỏ nên khoảng thời gian sống gần gũi với gia đình cũng ngắn lại. Tuy nhiên cái tình của tôi đối với mẹ, lúc nào tôi cũng quý trọng, kính yêu người. Và ngược lại, đối với tôi, mẹ cũng dành cho tôi trọn

ven lòng thương bao la không bờ bến. Tôi còn nhớ rõ, mỗi lần tôi từ chùa về thăm nhà, mẹ lo lắng cho tôi đầy đủ mọi thứ từ giấc ngủ, miếng ăn, cho chí giặt giũ áo quần cho tôi nữa. Gia đình tin Phật giáo, cha mẹ tôi ăn chay kỳ mỗi tháng 2 ngày vào ngày rằm và mồng một. Tôi và em trai đều đi tu cả và chúng tôi ở hai chùa khác nhau. Từ khi chúng tôi vào ở chùa cho tới ngày rời khỏi đất nước cũng mười mấy năm, nhưng anh em ít có dịp gặp nhau tại nhà, kể cả ngày đại tang của mẹ tôi (năm 1966) nữa!

Cứ mỗi lần tôi về thăm nhà, mẹ tôi lo mua sắm đủ thứ rau tươi, trái lạ để đãi tôi như là một khách quý vậy. Những năm tháng đầu tiên tôi về thăm gia đình, mẹ nhận thấy tôi ăn ít được cơm nên đâm ra lo lắng. Bà nghĩ bụng: Có lẽ vì chén bát không tinh khiết kém ngon nên tôi ăn bữa không được vừa miệng. Mẹ lo đi mua sắm cho tôi một bộ chén bát riêng để khỏi lẫn lộn với chén bát dùng của gia đình. Rồi không biết nấu đồ chay khéo, mẹ cũng tìm học cách chế biến thức ăn của mấy người quen lân cận để cốt tạo bữa ăn vừa miệng cho tôi. Theo thói quen, mỗi lần tôi về thăm gia đình là bà con lối xóm xúm nhau lại đông nghẹt cả nhà để nghe tôi kể chuyện này chuyện nọ, nhất là những mẩu chuyện vui buồn trong đạo. Cũng trong những dịp gần gũi này, bà con mang lại cho tôi nhiều thức ăn lạ khác với những bữa ăn thường nhật tại chùa. Ở chùa chư tăng hầu như phải sống khác khổ để tập rèn luyện ý chí. Mẹ vừa nhìn tôi và nhìn mọi người vừa nói:

- Thằng bầy (tôi thứ bảy trong gia đình nên mẹ gọi như thế) độ rày coi bộ ốm nhom ốm nhách trông mà tội nghiệp! Thế mà em nó vẫn nặng nề đòi xin đi tu. Tôi và ba nó cản ngăn cũng không được, nên cũng lại đi tu rồi. Mỗi khi nó về thăm, tôi cũng đều lo cho được mấy bữa cơm sung túc; còn thằng này (mẹ chỉ vào tôi) vì ở xa nên ít về được để tôi săn sóc cho được chu đáo.

Ôi tình mẹ! Cho dù con có ở đâu và làm gì, dù con lớn khôn thế mấy hay nhỏ dại đến bao nhiêu, mẹ cũng cho con tình thương tỏa rộng như tàn cây cổ thụ che rợp bóng mát cho cuộc đời của những đứa con được may mắn còn mẹ. Mẹ còn căn dặn tôi rằng con cố gắng thường hay về thăm để mẹ tấm bổ cho, nhìn tôi mẹ bảo thế mà nước mắt mẹ rơm rớm nghẹn ngào...

Từ khi tôi xa nhà vào chùa học đạo, cho tới ngày tôi mất mẹ khoảng thời gian độ 10 năm. Trong khoảng thời gian khi tôi còn tu học ở chùa Non Nước; tôi thường hay về thăm nhà mỗi khi có dịp thuận tiện. Sau này khi vào Sài Gòn rồi, việc gần gũi cha mẹ đối với tôi càng trở nên thưa vắng dần. Việc ít về thăm gia đình của tôi không phải là điều bất hiếu mà theo như trong luật có dạy rằng người đã cát ái từ thân không nên gần gũi cha mẹ, vì sợ cái tình cảm của gia đình mạnh hơn sẽ làm trở ngại cho việc học đạo. Điều đó không sai, vì không có tình thương nào lớn rộng cao cả cho bằng tình mẹ con.

Mẹ chính là bầu sữa ngọt ngào, *“là nải chuối, buồng cau, là bóng mát đêm thâu trong cuộc đời”*:

Mẹ là dòng suối dịu hiền

Là bài hát thân tiên...

Mà thật đúng như vậy. *“Mẹ là một dòng suối, một kho tàng vô tận. Vậy mà lắm lúc ta không biết, để lãng phí một cách oan uổng. Mẹ là một món quà lớn nhất mà cuộc đời tặng cho ta, những kẻ đã và đang có mẹ...”* (Thích Nhất Hạnh - Bông Hồng Cài Áo). Đáng lẽ ra hai anh em chúng tôi đã không đi tu để được gần gũi săn sóc mẹ cha, hầu an ủi các vị trong lúc tuổi già xế bóng. Nhưng nhân duyên Phật pháp khiến tôi lìa bỏ gia đình, cha mẹ già để vào chùa, rồi sau đó 7 năm lại đến lượt em tôi cũng theo bước chân tôi. Lúc em tôi đi rồi, mẹ tôi khóc mồn mõi! Thương mẹ quá nhưng tôi không biết phải làm sao hơn được. Kinh dạy: Con muốn báo

ơn cha mẹ một cách hữu hiệu là phải biết con đường tu niệm và khuyên nhắc cha mẹ lánh dữ làm lành lúc trở về già, đó mới là cách đền ơn cha mẹ hữu hiệu nhất. Đối với tôi, trên thực tế của cuộc đời, và theo như kinh nghiệm bản thân, tôi nhận mình chưa báo đáp thâm ân thì mẹ mất vào năm 1966. Đầu óc tôi như quay cuồng, tâm trí như bấn loạn... Song vì hoàn cảnh bắt buộc, tôi cũng không về được để tiễn đưa mẹ lần cuối về nơi an nghỉ nghìn thu. Với lòng thành tôi chí tâm cầu nguyện cho hương hồn Người sớm được siêu thoát, và gia hộ cho cuộc đời tu niệm của tôi được thông suốt, vẹn toàn.

*Năm xưa tôi còn bé
Mẹ tôi đã qua đời
Lần đầu tiên tôi hiểu
Thân phận kẻ mồ côi...
... Hoàng hôn phủ trên mộ
Chuông chùa nhẹ rơi rơi
Tôi thấy tôi mất mẹ
Là mất cả bầu trời*

(Xuân Tâm)

Năm 1981, cũng trong mùa báo hiếu, chùa Pháp Bảo có lễ cài hoa hồng cho những ai còn mẹ và hoa trắng cho người mất mẹ. Trong dịp này, tôi thổ lộ cảm xúc của mình qua bài giảng về đạo hiếu. Tôi kể lại câu chuyện tôi mất mẹ, ai cũng cảm thấy thương thương, cũng có người rưng rưng nước mắt. Bà con khóc thương tôi mất mẹ hay đúng hơn là thương cho chính thân phận mình đang sống trong cảnh lưu lạc chia lìa của kiếp đời ty nạn lênh đênh nơi xứ lạ quê người.

Mùa Vu Lan là mùa báo hiếu mẹ cha - mùa tình thương - hay còn gọi là mùa cầu nguyện của những người con hiếu còn biết nghĩ tới cội nguồn, huyết thống, dòng dõi, tổ tông... dâng trọn lòng thành lên mười phương chư Phật cầu cho cha mẹ, bà con nội ngoại, kẻ còn sống được an vui sức khỏe, người

lưu lạc ở khắp bốn phương trời sớm quay về đoàn tụ với gia đình; còn kẻ quá vãng được siêu sanh về cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Cũng như mọi người, chúng ta đốt nén hương trong sự chí thành tha thiết, nguyện cầu cho cha mẹ đã qua đời được an nhiên nơi cõi tịnh. Cầu nguyện cho mẹ, cho quê hương Việt Nam muôn thuở, và hằng mong ngày trở lại của những đứa con xa xứ sẽ không còn xa để chúng ta - những đứa con lưu lạc bất đắc dĩ - nhìn kỹ vào mặt mẹ lần hội ngộ trùng phùng để thỏa bao chuỗi ngày xa cách! Cho dù người nào có bất hạnh mất mẹ như tôi, cũng đều có cơ hội tốt để chúng ta có dịp được đốt nén nhang cắm lên ngôi mộ của đấng sanh thành trong lời cầu nguyện...

Giống Phật chớm nở

Là đoàn sinh của Gia Đình Phật Tử Hà Linh, tôi sinh hoạt trong nhiều năm từ ngành Oanh Vũ lên ngành Thiếu Nam. Bồ đề tâm chớm nở không biết tự bao giờ mà lòng thương người, thương loài vật của tôi có rất sớm. Tôi nhớ không chính xác lắm, có lẽ năm 1952-53 gì đó, mẹ tôi nuôi một con heo bự và dự định mổ thịt cúng giỗ đãi khách vào cuối năm. Con vật như có linh tính biết trước, nó rơm rớm nước mắt và bỏ ăn trước ngày bị hành quyết. Tôi đánh bạo nhảy vào can gián, không cho ai được giết chết con heo ấy, nên đề nghị gia đình đổi lại thay cúng mặn nên cúng chay tịnh. Cha mẹ tôi cũng là Phật tử, thấy con có tâm từ như thế, nên biểu đồng tình và tha chết cho con vật đáng thương kia. Làm được việc cứu vật như thế, trong lòng tôi cảm thấy thật là vui. Và cũng bắt đầu từ đó trở đi tôi phát nguyện ăn chay mỗi tháng 10 ngày, thay cho hai ngày như từ trước. Cha mẹ tôi cũng chay tịnh mỗi tháng 2 ngày rằm và mồng một; cũng như về chùa lễ lạy sám hối hồng danh mỗi tháng 2 lần, và thỉnh Phật về thờ tại nhà cho con cháu có dịp tín kính Phật.

Dần dà sau này cả gia đình đều quy y Tam Bảo hết, cha tôi pháp danh là Thị Tế, mẹ có pháp danh Thị Sắc, anh Bốn pháp danh Như Khương v.v... đều thuộc phái Lâm Tế Chúc Thánh - Hội An.

Xã Xuyên Mỹ của tôi có nhiều người đi tu như tôi được biết ít nhất có độ 50 vị là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, đã vào phẩm vị Thượng Tọa, Ni Sư, Hòa Thượng, riêng thôn Mỹ Hạc vùng tôi ngày nay còn lại Ni Sư Diệu Nghĩa ở chùa Bảo Thắng (Thủ Đức) Ni Sư tịch năm 2012, Ni Sư Hạnh Nghiêm (Gia Định), Hòa Thượng Như Điển (chùa Viên Giác - Đức quốc), Hòa Thượng Bảo Lạc (chùa Pháp Bảo - Sydney), Sư Bà Diệu Tâm, Ni sư Như Viên, Ni Sư Diệu Chỉ (chùa Bảo Vân Saigon), Ni Sư Diệu Phước (chùa Linh Thứu - Berlin, Đức quốc). Còn nhiều vị nữa tôi không nắm rõ được hết. Cho tới giờ này, tôi cũng không hiểu tại sao người làng tôi sớm có nhân duyên với Phật pháp như vậy. Dĩ nhiên, quý vị xuất gia đông như vậy qua thời gian gạn lọc sàng sảy, nay còn lại đếm không đầy trên đầu ngón tay. Thật quả đời vô thường biến đổi như lời Phật dạy, đó là điều chắc chắn có thật, không hề sai lầm bao giờ.

Dáng đạo sĩ

Lúc bấy giờ (1954 - 1957) Phật giáo hoạt động chưa lấy gì làm khởi sắc mấy. Người Phật tử tin Phật không theo đường chánh tín mà chỉ có mê tín nhiều hơn. Họ xem Đức Phật như vị thần không khác, vì chỉ việc cầu nguyện ban ân phước chứ người tín đồ chưa phát nguyện tu tập, do giáo lý chưa có người truyền đạt giảng giải để mọi người hiểu rõ. Thập niên 50, cách thờ Phật, tin Phật khác với sau này nhiều lắm. Chẳng hạn, người ta che trùm mặt cho Phật bằng tấm vải đỏ; phụ nữ không dám đi ngang qua trước mặt Phật, vì sợ có tội. Mỗi lần bắt đắc dĩ phải đi qua trước Phật, đàn bà phải cúi đầu khép nép. Vì người ta sợ rằng, nếu không làm như

vậy, Phật quả và thậm chí có người còn tuyên bố rằng Phật bắt! Quả tình niềm tin Phật hồi hợt kiêu đó rất tội nghiệp, đưa đạo Phật đi xuống, sụt lùi lại hàng ngàn năm! Vì Đức Phật chưa hề quả trách và phạt ai bao giờ, thế tại sao ta chưa hiểu Phật mà lại gán cho Ngài cái nhãn hiệu phi đạo lý ấy. Cho nên theo nhà nghiên cứu sử học Phật giáo Trí Siêu Lê Mạnh Thát cho rằng đó là thời kỳ Phật giáo quyền năng kéo dài hơn cả ngàn năm, mãi cho tới thời Pháp thuộc (1868-1954).

Chúng ta không lấy làm lạ, Phật giáo bị ảnh hưởng không ít bởi tính cách quyền năng này trong lòng người Phật tử chân quê mộc mạc, kiến thức cạn mỏng, niềm tin mù quáng chưa được soi sáng bởi đạo lý giác ngộ. Thiếu vắng các bậc thầy, những pháp sư giáo thọ điển hình mô phạm đem đạo vào đời, xây dựng cuộc sống nhân sinh an lành hạnh phúc. Nhưng thỉnh thoảng cũng có vài đoàn du tăng khát thực đi chân trần trong sắc y vàng thanh thoát, họ bước đi trên quốc lộ 1 gần nhà, làm cho tôi vô cùng thích thú đem lòng hâm mộ, ước mong mình đóng được vai trò như các vị khát sĩ kia thì còn hạnh phúc nào hơn! Hình ảnh giải thoát ấy luôn đập mạnh vào tâm hồn tuổi thơ của tôi, tuy rất ham thích nhưng không biết làm cách nào để thực hiện tâm nguyện. Tôi âm thầm mơ ước, hầu dệt mộng tương lai vào một ngày không xa. Nhưng đối với bạn bè, người thân, cái mộng ước của tôi không khéo lại thành võ mộng và không tưởng. Nói chung, không ai chịu chấp nhận một thiếu niên mới lớn lại có ý nghĩ lạ đời muốn đi tu như tôi cả. Chôn chặt sâu kín vào đáy lòng để chờ đợi nhân duyên hội đủ, tôi sẽ ra đi như kẻ “xuất trần thượng sĩ”, mà việc trước mắt là đoàn thể tôi đang theo đuổi.

Sinh hoạt Gia Đình Phật Tử

Hệ thống tổ chức Gia Đình Phật Tử khởi đầu từ *Gia Đình Phật hóa phổ* do bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám nhen nhúm thành lập ngoài Huế năm 1940, nhưng vì chiến tranh trong thế chiến II (1939-1945), mãi đến năm 1952-1955, các Gia Đình Phật Tử mới thành lập và sinh hoạt tại các chùa, các Khuôn hội Phật giáo tại hầu khắp miền Trung và một vài nơi tại miền Nam - Việt Nam. Cho đến năm 1957-58 phong trào Gia Đình Phật Tử đang lên rầm rộ thì gặp phải sự kỳ thị bắt bớ, thủ tiêu những cán bộ Huynh trưởng nòng cốt bởi chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm, phân biệt giữa đạo Phật và đạo Chúa.

Là một Phật tử nhiệt thành, tôi hăng say sinh hoạt trong đoàn thể trẻ của Gia Đình Phật Tử Hà Linh trong 5 năm từ năm 1952 đến ngày rời gia đình đi tu năm 1957. Gia Đình Phật Tử Hà Linh hoạt động rất tích cực và xuất sắc về nhiều mặt. Nhất là về tổ chức và kịch nghệ mà sau này dù đã là Đại Đức tôi vẫn thích văn nghệ, nên được các trường Bồ Đề: Huệ Quang, Hạnh Đức mời làm giáo sư hướng dẫn cho học sinh về các môn này. Có thể nói Gia Đình Phật Tử như là điểm tựa cho tôi đi xa hơn vào đời sống người xuất gia về sau, nhất là học hỏi giáo lý và phương pháp tổ chức về Đội, Đoàn, Chúng v.v... hầu như tôi nắm rất rõ. Tuổi trẻ ưa bay nhảy và tánh thích phiêu lưu, tôi thích nhất là những chuyến thám du đi xa học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu và những kỳ trại họp bạn còn là cơ hội tốt để chúng tôi kết thêm bạn bè và tranh tài với các gia đình khác trong toàn tỉnh về kỹ thuật, thể thao v.v... thật là hào hứng khó quên. Nhờ sinh hoạt Gia Đình Phật Tử mà tôi thành dạn dĩ, tự tin, độc lập rất sớm không bị lệ thuộc vào bất cứ người nào. Tôi thuộc nằm lòng châm ngôn: Bi - Trí - Dũng và năm điều luật của ngành thiếu Gia Đình Phật Tử:

1. Phật tử quy y Phật, Pháp, Tăng và giữ giới đã phát nguyện
2. Phật tử mở rộng lòng thương, tôn trọng sự sống
3. Phật tử trau dồi trí tuệ và tôn trọng sự thật
4. Phật tử trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm
5. Phật tử sống hỷ xả để vững tiến trên đường đạo.

Mỗi điều luật như mực thước đo đạo đức, giới răn cho các đoàn sinh Phật tử, nếu muốn được trở thành là Phật tử gương mẫu xứng đáng, ngõ hầu dắt dẫn đàn em lớp sau. Trong năm điều luật, tôi tâm đắc nhất là điều thứ tư: *trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm*. Nếu như chịu suy nghĩ, điều này có thể một người làm suốt đời cũng chưa xong, vì ba nghiệp: thân, miệng, ý không dễ giữ cho thanh tịnh. Một người mà giữ ba nghiệp thanh tịnh trở thành Thánh nhân, Bồ tát và được mọi người quy kính, học hỏi.

Cuộc thám du còn mang nhiều dấu ấn

Trong sách Như Dòng Ý Thức nơi chương một, phần nói về nhân duyên kỳ lạ, có viết như thế này: “Qua nhiều lần tổ chức trại (GDPT) tôi đã có dịp tham gia, cũng như các cuộc du ngoạn khác cùng với các bạn đồng đội trong Gia đình, một hôm nhân chuyến du ngoạn chùa Non Nước - Ngũ Hành Sơn - trở về tự nhiên trong đầu óc tôi nảy ra nhiều nghi vấn về cuộc đời và con người hiện tại. Ý nghĩ này cứ làm cho tôi bận tâm không ít, là con người rồi sẽ đi về đâu? Và cuộc sống nhân sinh sẽ phải giải quyết ra sao? Cứ suy nghĩ mãi trong mấy hôm liên tiếp, nhưng tôi vẫn không tìm ra được đáp số của bài toán “nhân sinh” ấy rồi sẽ được giải đáp như thế nào? Tôi tự nghĩ chỉ còn một cách duy nhất dù phải ra đi như thái tử Tất Đạt Đa khi xưa để sống theo nếp

sống đạo mà theo tôi, nó sẽ nhiệm mầu và có thể tìm ra được mẫu số chung cho kiếp làm người. Tuy nhiên, một cuộc ra đi như vậy không phải dễ dàng và đơn giản như bạn tưởng! Đó là cả một sự phấn đấu quyết liệt với mọi hoàn cảnh, nhất là đối với gia đình. Ý là tôi sớm tự lập mà còn gặp phải nhiều sự chướng ngại, khó một lúc giải quyết dứt khoát được như thế, huống chi người tùy thuộc vào thân nhân nhiều, hẳn khó gặp vận lần. Nói như thế, nhưng tôi vẫn phải can đảm lắm mới hạ quyết tâm một lần rồi thôi không lặp lại nữa. Trong tâm mãi dẫn đo suy đi nghĩ lại thấy thương cha mẹ quá, đâu nỡ nào lia bỏ nóm ruột dứt khoát ra đi cho đành! Qua nhiều đêm thức trắng không sao chợp mắt được, cố mong tìm cho ra giải pháp hoặc cách nào đó thuyết phục cha mẹ để xuất gia cho bằng được, dù phải đón nhận thất bại trước mắt. Tự hào tuổi trẻ, hể nghĩ là làm, tôi mạnh dạn tỏ bày ý định đi tu với cha mẹ.

Đánh bạo xin cha mẹ đi tu



Hình tác giả 42 năm trước

Mọi việc đâu đấy đều đã được xếp đặt và chuẩn bị sẵn sàng, tôi bèn nảy ra ý định nói ngay với gia đình việc xuất gia học Phật. Khi trình bày ý nghĩ táo bạo này với song thân, tôi đã gây nên sự sững sốt lẫn ngạc nhiên cho mọi người trong gia đình. Nhất là ở vào lứa tuổi vừa mới lớn của tôi, đang cần sự săn sóc, giúp đỡ của người thân. Cha tôi nghiêm nghị bảo:

- Nếu trong gia đình có gì bất mãn, con cứ việc nói thẳng hết ra để cha có thể tìm cách giải quyết ổn thỏa. Nhưng tại sao con lại muốn đi tu?

- Vì con muốn sống đời thanh thoát của một người tăng sĩ.

Cha nói tiếp:

- Con đừng vì nông nổi mà quyết định một việc quá vội vàng, hấp tấp thiếu sự cân nhắc kỹ lưỡng điều hơn lẽ thiệt, sẽ phải ăn năn hối hận về sau.

- Nhưng thưa cha con đã dứt khoát, không thể nào khác hơn.

- Con nên nhớ rằng, khi con ra đi rồi thì việc gì sẽ xảy ra trong gia đình này? Anh con còn đang trong quân ngũ chưa mãn hạn. Con nên nghĩ kỹ lại đi...

Nghe cha nói thế, cả nhà mẹ và mấy anh chị đều hướng mắt nhìn tôi thăm dò phản ứng mà nơi thâm tâm họ rất hài lòng qua những lời khuyên can chí tình của cha tôi. Mẹ tôi đâu bao giờ nghĩ tới việc hệ trọng như thế này. Mới đây bà ép tôi cưới vợ để nhà có thêm tay làm, nào bà có ngờ đâu một sự kiện quá đột ngột, làm hao hơi tổn sức chứ đâu phải chuyện thường. Bà chỉ nghĩ đơn giản: người con đi tu là mất hẳn, vì trước mắt là không nối dõi tông đường, thứ đến gia đình mất đi một bàn tay đóng góp tích cực mà một người như tôi bà rất tin cậy nên không muốn rời xa.

Nước mắt mẹ hiền

Tiếng khóc qua giọt nước mắt biểu lộ nhiều trường hợp, hoàn cảnh khác nhau, nhất là về mặt tình cảm của con người. Đã là người, không cứ người lớn hay trẻ con đều lấy nước mắt làm vũ khí che chở, chống chế, đồng tình, phản kháng... là cách hữu hiệu nhất, làm cho kẻ khác ngao ngán, chùn bước, dừng tay v.v... không dám tiến hành, thực hiện một công việc, dự án hay đề nghị nào. Nghe con đại khóc thét lên khiến người mẹ đang làm việc gì vẫn ngưng lại vỗ về an ủi, cho tới lúc nó thỏa mãn yêu sách mới thôi. Trong trường hợp của tôi, tiếng khóc của mẫu thân vô cùng lợi hại, bà có đặt điều kiện gì với tôi không? Không, vì bà có nói lên lời nào đâu mà bảo là điều kiện với không; vả lại càng không yêu sách nào hết cả. Nhưng trong vô hình, giọt nước mắt của mẹ biểu tỏ nhiều điều cụ thể mà không thể tiện diễn tả được bằng lời:

- Mẹ thương con vô hạn, con đừng làm cho mẹ đau lòng mà tổn hại tới sức khỏe tuổi già.

- Con không thể sống xa nhà thiếu tình thương yêu đùm bọc của người thân được.

- Hãy ở lại nhà tu có mẹ có con, hà tất vào chùa mới tu được hay sao?

Dù bằng lời khuyên của cha hay với những lời phải trái của các anh chị, tiếng khóc của mẹ nghe sao mà quá cảm động. Vì hồi nào tới giờ tôi chỉ nghe tiếng khóc trẻ thơ mà việc tôi muốn đi tu cũng vì không ưa tiếng khóc của chúng. Hễ khi nào nghe mấy đứa cháu trong nhà hay trẻ con lối xóm khóc ré lên là tôi tránh đi chỗ khác. Nay lại nghe tiếng khóc của người mẹ hiền làm sao tôi có thể đủ can đảm đứng nhìn với nhiều lối giải thích và bằng đủ mọi cách để cản ngăn ý chí quyết định ra đi của mình, người nhà mong làm nản lòng

thối chí để tôi có thể hủy bỏ chuyến đi định mệnh đó hay ít ra cũng thay đổi thái độ. Tôi bèn nghĩ kế khác để ra đi cho bằng được với bất cứ giá nào.

Trốn gia đình xuất gia

Mặc dù chăm chỉ làm việc phụ lực vào kinh tế gia đình, nhưng tâm tư tôi cứ nghĩ chuyện bay bổng ở trên trời nên không bị gò bó thu hẹp nơi xóm thôn chật hẹp với đồng ruộng, khu vườn. Như đã trình bày, thỉnh thoảng tôi được nghe các thầy giảng sư từ Tỉnh Hội về thuyết pháp, cũng như trông thấy quý sư du tăng khát sĩ đi trên quốc lộ. Trông thấy các thầy tướng tốt trang nghiêm, dáng đi thanh thoát nhẹ nhàng trong chiếc y vàng như kiêu Phật mặc, trông họ thật là an lạc giải thoát. Còn nhìn lại mình cảm thấy sao mà bận rộn, vất vả mọi bề; đời sống lại là đấu trường tranh nhau hơn thua, lợi hại. Do nhiều yếu tố tạo thành giúp tôi có thêm nghị lực nảy ý định xuất gia, nhưng thật quả là khó vô cùng. Sớm muộn gì rồi cũng phải thực hiện cho được chuyến đi, tôi thuyết phục và tìm đủ mọi cách để cho gia đình biết rõ ý định, nhưng vẫn cứ lần lữa không dám nói thẳng, vì sợ bị ngăn cản...

Nơi cuốn sách đã dẫn có đoạn viết: Một hôm đang sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử, tôi bày tỏ thái độ dứt khoát ra đi này và ngỏ lời từ giã với một vài người bạn thân. Các bạn tôi lấy làm ngạc nhiên và chất vấn lý do, cũng như điểm đến của chuyến đi đầy thử thách đó của tôi. Nhưng các bạn hữu chỉ biết một cách đại khái, mơ hồ, còn sau này việc tôi tu học ở chùa nào, tôi giữ bí mật, không thể nào cho họ biết rõ được. Vì biết đâu để lộ kế hoạch sẽ là bước cản trở con đường của tôi dự tính. Thế là ngày giờ và hành trang như đã sẵn sàng. Với một thái độ cương quyết và dứt khoát, tôi tìm cách trốn gia đình để ra đi trong muôn vàn đau xót. Hôm đó, một vài người bạn thân được tôi mời đến nhà để chuyện trò và họ cũng được

cho hay là nội trong đêm tôi sẽ từ giã mọi người để ra đi. Sau khi nghe xong câu chuyện tôi trình bày, cả ba thiếu niên đều ngồi yên lặng không ai thốt lên được một lời nào cả. Sau gần một tiếng đồng hồ, tôi đã viết xong được ba lá thư. Lá thư thứ nhất để lại cho cha mẹ như:

Mỹ Học, ngày ... tháng ... năm 1957

Kính gửi cha mẹ và các anh chị em thương mến.

Đã nhiều lần con tỏ ý định ra đi này với cha mẹ và các anh chị, nhưng lần nào con cũng bị gạt ngang dòng tư tưởng đang bùng cháy trong lòng với đủ lý do này hoặc lý do khác.

Hôm nay, đúng ngày rằm tháng giêng con đã có quyết định ra đi qua nhiều đêm suy nghĩ: việc ra đi của con sẽ làm cho gia đình buồn khổ, nhưng ý con đã quyết ... con vẫn biết ra đi như thế này là để lại bao nhiêu thương nhớ nơi người thân, nhất là đối với mẹ. Mẹ thương, con rất có lỗi với mẹ cha, vì ở vào tuổi con đáng lẽ phải hầu hạ và săn sóc mẹ lúc tuổi về già. Nhưng con lại bỏ lại tất cả những thâm tình cốt nhục để ra đi, thật là điều bất hiếu đối với gia đình, nhưng con không còn cách nào nghĩ khác hơn được cả.

Con đã học được ở giáo lý đạo Phật, công ơn cha mẹ sánh như trời biển, muốn báo đền sự hy sinh cao cả của đấng sanh thành, người con cho dù suốt đời công cha bên vai trái và công mẹ bên vai phải đi suốt từ nguồn ra tới biển để đền ơn cũng chưa chắc đền đáp được. Nhưng có một cách báo ân cha mẹ xứng đáng là người con phải hiểu lý vô thường và cố khuyên nhắc cha mẹ lúc tuổi về già làm việc phước đức, cũng như kính thờ Tam Bảo và niệm Phật. Nhờ đó con mới mong đền đáp lại phần nào công ơn như trời biển trong muôn một.

Việc ra đi của con hôm nay chắc chắn dư luận sẽ phê phán, nhưng khi đã biết rõ được đâu là sự thật thiên hạ sẽ không còn ngạc nhiên, thắc mắc nữa. Cho đến khi nào con đã yên tâm tu học, rồi thì cũng chính là lúc con báo đáp thâm ân cha mẹ một cách trọn vẹn.

Con nguyện cầu hồng ân chư Phật gia hộ cha mẹ, anh chị em cùng thân bằng quyến thuộc được vạn sự an lành và nhiều phúc lộc.

Kính thư

Con

Lê Văn Cư

Lá thư thứ hai gửi lại bạn bè thân, nhất là các đoàn sinh trong Gia Đình Phật Tử Hà Linh. Lời tâm sự, chia sẻ cũng là lời từ giã chia tay của người viết, thế là từ nay tôi không còn lui tới sinh hoạt với các bạn nữa. Cho tới giờ này khi các bạn đọc thư tôi, tôi đã đi xa các bạn, xa mái nhà lam dầm ấm của chúng ta, mong các bạn tinh tấn tu tập và cầu nguyện cho tôi đủ nghị lực phấn đấu trên con đường tâm cầu giải thoát. Hy vọng một ngày nào đó chúng ta hẹn sẽ gặp lại nhau. Trong lúc tôi còn sinh hoạt với Gia đình, nếu có điều gì phật ý các bạn cũng hoan hỷ bỏ qua vì tuổi trẻ nhiều háo thắng chắc không tránh khỏi lỗi lầm. Việc âm thầm ra đi của tôi cũng là điều lỗi nữa, vì đã không báo trước các bạn hay; lại cũng im lìm chẳng tổ chức tiệc tùng đưa tiễn. Như các bạn thấy đó, tôi đâu có được gia đình chấp thuận cho đi tu, nên phải trốn cha mẹ lặng lẽ ra đi trong đêm khuya. Việc công khai của tôi cho mọi người biết là điều không thể, nên các bạn phải thông cảm cho tôi ở điểm này. Có điều tôi mong ước là trong số các bạn có ai dám theo tôi vào ở chùa không? Nếu có bạn nào làm được như vậy, chúng ta sẽ kết thành huynh đệ, pháp hữu với

nhau lâu dài, không những trong đời này mà còn ở kiếp khác nữa, để cùng nhau phụng sự Tam Bảo. Mấy lời phát xuất tự trong đáy lòng chân thật của tôi, mong các bạn mạnh khỏe và luôn vững tiến trên đường đạo. Bên dưới bức thư ký tên: Lê Văn Cư.

Và lá thư thứ ba: gửi Bác gia trưởng và các huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Hà Linh, nhằm mục đích xin vắng mặt trong các buổi sinh hoạt, cảm ơn Bác gia trưởng cũng như các anh chị huynh trưởng đã tận tình giúp đỡ và dành cho tôi nhiều cảm tình quý mến. Xin gửi lại bao niềm lưu luyến tình lam với Bác gia trưởng và các anh chị trưởng. Cầu chúc tất cả tinh tấn.

Đi về hướng nào

Sáng ra, cả gia đình đều hoảng hốt, ai nấy nhìn lên bàn thấy mấy phong bì thư còn để ngổn ngang, nhất là lá thư tôi viết từ già gia đình cha mẹ và mấy anh chị tôi, theo lời anh tôi kể lại, đều khóc nức nở. Nhưng không ai biết được tôi đã đi về hướng nào và đi tới đâu? Mỗi người nhìn nhau không nói, và ai nấy đều tỏ ra lo lắng tột cùng vì đều cùng mang một tâm trạng buồn và nghĩ ngợi khác nhau.

Tôi và hai người bạn nhè nhẹ gài cửa rồi nhẹ bước ra đi trong khi mọi người còn đang ngon giấc. Cũng như cuộc vượt thành xuất gia của Thái tử Tất Đạt Đa năm xưa. Thái tử rời hoàng cung với con ngựa Kiên Trắc và người hầu Xa Nặc; còn tôi đi chẳng có ngựa và kẻ tùy tùng mà lợi bộ lô ca chân mệt nghỉ. Tất Đạt Đa ra đi từ cửa thành phía Đông bằng cưỡi ngựa đến dòng sông A Nô Ma, cách xa đến 60 cây số rồi cắt tóc cỡi áo hoàng bào trao cho Sa Nặc đem về giao lại phụ hoàng. Biến cố lịch sử đầy bi hùng đó còn lưu lại với bài hát dòng A Nô Ma mà chúng tôi rất ưa thích, nên ghi lại đây tặng quý độc giả:

*Dòng A Nô Ma sóng nhấp nhô bờ lau xanh
Nhìn làn nước biếc Thích Ca Ngài lòng vững bền
Thôi con hãy về để ta vui ánh vàng
Ta đã quyết tìm đạo sáng cứu chúng sanh
A Nô Ma vẫn còn nhớ ghi gương sáng người
Chúng ta giờ đây nguyên noi gương đức từ bi.*

Còn tôi chẳng có gì trao lại các bạn đem về cho gia đình làm tin hết.

Đi tới quốc lộ số 1, chúng tôi chia tay hai người bạn khi chiếc xe đò Phi Long - Sài Gòn - Đà Nẵng vừa trở tới. Hai bạn tôi nghẹn ngào rơi nước mắt lúc vẫy tay chào từ giã và cứ đứng đó trông theo mãi cho tới khi xe chạy mất hút mờ dần họ mới uể oải trở về mà trong tâm trạng vô cùng lo lắng, vì họ không biết tôi đi về ngã nào để mách tin cho gia đình nhất là cha mẹ tôi đang chờ tin từng giờ từng phút. Xe tới Đà Nẵng là trạm cuối cùng, tôi đón xe tiếp đi về hướng Non Nước - Ngũ Hành Sơn. Sở dĩ rành đường đi nước bước là do tôi có tham gia cuộc du ngoạn trước đây của Gia Đình Phật Tử Hà Linh, nên biết Hòa thượng Hương Sơn và chùa Linh Ứng tại Non Nước. Đó là chuyện đoàn thể, việc của Gia Đình Phật Tử, còn hôm tôi đến sáng sớm hôm đó chỉ một mình trợ trợ khiến cho Thầy tôi phân vân nghi ngại không ít.

Vừa chợt thấy thầy Sơn nhanh nhẹn hỏi:

Cần điều cho con tới sớm nơi này.

Tôi quỳ thưa: Xin học đạo từ đây

Được hứa khả sau một hồi suy nghĩ...

Vì tôi là một thiếu niên nên Thầy cần biết rõ lý do xuất gia phải được vị gia trưởng hay người giám hộ gửi gắm hoặc giới thiệu mới đúng. Nhờ có quen trước đây nên thầy không ngại nhận cho tôi ở chùa sau khi đã hỏi sơ vài điều lý lịch và cho xuống phòng chúng. Từ đây tôi bắt đầu nghiên ngẫm về việc đi chùa hay ở chùa của người Phật tử:

Có ba thái độ đi chùa
Ngõ ngang, xa lạ, vui đùa giải khuây
Xem chùa là chuyện của thầy
Vòng ngoài ngắm cảnh ai hay làm gì
Thiện nam tín nữ tu trì
Gặp nhau niệm Phật A Di chào mừng
Hai tay chấp lại ung dung
Thân thương hòa ái vô cùng thiết thân
Tuy xa đồng cảm như gần
Chùa ta xây dựng ân cần từ đây
Tối lui học đạo lâu ngày
Thấm nhuần kinh kệ giải bày tâm tư
Bây giờ ai cũng xem như
Chùa chung bá tánh riêng tư đâu còn
Từ đây vào thẳng bên trong
Tự tin cảm thấy cõi lòng an nhiên
Mái chùa che chở hồn thiêng
Trẻ già, trai gái đồng nguyên tiến tu
Sớm chiều kinh kệ công phu
Xây đời an lạc đắp bù gia công
Quả xinh tu tạo nhân trồng
Tương lai bồi đắp cha ông đạo nhà
Mái chùa đùm ấm thiết tha
Cháu con giữ lấy món quà tâm linh.
(Sông Thu)

Ba thái độ đi chùa của Phật tử xưa nay

Xem chùa là của thầy, thứ hai xem chùa như của mình và thứ ba: chùa là của thập phương bá tánh. Ít nhất chúng ta phải cần đi sâu vào nếp sinh hoạt chùa chiền mới không làm khách bàng quan chỉ ngắm cảnh chụp hình đi dạo ở vòng ngoài rồi thôi. Đó không phải thái độ đi chùa đúng nghĩa, vì còn thấy có sự phân biệt ngăn cách giữa mình

và chùa. Chẳng hạn, ăn uống ở chùa phải đợi mời mọc, nếu không là trách cứ, giận hờn, bỏ chùa... như thế đâu có đúng ý nghĩa đi chùa. Người Phật tử tới chùa nên xem như việc nhà của mình mới tự tại mà không phiền não; rồi lâu dần tiến tới xem chùa là ngôi nhà chung của thập phương bá tánh.

Kể cả người tu ở chùa, nếu nhìn khách quan, chắc chắn chùa không bao giờ phát triển được. Mọi người con Phật dù tại gia hay xuất gia cũng phải nhiệt tình tham gia đóng góp để bảo vệ ngôi chùa làm hiển phát chốn già lam, như câu nói quen thuộc trên môi của nhiều người “chùa chiền”, hết người này trông nom chăm sóc đến người khác cũng giữ gìn chốn thiền môn như vậy. Hẳn là thiền môn nghiêm tịnh (thanh tịnh) chúng lý an hòa và người thí chủ đàn na đem của cúng dường chùa được tăng phước thêm thọ. Cũng như con chim mẹ dẫn dắt tập chim con bay lúc mới biết bay chập chững, nó đứng nhủ chim con chuyên gần rồi từ từ đi xa hơn một chút, tập con nó cứ chuyên hết cành này sang cành khác, hết cây này qua cây kia. Suốt cả buổi chú chim con bay xa sải cánh vững chãi mà không sợ rớt té nguy hiểm. Nếu ai cũng quan niệm duy trì giữ gìn ngôi chùa một cách nhiệt thành bằng khả năng và thiện chí, chúng ta tin chắc rằng ngôi chùa trở nên tươi mát có hồn và thanh tịnh.

Mới bước chân vào chùa sống đời phạm hạnh, tôi lại suy nghĩ miên man về việc này, có lẽ đề không nhưng đây là một phần để làm nguôi quên cuộc sống của tôi hiện tại, như có vẻ đầy xúc động đối với người thân. Và phần nữa, cũng nhân cơ hội này tôi mong mỗi những ai là Phật tử chân chánh mà trong đó có thân bằng quyến thuộc của tôi, nên thay đổi thái độ đi chùa, nhằm đóng góp trực tiếp trong việc bảo vệ chùa chiền. Lâu nay chúng ta sống trong cảnh cơ cực do người ngoại quốc chi phối, hết Tàu, đến Pháp rồi Nhật Bản, làm cho niềm tin Phật của người Phật tử lỏng lẻo bị chao đảo. Nếu không muốn nói là người Pháp như muốn đồng hóa Phật

với đạo thờ thần để họ dễ dàng cai trị người Việt trong gần một trăm năm đô hộ từ 1859 đến 1945.

Đây đề cập sơ nét sinh hoạt của tôi ở chùa như là một kinh nghiệm thời niên thiếu. Ở chùa bận rộn nhất là những dịp quốc lễ. Du khách các nơi đổ dồn về Non Nước để chiêm bái rất đông. Họ không phải chỉ có thuần túy là người Việt mà ngay cả du khách ngoại quốc cũng đông không kém. Ngũ Hành Sơn vốn đã nổi tiếng từ lâu về cảnh trí đẹp và nhất là các di tích lịch sử như hang động Huyền Không, Vân Cẩn Nguyệt Quật, động Tàng Chơn, vọng Giang Đài, vọng Hải Đài, giếng tiên... Du khách tới lui viếng chùa tấp nập, nên tăng sinh chúng tôi phải bận rộn suốt ngày, vì thế thì giờ như phần nào bị eo hẹp lại không đủ. Chúng phải dành nhiều thì giờ vào học tập kinh kệ gồm hai buổi sáng và chiều. Một vấn đề thật hết sức nan giải cho vùng núi cao này là nước uống. Từ khi chưa có xi tặc xây trên núi, mỗi lần có lễ lộc, tăng sinh chúng tôi phải xuống tận dưới chân núi lấy nước giếng gánh đem về cho du khách dùng.

Chế độ ăn uống ở chùa lại quá kham khổ, còn việc học hành thì thiếu thốn mọi phương tiện như sách vở, đèn đuốc, bút mực hay kể cả quần áo. Mỗi bữa ăn nhìn trên bàn chỉ cơm là chính, còn thức ăn ngoài rau muống luộc với lại thêm món nước luộc rau ấy bỏ lỏng bỏng mấy miếng cà chua làm canh. Thế nhưng tăng sinh chúng tôi ăn cảm thấy ngon miệng đáo để, một phần nhờ số đông, và phần khác do sức lực tuổi trẻ đang vươn sức sống. Ban đêm, chúng tôi học với cây đèn dầu hôi bóng hột vẹt, vì vào thập niên 50 ấy, vùng núi Non Nước làm gì có điện như ngày nay. Sinh hoạt trong điều kiện thiếu thốn ấy, nhưng tăng sinh chúng tôi rất lấy làm vui và ai cũng ưa thích nhờ được tu và được học bên thầy thương bạn mến làm trưởng dưỡng đạo tâm cho người học đạo xuất thế.

Nếp tu hành

Thật quả đúng như người ta nhận xét, người có căn cơ mới tu hành được, tôi để ý tôi thấy nhiều người sống gần chùa nhưng chẳng biết tu hành gì. Lại có số người khác tới chùa cũng chỉ ngắm cảnh vui chơi mà không có tâm đi sâu vào Phật pháp. Không biết tự bao giờ tôi đã phát tâm hướng Phật mà hễ gặp Phật, chư Tăng là tôi cung kính xá dài; cũng như biết ăn chay từ hồi lên 7, 8 tuổi và phát tâm từ bi thương người và vật. Cộng thêm nhân duyên gia đình tôi theo đạo Phật hồi đời ông bà đến cha mẹ đều tôn thờ kính Phật, nhờ vậy hạt giống Bồ Đề trong tôi nảy mầm rất sớm.

Hồi khoảng 5 tuổi, tôi xáng một cơn bệnh trầm trọng tưởng không qua khỏi, nhưng nhờ phước đức ông bà, sau vài tháng điều trị chứng ruột thừa biến mất. Tôi còn nhớ rõ, lúc đó cha mẹ tôi mừng khôn tả in như tôi được hồi sinh không bằng! Mẹ cho mời một ông thầy xem tướng tới coi chỉ tay cho tôi. Ông ta nhìn chăm chú vào mặt tôi một hồi và nói: Tuổi Nhâm năm Ngọ cầm tinh con ngựa. Mạng mộc thuộc dương liễu mộc, dẻo dai bền bỉ. Ngựa chạy nước rút đường dài mà đường đạo mới thông; đường đời bị chướng. Sau khi lật ngựa bàn tay tôi để ông luận đoán về đường học vấn, công danh, tình duyên và thọ mạng. Về đường học vấn, ông nói cậu này có chí sáng, chăm học đạt thành tài, nên cố gắng tiếp tục đèn sách, thay vì theo nghiệp nông cũng thành tựu nhưng tương lai không khá mấy. Đường công danh khá rạng rỡ nhưng đến hơi chậm, đừng vì lẽ gì thối chí nửa đường, hẳn có lao đao lận đận không cứu vãn được đâu. *Hữu chí cánh thành* là câu

nói phát ra từ miệng ông ta mà tôi không bao giờ quên được. Ông còn nói thêm, cậu vừa trải qua một cơn bạo bệnh thập tử nhất sinh, từ nay có phần nhẹ bớt nghiệp rồi. Nghe ông nói tôi như vệt nghe sấm, chẳng hiểu mô tê chi hết, không biết nghiệp là cái chi chi, vì thật khó hình dung nó ra sao, lớn nhỏ thế nào lại có đủ sức chi phối con người đến vậy. Tới chuyện tình duyên, ông luận đoán: Theo đường chỉ tay của cậu nếu sau này lập gia đình sẽ lấy hai vợ. Vợ trước có 3 con rồi chết sớm, người vợ thứ hai sanh hạ được 4 người con và hai vợ chồng sống với nhau cho tới mãn kiếp. Cậu sẽ nhờ đỡ người vợ thứ hai này nhất. Nhưng ông nói tới đó lại ngập ngừng một lúc làm cho cha mẹ tôi hơi lo lắng rồi tiếp; cậu quý tử của ông bà có số đi tu, hẳn là hanh thông hơn, thay vì ở đời lo công danh sự nghiệp. Sau hết, ông nói về thọ mạng, bèn đưa bàn tay trái của tôi chỉ rõ cho cha mẹ tôi thấy đường thọ mạng của tôi kéo dài. Có đoạn sắp bị cắt đứt chỉ trận đau của tôi hồi còn nhỏ, nhưng đã qua rồi. Cậu có thể sống dài dài mà không bị đau ốm gì nhiều nữa đâu, ông bà đừng có lo lắng chi cho nhiều.

Lá số tử vi của tôi như thế nhưng tôi đâu có tin và như lời ông thầy tướng có nói: chỉ tay của một người có thể thay đổi trong vòng 3 tháng. Cho nên một người tu phải chuyển nghiệp, hẳn số tử vi đâu còn đúng nữa và lại không thích hợp với chánh tín trong Phật pháp. Dù vậy phần nhiều người ta hay lấy số mạng làm đầu, nên mới tạo cơ hội nuôi sống được những ông bà thầy xem tướng số. Mà ở thời nào họ vẫn có thân chủ chiếu cố, để mấy khi thất nghiệp đâu.

Không thể nối dõi tông đường, tôi chọn hành trình kế thừa đạo nghiệp.

Một thời hành điệu

Tuổi trẻ hồn nhiên, thơ ngây và tâm hồn trong trắng như thiên thần vậy đó, chưa nhiễm bụi trần nên dễ huân tập hạt giống lành vào ruộng tâm rất nhanh chóng, hợp với câu tục ngữ: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Theo đó, tôi muốn nói rõ, người nào có ý định muốn tu nên dứt khoát xuất gia lúc tuổi còn nhỏ, gọi là *đồng chơn nhập đạo*. Ở vào lứa tuổi này con người chưa hề vướng mắc bầy của đời sống: tình, tiền, danh lợi, địa vị; cũng như tuổi đời còn dài mới có nhiều cơ hội phụng sự cho đạo pháp. Ngày nay sau năm mươi sáu năm nhìn lại lúc tôi mới vào chùa tu, đầu cạo nhẵn chỉ còn chừa lại chỏm tóc phát phơ phía trước mở ác, thấy tức cười ngộ nghĩnh và thương quá là thương.

Việc đầu tiên của tôi ở chùa là phải học thuộc lòng hai thời công phu sáng và chiều. Thời kinh sáng hay cũng gọi là công phu khuya gồm 5 đệ thần chú Thủ Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, 10 bài chú ngắn, tâm kinh Bát Nhã, niệm Phật hồi hướng và Tam tự quy y. Chú Lăng Nghiêm trúc trắc khó đọc, đọc mãi không trôi chảy lại cũng khó thuộc nữa. Cho nên người ta hay gán câu "*Hành quân sợ qua ải, làm sãi ngán Lăng Nghiêm*" là như thế. Thời công phu chiều gồm kinh A Di Đà, Hồng danh bảo sám, Mông sơn thí thực, một bài sám nguyện, Bát Nhã tâm kinh, niệm Phật và Hồi hướng cũng tương tự như buổi sáng. Đối với tôi, tôi có cách chia chú Lăng Nghiêm thành từng đoạn, học thuộc một đoạn rồi mới học tiếp đoạn khác. Vì vậy, tôi học chú Lăng Nghiêm chỉ 3 tuần là thuộc, dù chưa nhuần nhuyễn lắm, nhưng đọc theo chúng được. Trọn thời kinh sáng tôi học thuộc nằm lòng trong vòng 7 tuần lễ. Thời kinh buổi chiều không khó lắm, nhưng phần kinh A Di Đà lặp đi nhắc lại quá nhiều danh hiệu Xá Lợi Phất, tôi để ý có tới 30 lần Xá Lợi Phất, lại Xá Lợi Phất, lại nữa này Xá Lợi Phất. Trong bài kinh ngắn chỉ 1860 chữ, tính

trung bình cứ mỗi 60 chữ là có một danh hiệu ngài Xá Lợi Phất, cũng đủ làm cho người học lộn trước ra sau và lấy đầu làm đuôi, nếu tâm không chú ý tập trung.

Học Kinh và Luật có thầy chỉ dẫn, chúng có lớp học đàn hoàng với ghế bàn, bảng đen, giờ giấc nhất định; trong khi thời công phu mỗi người phải tự học mà không ai để ý theo dõi cả, cũng như thời giờ học tự do tùy thích, miễn học thuộc là được. Hai thời công phu tôi “luyện chưởng” trong vòng 12 tuần lễ là thuộc, khỏi cầm bản đọc mà đã nhập tâm rồi.

Ở chùa ngoài việc học ra, tôi còn hai công tác mà ngoài đời như chưa bao giờ làm qua, đó là đốn củi và gánh nước. Thầy chúng trưởng qui định chúng tôi phải lên núi đốn củi mỗi tuần 3 bó lớn (toán tôi 3 chú) mỗi chú. Còn nước phải đi gánh từ dưới chân núi lên, bằng đôi thùng thiếc đựng dầu lửa hiệu con sò đã lau chùi sạch sẽ. Nước giếng mát mẻ, trong sạch, chúng tôi phải dùng gàu múc rồi gánh lên con đường núi 108 bậc cấp mỗi ngày 3 đôi như vậy. Như vậy, mỗi sáng tôi tập thể dục luôn thể, vừa tiện lợi cũng vừa giúp cho thân thể khỏe mạnh nữa.

Dù học hành, làm việc bận rộn như vậy nhưng cảm thấy thật là vui, vì được sống chung có thầy có bạn bè đồng đạo như trong một đại gia đình hòa hợp nhau. Thật quả đúng như câu nói “*ăn chưa no, lo chưa tới*” của tuổi trẻ dễ thương nên ai cũng thích. Do tâm hồn của tuổi thơ chân thật không quanh co, không đề phòng, không sách lược...như người lớn. Họ làm việc rất hăng say, nhiệt tình, có khi không kể gì tới thân xác, nên dễ dàng đóng góp sức lực trong việc xây dựng gia đình, quốc gia, xứ sở, đạo giáo. Tuy nhiên, tuổi trẻ cũng hay bốc đồng, làm việc tùy thích, muốn thì làm... là những thất bại dù là đời hay đạo cũng thế. Nếu được đào tạo trong môi trường thích hợp tuổi trẻ vẫn đóng góp được nhiều hơn cho đạo pháp. Như con chim bị trúng ná nghi ngờ và sợ hãi

bất cứ người nào gần nó, tuổi thơ cũng vậy đừng làm cho họ thối chí nản lòng mà phải trưởng dưỡng đạo tâm cho họ đủ sức vươn lên, là bổn phận và trách nhiệm của người thầy hay của những nhà giáo dục, mà ngôi chùa là mái ấm tình thương che chở tuổi “đồng chơn nhập đạo”; sẽ kết thành hoa trái tươi tốt trong vườn tuệ giác.

Huynh đệ đồng chúng

Chúng sống áp dụng đúng theo pháp lục hòa: *Thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, lợi hòa đồng quân*. Nhằm thúc buộc 3 nghiệp thân, khẩu, ý vào khuôn khổ để tiến tu giới - định - huệ ba môn học, hay còn gọi là tam vô lậu học, không để bị phiền não ngăn chướng, ràng buộc. Cùng nhau hòa đồng chung sống dưới mái chùa, cùng lạy chung Đức Phật, cùng thầy, cùng chúng, cùng lớp, cùng học và vui v.v... nên chúng tôi xem nhau như anh em cùng một nhà, mặc dù mỗi người trước đó không ai có liên hệ bà con với nhau. Nhất là lúc đau ốm, tôi mới cảm nhận tình huynh đệ cao quý biết chừng nào. Chúng tôi lo giúp đỡ cho nhau từng thang thuốc, bữa cơm, chén cháo như người mẹ, người chị trong gia đình; cũng làm cho bệnh tình chóng hồi phục.

Lời nói hòa nhã ôn tồn, không tranh cãi ồn ào làm mất hòa khí và còn làm động chúng nữa. Việc gì bất bình hay bị bạn chơi gác ức không biện bạch được phải bạch cho thầy Chúng Trưởng giải quyết, chừng nào không xong mới đưa sự việc trình thầy cả xử lý. Có ý kiến nào hay, mới lạy đem chia sẻ để huynh đệ cùng học hỏi và tìm thấy niềm vui trong lẽ đạo; không nên che giấu, ích kỷ cố thủ riêng cho cá nhân mình. Cũng như thấy việc dở lỗi làm đều chỉ giúp lẫn nhau để anh em cùng tu cùng hiểu sâu rộng hơn. Về phần giới luật, dĩ nhiên, Sa Di chỉ mới thọ 10 giới mà 5 giới đầu hầu như tương

đương với giới của Phật tử tại gia, tuy chỉ khác giới thứ 3, chúng tôi ai cũng nhiệt thành vâng hành tu tập, và rất tâm thành gìn giữ những giới điều đã thọ nhận. Cùng chia sẻ sự hiểu biết giáo pháp lẫn nhau trong chúng như nước hòa với sữa không tách rời nhau, tức là hợp quần thêm sức mạnh trong sự tương trợ hết lòng. Còn một điều cũng thật tế nhị là ở chung ta không nên nhắm quyền lợi riêng cho cá nhân mà có bất cứ món gì đều đem phân chia đều trong chúng cùng chung vui hưởng.

Sống đúng theo quy luật thiên môn như thế tập cho tăng sinh chúng tôi có kỷ luật như quân đội. Giờ học, giờ tu tập, ăn uống, công tác, ngủ nghỉ... nhất nhất đều theo khuôn khổ mà không ai được làm khác. Tinh thần đồng đội giúp tôi luyện, nung nấu ý chí, nghị lực cho tăng sinh sau này rất nhiều trong việc Phật sự. Ngoài ra, để trở thành một tăng sĩ hay tăng già xứng đáng hành giả phải là những người tu hành giỏi, những người tu hành tinh tấn, những người tu hành để vượt qua khổ đau, và những người tu hành đúng cách, như thiền sư Ajahn Chah - Thái Lan đã nhận định (Food for heart, Thượng tọa Tâm Quang dịch). Nếu triển khai 4 đức tính ấy, chúng ta rút tỉa được những bài học thực tiễn như tu hành giỏi tức là người nhiều khả năng, sáng kiến, năng động trong sự tu hành mà mình tự chủ, không phải kẻ bị động, thiếu lập trường và hướng đi đúng giáo pháp. Tu hành tinh tấn như ai cũng biết, nhưng khi thực hiện hay đến lượt mình lại khác. Vì con người nếu không tu ai cũng tự dễ dãi với chính mình; tiến đến chỗ tự tha thứ cho ta và việc gì cũng chằm chước bỏ qua được hết. Như thế, không tránh khỏi trì trệ, bạc nhược và người ta không còn chuyên nhất hành trì. Trái với những phần tiêu cực vừa nêu là tinh tấn thực hành giáo pháp. Vượt qua khổ đau phải là người đủ ý chí, niềm tin và nghị lực dũng cường mới đạt được như Đức Phật và Thánh chúng xưa nay, còn lưu lại công hạnh cho ta

học hỏi, noi gương. Tu hành đúng cách là theo đúng chánh pháp, không theo quan kiến hay tri kiến hạn hẹp một chiều, tức là thiếu con mắt trạch pháp. Thiền sư tóm kết mấy điểm như thế này: “*Chúng ta đến từ những tầng lớp khác nhau, nhưng chúng ta giống nhau. Dù cho những quan điểm khác nhau, nếu chúng ta tu hành nghiêm chỉnh sẽ không có va chạm xảy ra. Giống như các dòng sông, dòng suối đều chảy ra biển cả... một khi chúng đổ ra biển, chúng đều thuận một vị và một màu sắc giống nhau. Cũng giống như thế, với con người, khi con người đi vào dòng suối pháp, chỉ có một pháp, dù họ đến từ những nơi khác nhau, họ vẫn hòa hợp và hợp nhất.*” (sđd. như ghi trên).

Bậc thầy mô phạm

Thật quả đúng như câu “*Không thầy đố mày làm nên*” mà tôi học được ở trường đời. Câu này cũng như câu: “*Tiên học lễ, hậu học văn*” treo nơi lớp tiểu học của trường tôi, giúp tôi rất nhiều trong việc học hỏi và hiểu biết. Thầy bổn sư tôi rất nghiêm nghị và kỷ luật. Thầy phạt thẳng tay làm cho huynh đệ chúng tôi hơi ngán. Chẳng hạn thấy lỗi thầy phạt quỳ ngay tại chỗ; phải quấy hạ hồi phân giải. Điều đó, theo thầy là hay nhưng với chúng tôi nghĩ có phần không giống như thầy, lại hóa ra làm anh em bất hòa nhau cũng chỉ vì lối hành xử quá căng của thầy. Người nào biết tánh thầy cảm thấy thoải mái còn với chúng lý chỉ biết sợ thầy bằng cách né tránh mỗi lần thầy đi xa về, huynh nào lạng quạng gặp thầy trước có nước lãnh đủ, chịu trận mà thôi. Thế nhưng mỗi khi bước vô lớp, việc đầu tiên là thầy chọc cả chúng cười rộ trước khi giảng bài. Mới cười hỉ hả đó nhưng phải coi chừng, nếu huynh đệ không học nghiêm chỉnh hẳn ăn tát tai liền tại chỗ mà không được kêu nài năn nỉ chi cả. Thầy giảng dòn tan như pháo tống nổ, một hồi mệt rồi ngồi nghỉ thở lấy sức

trông thật là cảm động vô chừng. Huynh đệ nào tinh ý chúng kiến những lúc này đây mới thương thầy nhiều hơn nữa. Tánh thầy nóng lửa rơm như vậy đó nhưng hạ ngay không để tâm qua đêm, nên các thầy đồng song ai cũng mến thích muốn thân cận lúc nhỏ to khi châm chọc nhạt tiếng nói giọng Quảng Điện Bàn của thầy. Thế là thầy rượt các thầy chạy te tua kiểu trẻ con cút bắt, không kể lớn nhỏ, thầy bà chi hết. Lúc đó coi vậy mà vui, sau một hồi thầy lại lấy đặc sản quê hương Quảng Nam đem đãi khách, nói chuyện, uống trà sen thơm phức thật là mùi mẫn, đạo tình.

Thầy là nhà mô phạm rất rõ nét, như tôi đã trình bày trong sách “Thoáng Quyện Ân Từ”, công hạnh tu trì của Ngài khó ai theo kịp, đó là việc tự chặt 2 ngón tay út để cúng dường Phật và việc đốt liêu hương. Thay vì đốt 3 liêu như phần nhiều các tỳ kheo khác, Ngài đốt tới 6 liêu trên đầu. Đó cũng do nguyện lực của mỗi hành giả tự phát để dâng lên mười phương chư Phật chứng minh cho lòng thành tha thiết của hàng môn hạ.

Tu tập hành trì

Nói đến tu tập gồm có tu và học nơi các Phật học viện, Tăng học đường hồi thập niên 50, 60 rất khác với cách thức ngày nay. Tăng sinh phần nhiều chuyên về nội điển hơn, nếu có phần ngoại điển chỉ thêm Việt văn và môn toán hay sinh ngữ là cùng. Chẳng hạn, Phật học viện Huệ Nghiêm niên khóa 1963-1964 gồm có 5 lớp chúng: Mã Minh, Huyền Trang, Vô Trước, Thế Thân, Long Thọ mà chỉ có lớp Huyền Trang của chúng tôi được ra ngoài học chương trình ngoại điển mà thôi.



Lớp chúng Huyền Trang - PHV Huệ Nghiêm 1964

Đời sống tu tập đầu tiên phải kể đến ở chùa Linh Ứng - Non Nước. Chúng tôi học ngày hai buổi sáng - chiều, công phu 6 thời: công phu khuya, cúng Ngọ, công phu chiều, tịnh độ tối và hai thời tọa thiền sáng tối. Tất cả cộng lại độ 3 tiếng và ngày học 4 tiếng nữa là 7 tiếng. Chương trình tu học áp dụng chung cho 3 cấp học: Sơ đẳng 4 năm, Trung đẳng 4 năm và Cao đẳng 4 năm. Sau khi tốt nghiệp lớp Cao đẳng, tăng sinh hoặc tiếp tục ghi danh học Đại học Vạn Hạnh, đại học chuyên khoa hoặc ra làm việc trong các ngành Tuyên Ủy Phật giáo, Giảng sư đoàn, trụ trì v.v... Cộng trụ tu học cùng chúng tại chùa Linh Ứng 3 năm, chùa Giác Sanh 1 năm, chùa Lương Xuyên 3 năm, Phật học viện Huệ Nghiêm 4 năm (sẽ viết rõ hơn sau). Đó chỉ mới phần tu và học, còn hành trì là việc khác nữa, thuộc về chuyên ngành dành riêng cho những vị chuyên về Luật, Thiền, Tịnh độ, Mật tông, Kim

cang thừa... Chọn lựa hợp sở thích và công hạnh để gia tâm hành trì. Quý vị có thể phát nguyện nhập thất ẩn tu không tiếp xúc với Phật tử, quần chúng. Công hạnh của các Ngài khó ai sánh kịp như ta biết Hòa thượng Quang Chánh hiệu Bảo Đài ẩn tu nơi động Tàng Chơn - Non Nước thời vua Lê Cảnh Hưng (cuối thế kỷ 18), Hòa thượng Thích Quảng Đức cũng có thời nhập thất tu hạnh đầu đà tại Vạn Ninh - Khánh Hòa (1927-1933), Hòa thượng Thích Thiên Tâm lên vùng núi Đại Ninh - Lâm Đồng lập tịnh thất lấy tên Hương Nghiêm chuyên tu tịnh nghiệp từ năm 1975 đến ngày viên tịch năm 1992, ròng rã 17 năm không rời khỏi núi. Hòa thượng Thích Thanh Từ chuyên về thiền ra Vũng Tàu lập thiền viện Chơn Không từ năm 1967; thập niên 90 Ngài lập thiền viện Trúc Lâm - Đà Lạt, thập niên 2000 lập Thiền Viện Trí Đức, Bà Rịa Vũng Tàu. Hòa Thượng chuyên về Thiền Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam. Hòa Thượng Thích Trí Tịnh là bậc Tam tạng pháp sư dịch kinh tạng sớm nhất từ thập niên 40, 50, nay đã gần 100 tuổi, Ngài vẫn chuyên hành trì pháp môn Tịnh Độ tại chùa Vạn Đức - Thủ Đức - Việt Nam.

Đó chỉ đề cập sơ lược sự tu tập có qui củ và công hạnh tu trì miên mật của một vài vị để các thế hệ tăng ni trẻ noi gương sáng các Ngài cho tới ngày công viên quả mãn. Được vậy, cơ đồ Phật giáo Việt Nam hẳn quang huy không thua kém các nước Phật giáo vùng Đông Nam Á như Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện, Đại Hàn, Đài Loan, Tây Tạng... Đó là lời ước nguyện của bút giả mong trở thành hiện thực để cho nền Phật giáo Việt Nam thêm khởi sắc, ngõ hầu xứng danh với truyền thống 2000 năm truyền thừa mà lịch đại các vị Tổ sư từ Tây Trúc qua Đông Độ đến Việt Nam còn lưu dấu ấn. Chúng ta có bốn phận trong sứ mệnh nối tiếp ngọn đèn chánh pháp không để lu mờ mai một với thời gian.

Chế độ ăn uống của tăng ni sinh

Muốn đi trên con đường dài người ta cần phải đủ sức, tu học muốn cho tới nơi đến chốn chế độ ăn uống của tăng ni sinh phải được cải thiện. Nhìn chung đất nước Việt Nam mà đa số dân chúng nghèo khó nên chùa chiền cũng ảnh hưởng do chế độ cúng dường tùy thuộc mức lợi tức của Phật tử. Lùi lại thế kỷ trước, chúng ta thử tìm hiểu do đâu chùa không dồi dào nguồn cung cấp thực phẩm để nuôi tăng chúng. Như trong phần nhận định tôi đã nêu khá rõ nơi sách Thoáng Quyện Ân Từ có đoạn:

“Vì là chùa ở trên núi (Linh Ứng) nên nguồn cúng dường không được dồi dào cho lắm. Thầy trò sống cảnh thanh bần lạc đạo như vậy, và chúng tôi cảm nhận được một điều là rất hạnh phúc, vì được học pháp. Ăn uống đơn sơ chả có gì, mỗi bữa mỗi người ngoài 3 chén cơm ra, trên bàn chỉ có rau luộc chấm nước tương đậu nành tự chế và một món canh lỏng bỏng nữa là xong. Không tàu hủ, không nắm rơm, không có món xào chi hết. Còn trái cây, năm khi mười họa mới có, chứ có đâu dư thừa như bây giờ (theo tiêu chuẩn ở ngoại quốc) mà nghĩ chuyện bưng lên dọn xuống còn nguyên! Chính sư phụ cũng sống kham nhẫn với chúng như vậy. Tôi còn nhớ chú Thông Nghĩa làm thị giả thầy, chú có sáng kiến lên núi hái đợt thiên tuế đem xào cho thầy thời, coi như món đổi bữa, thế mà lạ miệng cũng ngon cơm dẻo để đầy chứ...” (Sđd trang 51 và 52).

Có lẽ chế độ ăn uống như thế đại diện nhiều chùa khác cũng chẳng khá hơn là bao. Nếu như đổ lỗi vì Phật tử nghèo nên chư tăng ăn uống thiếu thốn kham khổ cũng tạm chấp nhận được. Nhưng còn việc học hành và thức khuya dậy sớm thì sao? Theo như tôi được biết, có chùa tăng chúng phải thức dậy lúc 3 giờ, 3 giờ 30 sáng ngồi thiền, 4 giờ công phu sáng. Còn việc học mỗi ngày độ 6 giờ, chưa tính giờ đi lại mất

khoảng 1 giờ nữa. Ăn uống như thế, học hành như thế, thức dậy sớm như thế, thử hỏi sức đâu chịu nổi đối với một người trẻ tuổi. Làm thế nào đủ bảo đảm để họ có sức khỏe sau khi tốt nghiệp ra trường làm được Phật sự mới không phí công lao đào tạo. Riêng tôi nhờ may mắn đi đến nhiều nơi mới hưởng được chế độ ăn uống đầy đủ của viện nên ngày hôm nay dù hơn 70 tuổi trong đời tu vẫn còn đủ sức khỏe làm việc mỗi ngày từ 7 - 8 tiếng, nhất là lễ lạy sám hối hồng danh chư Phật đứng lên quỳ xuống thẳng gối mà chưa đến đổi khó khăn gì. Nói như thế nhằm phản ảnh tới việc giáo dục mà Ban Giám Hiệu hoặc Ban liên hệ đời sống tăng sinh không thể không quan tâm, và nên nhanh chóng cải thiện càng sớm càng tốt, để cứu vãn tình trạng tệ hại mà nhiều lớp chúng tăng đã phải gánh chịu trong nhiều thập niên.

Chúng ta đang ở vào thế kỷ 21, sao vẫn còn tồn đọng mấy chuyện ăn với ngủ chưa giải quyết được. Trong khi đời sống văn minh vật chất, khoa học tiến bộ vượt bậc mà loài người vốn tự hào chinh phục tới không gian, mặt trăng và nhiều hành tinh khác cách xa trái đất cả hàng ngàn năm ánh sáng, nhưng cái bao tử trống rỗng liệu có làm được việc hiệu quả không? Có thực mới vực được đạo là câu nói chí lý bao giờ vẫn đúng sao người trách nhiệm giáo dục tăng ni lại không chịu lo gần lại lo quá xa đi tới tận chín tầng mây vậy!

Mộng ước tuổi thơ

Hồi còn nhỏ tôi rất thích loài rồng, mặc dù tôi tuổi con ngựa, vì rồng bay nhào lộn trên không trung coi bộ tự tại quá, đáng thần phục biết bao, làm háo hức và tác động tuổi trẻ chúng tôi không ít. Lớn lên một chút tôi được chứng kiến cảnh sinh hoạt nhộn nhịp như Phố Hiến - Hội An, Tourane - Đà Nẵng của đủ các sắc dân ngoại quốc, nhà lầu cao, xe hơi bóng lộn, đường sá rộng sạch, đẹp đẽ... đập vào

mất, khiến tuổi thơ của tôi luôn suy nghĩ, để tự so sánh người thành thị với người thôn quê. Sao mà đời sống chênh lệch khác nhau một trời một vực như thế mà chính bản thân cũng không ngoại lệ. Thế là tôi ôm một giấc mơ: làm tiên hay làm Phật để đạt được đôi cánh tung bay đây đó cho thỏa chí bình sanh. Sau tôi nghe nhiều người kể rằng, tiên đẹp nhưng vẫn còn bị đọa trong luân hồi. Chỉ có Phật mới thoát ngoài vòng sanh tử, thế là chúng tử Phật ngự trị trong tôi lúc nào không hay và đời sống tôi bắt đầu thay đổi từ dạo đó.

Dẫn dài dòng một chút cho thấy rằng tuổi trẻ phải được giáo dục đúng mức, nếu không lại thành phản giáo dục mà trách nhiệm là do người lớn cả. Ngày nay phương pháp giáo dục không bằng biện pháp mạnh như dùng roi vọt, phạt quì gối v.v... đã quá lỗi thời, nên cho chúng vào dĩ vãng là hơn. Tăng ni sinh thời nay cũng vậy, đừng bao giờ nhồi sọ giáo dục mà nên để cho họ phát triển trí năng đúng mức. Vị thầy chỉ giữ vai trò cố vấn chỉ đạo mà thôi, không nên nghĩ học trò là lớp sau phải theo như thế này thế nọ mới đúng. Hướng nhìn cho riêng mình tôi đã đạt được mục đích đi xa từ Đà Nẵng vào Sài Gòn. Thế rồi, nhân duyên đưa tôi tiếp tục cuộc hành trình từ Sài Gòn sang tận Đông Kinh (Tokyo), và rồi từ Tokyo như điều gặp gió, tôi phi thân qua tới Sydney - Úc Đại Lợi, vượt qua Thái Bình Dương không chút trở ngại, dù có vất vả khó khăn. Nhưng đó chưa phải mục đích đề cập ở đây mà điều đáng quan tâm là chung cho Phật Giáo, con đường phát triển Phật đạo trong tương lai. Nhìn vào hiện tại người ta thấy dường như Phật giáo có tiến triển và mở rộng đấy, nhưng e rằng như thế không khỏi có phần chủ quan và phiến diện. Tại sao chủ quan và phiến diện? Chỉ nhìn vào hai khía cạnh này để chứng minh: xây dựng chùa chiền và đào tạo tăng tài.

a) Vấn đề xây dựng chùa chiền: Những ngôi chùa xây cất đồ sộ trên một diện tích rộng lớn, và nhiều cơ sở Phật giáo

thiết lập tại khắp nơi, ấy chưa phải tự thân Phật giáo phát triển rầm rộ như có số người nhận định. Theo tôi, hiện tượng bộc phát này đáng lo hơn đáng mừng, vì chùa đông mà người ở chùa thưa vắng liệu có tương xứng? Đây là thực tế, nếu có ai thực hiện một cuộc khảo sát, thăm dò cận kề hẳn thấy rõ kết quả trước mắt. Tác giả đã có cơ hội đi sang Hoa Kỳ, Âu Châu, Á Châu, Úc Châu v.v... thấy nhiều ngôi chùa lớn mà chẳng có chư tăng, ngoài vị Trụ Trì trông coi ở đó mà thôi. Thật quả đúng như câu nói “tre tàn nhưng măng không mọc” đối với Phật giáo nói chung tại hải ngoại. Nếu theo đà này hẳn Phật giáo rơi vào tình trạng lạm phát cơ sở mà khủng hoảng nhân sự điều hành trầm trọng.

Không nhìn đâu xa, riêng tại Úc Châu, hẳn chúng ta thấy rõ điều này hơn cả, không riêng cho Phật giáo Việt Nam mà Phật giáo các sắc tộc cũng không ngoại lệ. Chịu khó đi sâu vào bên trong tìm hiểu như “Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đay sách” để nhắc nhở Phật tử chúng ta vừa tu Phật và học Phật song hành mới có thể quân bình được giữa hình thức (chùa viện) và nội dung (tinh thần tu học Phật). Có như thế Phật giáo mới phát triển đồng bộ cả chiều rộng lẫn chiều sâu mà Phật tử nên tự hào và hãnh diện. Chúng ta đừng vội mừng việc trước mắt mà nên nghĩ suy kỹ để tìm cho được giải pháp.

b) Đào tạo tăng tài: Vấn đề có tính thời đại hơn là thuần tôn giáo, nên không riêng gì Phật giáo. Đây là dấu hiệu báo động cho tình trạng hụt hẫng nhân sự của các tôn giáo, nhất là các vị lãnh đạo tinh thần. Một ngày gần đây chùa chiền, nhà thờ, giáo đường... sẽ không có người trông coi chăm sóc, vì trong hiện tại thiếu vắng người xuất gia nhập đạo. Thử tìm nguyên nhân, chúng ta hẳn thấy rõ: các kinh điển phải cập nhật bằng ngôn ngữ thời đại để những ai không rành tiếng mẹ đẻ cũng có thể đọc hiểu và áp dụng tu tập trong đời sống của họ; kể cả giới trẻ nằm trong hệ thống tổ chức Gia

Đình Phật Tử cũng thế. Có hai vấn đề cốt lõi đáng quan tâm lo lắng: lao theo đời sống vật chất, giới hạn sinh sản trong mỗi gia đình. Người ta phải tất bật chạy đua theo kim đồng hồ làm việc kiếm sống, vì thế cha mẹ không còn thì giờ gần gũi và chăm sóc con cái. Cái tình huyết thống không còn đậm đà như xưa, hồi mà đứa con sinh ra được bú sữa mẹ cho tới khi khôn lớn. Còn ngày nay, hầu như trẻ thơ nào cũng được nuôi bằng sữa bò thay thế, do vậy mà tình mẫu tử trở nên lạnh lùng, nếu không muốn nói thiếu vắng tình thương. Có nhiều gia đình mà cha mẹ không bao giờ gặp mặt được con cái như mặt trăng và mặt trời vậy. Họ hoàn đến cuối tuần họ mới cố gắng để có cuộc hẹn gặp nhau giữa các thành viên trong gia đình. Cuộc sống bận rộn đã làm họ tự động tách rời nóm ruột của mình lúc nào không hay, để tới lúc hiểu ra thì hỡi ôi, con cái đã vụt khỏi tầm tay của cha mẹ. Giờ biết trách lỗi, đổ thừa cho ai hay chỉ tự trách?

Một vấn đề khá tế nhị khác cũng là mối trần trở không ít đối với giới lãnh đạo Phật giáo - những vị có quan tâm: Việc hạn chế sinh sản đối với những đôi vợ chồng. Thay vì gia đình có 4 người con hoặc đông hơn, nếu có một người phát tâm xuất gia, đôi vợ chồng cũng có thể chấp thuận cho con thỏa được nguyện ước. Trong hoàn cảnh hôm nay, theo như luật qui định (chưa khắt khe mấy) mỗi cặp vợ chồng chỉ được sinh sản 2 đứa con mà thôi. Cho nên chúng ta thấy rất rõ, ngay như ở Việt Nam trong thời gian gần đây, số người xuất gia nam giới giảm sút đáng ngại. Từ đó suy ra, người Việt hải ngoại phát tâm đi tu thưa thớt như lá mùa thu cũng là điều dễ hiểu. Nói lên thực trạng này chúng ta cũng chỉ biết ưu tư thôi mà không sao khắc phục được.

Như thế, chúng ta có đáng tự hào Phật giáo đang phát triển? Các thế hệ đi trước không làm tròn trách nhiệm đối với lớp kế thừa chăng? Có các nhà khoa học, trí thức nghiên cứu đạo Phật là niềm hãnh diện đối với người Phật tử?

Nếu bình tâm suy xét kỹ đó cũng chính là mối ưu tư hàng đầu của giới lãnh đạo Phật giáo thế giới mà hiện tại chúng ta đang gặp phải. Theo như toán học đường cong Parabol tới cực điểm cong vòng rồi hạ xuống thấp, vì theo định luật tự nhiên cái gì có thăng phải có lúc trầm. Phật giáo lúc thịnh cũng có lúc suy mà chưa đi tới chỗ cùng. Theo như thiển ý của tôi, Phật giáo Việt Nam hiện tại đang đi sụt lùi và giậm chân tại chỗ mà không có dấu hiệu cho thấy được sự phát triển nào đáng lạc quan cả. Nếu dẫn câu chuyện bồi dưỡng tăng tài để độc giả rộng đường suy nghĩ.

Năm 2010, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan nhân mùa an cư kiết hạ tổ chức tại thiền viện Minh Quang, Sydney. Vào giờ hướng dẫn giới luật cho tăng ni, quý Hòa Thượng giáo thọ Bảo Lạc, Quảng Ba, Minh Hiếu đã nghe ni sư Thích Nữ Kh.L trụ trì tịnh xá NB tại Bạc Liêu - Việt Nam kể lại rằng, ni sư có cô đệ tử đầu tốt nghiệp Cử nhân Phật học tại Học viện PGVN (Viện Đại học Vạn Hạnh - Sài Gòn). Ni sư cho cô đệ tử sang Ấn Độ du học Phó tiến sĩ và sau đó lấy bằng Tiến sĩ Phật học tại Đại học New Delhi. Trong thời gian 7 năm đại học ấy, ở bên nhà Ni sư dành mọi ưu tiên gửi tiền sang lo trang trải việc ăn uống, đi lại, chỗ ở, học phí cho cô đệ tử, những mong chóng thành tài trở về phục vụ Phật giáo tại quê hương Việt Nam. Ni sư vừa nói mà như vừa mỉm lòng: bao nhiêu hy vọng bấy nay đã thành hy vọng mong manh, nếu không muốn nói là thất vọng ngao ngán! Sư cô du học vừa về nước chưa được bao lâu bèn tuyên bố với các huynh đệ rằng sẽ cải cách nếp sống tu hành trong chúng như một cuộc cách mạng, kể cả lối giáo dục cổ điển của sư phụ phải sửa đổi. Nói tới đây, Ni sư tâm sự: Kết quả việc học của các cô đầu chưa thấy, trước mắt tự cảm thấy chùa mất mát quá nhiều về tình thầy trò, sư đệ, đời sống tu hành giữa người xuất gia và Phật tử bốn đạo của chùa. Ni sư đưa tới kết luận: phải chi biết trước đệ tử như

thế, thì đâu có cho nó đi học, phần tốn kém tiền bạc của đàn na thí chủ qua mỗi kỳ chuyển ngân chưa nói; bên nhà phải thất lưng buộc bụng cho chúng kham khổ để dành tài trợ sư tử du học hầu nở mắt, hãnh diện với thầy tổ, tông phong. Nào ngờ bao nhiêu sự đầu tư kỳ vọng giờ đây chỉ còn là con số không và một sự nghi ngờ khả năng và tinh thần học tập, sự hy sinh đóng góp cho Giáo Hội và tiền đồ Phật giáo nói chung của các đệ tử xuất gia. Bên ni mà đã như vậy, theo tôi nghĩ bên tăng còn có nhiều trường hợp cười ra nước mắt của những vị thầy có đệ tử xuất gia du học nước ngoài. Có điều bên chư tăng thâm trầm kín đáo nên các thầy có gặp phải đệ tử phụ bạc cũng đành làm thinh mà không bày tỏ cho ai biết. Vì chung quanh họ thiếu vắng người cảm thông chia sẻ: biết ai nghe mà nói, có ai hiểu để cho thổ lộ tâm tư?

Ở đây, tưởng cần nêu dẫn thêm nhận định của Thượng Tọa tiến sĩ Henepola Gunaratana Mahathera người Tích Lan để chúng ta suy nghĩ:

“Chúng ta bắt đầu nhận thức rằng theo đà phát triển vượt bậc thuộc lãnh vực vật chất của đời sống để phải trả một giá đắt trong phạm vi cảm xúc và tinh thần mà ta phải trả cho sự sai trái đó. Điều đó để nói lên sự suy thoái đạo đức và tinh thần xuống dốc như tại Hoa Kỳ hiện nay; nhưng còn một việc khác là phải làm một cái gì đó mà điểm bắt đầu là từ bên trong chúng ta.” (We are just beginning to realize that we have overdeveloped the material aspect of existence at the expense of the deeper emotional and spiritual aspect, and we are paying the price for that error. It is one thing to talk about degeneration of moral and spiritual fiber in America today, and another thing to do some thing about it. The place to start is within ourselves.) (Mindfulness in plain English của Ven. H. Gunaratana, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc dịch).

Vị thiền sư người Tích Lan này đã dạy môn Phật học tại các trường đại học Georgetown và Merryland tại Hoa Kỳ,

hiện đang sinh hoạt Phật sự tại Mỹ. Ông xuất bản nhiều tác phẩm Phật giáo giá trị và nhiều bài đăng tải trên các tạp chí tại Mã Lai, Ấn Độ, Tích Lan, Hoa Kỳ.

Hướng nhìn về tương lai của Phật giáo phải do nhiều người đóng vai trò nổi bật trong xã hội đương đại mới đủ chính xác và không thiên vị chủ quan một chiều. Còn một điểm khác mà dư luận cũng khá sôi nổi như các nhà trí thức, khoa học đến với đạo Phật có làm cho Phật tử chúng ta hãnh diện?

Thật ra, Phật giáo ngay tự bản chất của nó đủ bảo đảm được giá trị đích thực, nếu có thành phần trí thức nghiên cứu tu tập hẳn có lợi cho bản thân họ nhiều hơn, như tôi từng nói rằng, nếu các nhà khoa học, phát minh khám phá vũ trụ không gian, nguyệt cầu, nhiều hành tinh khác ở cách xa trái đất của chúng ta hàng ngàn năm ánh sáng. Những nhà nghiên cứu nhiệt thành cống hiến tài năng trí tuệ cho nhân loại, nhất là trong lãnh vực y học đã đạt đích điểm... biết tu một chút thì cái giá trị việc làm của họ càng cao và được lâu dài hơn biết mấy. Song, không phải vì thế chúng ta phủ nhận công sức hy hiến của họ cho nên văn minh của nhân loại hiện nay.

Là Phật tử, chúng ta nên nỗ lực tinh tấn tu tập, không lui sụt tâm Bồ đề để góp phần xứng đáng tô bồi vào tòa lâu đài Phật giáo; đó chính là duy trì ấn Tổ được trùng hưng cũng là phát huy Phật pháp qua các thời đại mà người xuất gia nhận vai trò đi tiên phong vào đời, như một chiến sĩ mang giáp đồng lâm trận quyết chiến đấu để diệt trừ ma quân và các ác đảng, dù phải hy sinh. Rất mong mỗi thành phần tăng ni trẻ kìm hãm bớt đà tiến theo văn minh vật chất để dồn nội lực vào việc đào luyện trui rèn tâm đức như các bậc thầy tiền bối để Phật giáo Việt Nam tiếp tục tự tồn như lịch sử 2000 năm đã minh chứng.

Linh Ứng chùa tôi

Cách Đà Nẵng 8km về hướng Đông Nam và vượt qua sông Trường Giang, người ta thấy mọc lên trên bãi cát mênh mông gần bờ biển Tiên Châu (Sơn Trà) những hòn núi tuy không cao nhưng có những nét đặc sắc kỳ lạ, đó là Ngũ Hành Sơn.

*Cảnh trí nào hơn cảnh trí này
Bồng lai âu cũng hẳn là đây
Đá chen với núi màu năm sắc
Chùa nực hơi hương khói lộn mây
Ngư phủ gác cần ngư mặt nước
Tiều phu chống búa dựa lưng cây
Nhìn xem phong cảnh ưa lòng khách
Khen bậy thợ trời khéo đắp xây.*

(Bà Bằng Nhãn - Quảng Nam).

Danh thắng Ngũ Hành Sơn nằm gần làng Khoán Khái Đông thuộc ấp Sơn Thủy, phía đông bắc giáp làng Hóa Khê. Nhóm núi gồm 5 ngọn sắp thành hai hàng, mỗi hàng hai ngọn nằm ngang từ bờ biển đến con sông Trường Giang, trên một diện tích rộng độ 2km² và chiều dài độ 10.000 mét, giữa cảnh trời biển mênh mông, giữa một bãi cát trắng lẫn tăn gợn sóng, bên dòng sông xanh uốn khúc, Ngũ Hành Sơn hiện lên gây ra sự tương phản thú vị, làm ngạc nhiên những du khách đi tìm cảnh đẹp, với hình thù khác lạ, màu sắc biến chuyển theo thời tiết. Vẻ đẹp trầm lặng, Ngũ Hành Sơn có một sức quyến rũ lạ lùng, khiến cho du khách khi đến Quảng Nam hay Đà Nẵng mà không có cơ hội đến viếng thăm cảnh này thì thấy như mình đã phụ tình Non Nước”. (Lịch sử Ngũ Hành sơn - chùa Non Nước, Hòa Thượng Hương Sơn).



Chùa Linh Ứng - Ngũ Hành Sơn

Non Nước - Ngũ Hành Sơn có 3 ngôi chùa lớn: chùa Tam Thai, chùa Linh Ứng và chùa Quan Âm tách rời bên hòn Kim Sơn. Chùa Linh Ứng mặt tiền xoay hướng Đông trông ra biển Thái Bình Dương nên thơ kỳ thú. Gồm có những di tích Vọng Hải Đài, Giếng Tiên, Hang Gió, Hang Dơi, Động Tàng Chơn, đường xuống âm phủ v.v... Hơn 300 năm trước, vào năm Ất Hợi 1695, Hòa Thượng Thạch Liêm - người Tàu được chúa Nguyễn Phúc Chu mời sang hoàng pháp ở Đàng Trong Việt Nam. Ngài là một bậc danh tăng kiêm văn thi sĩ tao nhã, trên đường dong thuyền về xứ, có ghé chùa Non Nước, và xuất khẩu bài thơ vịnh chùa Tam Thai (lúc đó chưa có chùa Linh Ứng) như sau:

*Nam minh một vịnh, dựng phan mây
Chất gắt từng không khí biển xây
Quét sạch mưa mù lên bảo điện
Tỏa ra ánh sáng chiếu dài lay*

*Hoa rừng đưa khách, rừng thông một
Khe núi chia dòng nước rẽ hai
Sơn thủy đuổi nhau rông nén bóng
Khói mây cửa động nửa phen gài...
Sấm vang, gió thét, sóng ào ào
Đàn vượn bên khe, thót nháy cao
Mắt ngắm biển khơi xanh thăm thẳm
Chân giày giậm cát trắng phau phau
Dây mây ngàn trượng, xuyên hang đá
Nhũ xanh muôn nụ, rũ động đào
Cát nóng giữa truông ngòi ngòi nghỉ
Hơi thu nhuốm lạnh lòng nao nao...*

Một chút lịch sử “Nguyên lai vùng núi Non Nước trước kia là những hòn đảo ở ngoài biển khơi. Sau thời gian dài không biết chính xác bao nhiêu ngàn năm bị sóng đánh cát bồi, nên ngày nay người ta thấy những đụn cát trắng nõn phau phau in lên mặt biển. Bờ biển xa xa tận ngoài khơi, rồi bị sóng vỗ, cát bồi dần dần bao chung quanh những hòn núi, nên bây giờ năm ngọn núi đều nằm trong đất liền. Chung quanh Ngũ Hành Sơn bao bọc bởi cát trắng chiều dài chừng 20km, ở giữa nhô lên cụm núi như bàn tay năm ngón úp lại. Do trí tưởng tượng của người Việt Nam qua cốt truyện Tây Du của Ngô Thừa Ân, và giải thích sự cấu tạo Ngũ Hành Sơn bằng câu chuyện Tề Thiên Đại Thánh.

Tề Thiên Đại Thánh mang lối khổ nhờ tu luyện lâu năm thành người, có phép thần thông biến hóa phi thường, nên trở thành kiêu mạn, dám khinh khi cả Ngọc Hoàng Thượng Đế để tranh ngôi. Phật bà Quan Âm đọc được tâm trạng nên chặn hỏi Tề Thiên:

- Người có phép thần thông như thế nào mà dám tranh ngôi với Ngọc Hoàng?

- Ta có phép lạ thiên biến vạn hóa như không bao giờ già

chết, nhảy một bước vượt tới 10.800 dặm, Tề Thiên trả lời một mạch.

- Thế nếu nhà người nhảy qua khỏi bàn tay ta, thì người có quyền tranh ngôi với Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Tề Thiên Đại Thánh lấy thế liền nhảy qua bàn tay của Phật Quan Âm, nhưng không vượt qua khỏi, bị Ngài chụp lại, nắm ngón tay thành năm quả núi, giam nhốt Tề Thiên vào trong. Ngài khắc vào chỏm núi câu thần chú: “Án ma ni bát di hồng” để Tề Thiên Đại Thánh không thoát khỏi được.

Năm trăm năm sau Đường Tam Tạng sang Thiên Trúc (Ấn Độ) thỉnh kinh Phật, lúc đi ngang qua đó, nghe tiếng kêu than của Đại Thánh, mới xin với Phật Quan Âm cho phép Đường Tam Tạng xóa câu chú ở chỏm núi. Từ đó Tề Thiên Đại Thánh được thoát ra khỏi núi và theo hầu Ngài Tam Tạng qua Ấn Độ thỉnh kinh.” Do sự tích trên mà Ngũ Hành Sơn còn có tên là Ngũ Chỉ Sơn (núi năm ngón tay) hay Marble Mountain như người Tây Phương hay gọi.

*... Nhờ nước quỷ, thoát rời hỏa ngục
Tôn Ngộ Không phải phục Phật Đà
Đã dùng ngũ chỉ bắt tà
Cho non Ngũ đánh đè mà im hơi
Nay Tam Tạng sang chơi Đông Độ
Đi rảo ngang qua chỗ Ngũ Hành
Ngộ Không cầu khẩn thất thanh
Nhờ thầy cứu độ, tâm thành nguyện tu.*

(thơ Văn Phong - Thi Đàn Minh Phụng)

Ngũ Hành Sơn, theo người Chiêm Thành lại giải thích như sau: một vị ẩn sĩ sống giữa bãi cát. Một hôm ngạc nhiên thấy nữ thần Naga đem cho một quả trứng. Quả trứng ấy do thần Kim Qui canh giữ từ phía đông Đà Nẵng để trừ ma quỷ quấy phá. Thần Kim Qui cho ông lão ẩn sĩ một cái móng. Quả

trứng trở thành to lớn kỳ dị làm cho ông lão sợ. Thế rồi một hôm sau một giấc ngủ say, ông lão tỉnh dậy thì thấy một thiếu nữ từ quả trứng nở ra. Cái vỏ trứng trở thành những trái núi, tức là Ngũ Hành Sơn. Lão ẩn sĩ và thiếu nữ giúp đỡ rất nhiều cho dân chúng trong vùng như bố thí cho người nghèo, chữa bệnh cho người đau, che chở dân lành khỏi bị cướp phá... Vua Chàm nghe được câu chuyện ấy, sai quan đến hỏi thiếu nữ làm vợ. Từ đó lão ẩn sĩ cõi Kim Qui biến mất lên trời.

Cũng chuyện tích Ngũ Hành Sơn mà mỗi tác giả thuật một khác, với nhiều chi tiết hấp dẫn ly kỳ hơn.

“Tương truyền lúc Bàn cổ sơ khai, thế giới chia ra bốn đại bộ châu: Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu và Bắc Cu Lô Châu. Ngoài biển Đông Thắng Thần Châu có một nước tên là Ngao Lai quốc, giữa biển có một hòn núi gọi Hoa Quả Sơn. Trên ngọn núi có một viên tiên thạch, nhờ hấp thụ tinh hoa nhật nguyệt lâu ngày, thông được linh tánh, nên sau sanh ra một trứng đá. Trứng đó theo gió lớn lên, trở nên một thạch hầu có đủ tứ chi và ngũ quan. Thạch hầu tập chạy nhảy tới lui, đói ăn trái cây rừng, khát uống nước suối, lại tụ tập một bầy nhỏ đến chiếm cứ Thủy Liêm động, tự xưng là Mỹ Hầu Vương vô cùng đắc ý. Ở như vậy được bốn năm trăm năm, Mỹ Hầu Vương nhận thấy kiếp sống hữu hạn, nên sanh lòng buồn bực, bèn quyết chí rời Hoa Quả Sơn tầm tiên học đạo trường sanh. Đi mãi như vậy trên mười năm, Mỹ Hầu Vương gặp một sư tổ bằng lòng thâu nhận làm học trò, đặt cho họ Tôn, pháp danh là Ngô Không.

Tôn Ngô Không theo thầy học đạo mười năm, chẳng những võ nghệ cao cường mà pháp thuật cũng tinh thông, rành 72 phép biến hóa, lại giỏi “cân đầu vân” nhảy một nhảy xa mười muôn tám ngàn dặm. Nhờ đó, khi về Hoa Quả Sơn uy phong của Hầu Vương càng thêm lừng lẫy, chỉ tiếc còn thiếu một món binh khí cầm tay cho xứng sức. Vì vậy, Mỹ Hầu Vương thẳng ra Đông Hải, xuống tận cung Long Vương

để mượn binh khí tùy thân. Long Vương giận lấy, chỉ cây trụ đồng giữa biển đông, bảo nhỏ đem về xài. Nguyên cây trụ đồng này dài đến hai trượng, lớn hơn một vừng, nặng một vạn ba ngàn năm trăm cân, biết biến lớn nhỏ tùy ý muốn, nên gọi là “như ý kim cô bổng”. Hầu vương được Kim Cô bổng chẳng khác hùm thêm vây, thanh thế càng thêm to lớn.

Ngày kia, Hầu Vương đang ngồi ăn uống ca xang cùng bày khỉ nhỏ, xảy đâu có sai dịch của Diêm Vương nơi cõi u minh đến bắt. Hầu Vương cả giận hơi Kim Cô Bổng đánh rốc đến Sum La điện. Thập Điện Diêm Vương kinh hồn, chạy tuốt về tâu đầu đuôi tự sự với Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng chẳng biết làm sao đành nghe lời Thái Bạch Kim Tinh sắc phong Ngô Không làm Bật Mã Ôn, cho ở lại nhậm chức trên thiên đình. Hầu Vương vốn quỷ quái, không bao lâu hiểu được Bật Mã Ôn là chức hèn, bèn nổi giận bỏ cõi trời về Hoa Quả Sơn dựng cờ làm phản, tự xưng “Tề Thiên Đại Thánh”, ý nói mình ngang hàng với Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng sai thiên binh thiên tướng đánh dẹp cũng không xuể, bắt đắc dĩ phải phong Hầu Vương chức “Tề Thiên Đại Thánh” như ý muốn.

Trên thiên đình, mỗi năm đều có đại hội Bàn Đào, mời khắp chư tiên các nơi về phỏ hội. Kỳ đại hội năm ấy, không mời Tề Thiên Đại Thánh. Đại Thánh nổi giận, lén nhập đào viên trộm đào ăn gần sạch. Còn bày mưu khiến các tiên dự yến tuốt qua cung Đâu Suất của Thái Thượng Lão Quân, trộm linh đơn ăn đã thềm rồi trốn về Hoa Quả Sơn. Ngọc Hoàng cả giận, sai thiên tướng kéo binh xuống bắt Tề Thiên, nhưng đánh không lại, rốt cuộc phải nhờ Thái Thượng Lão Quân đến lừa thế bắt được, đem về nhốt trong lò Bát Quái, nổi lửa định đốt cho ra tro bụi. Không ngờ Tề Thiên tinh ý núp vào hướng trên gió không có lửa, nên vẫn an toàn. Đúng bốn mươi chín ngày, Thái Thượng Lão Quân đình ninh khi đột đã tiêu ra tro, bèn mở cửa lò toan lấy thuốc. Tề Thiên thừa cơ hội, nhảy ra làm sập cả một góc lò, hơi thiết bảng

đại náo thiên cung. Ngọc Hoàng phải nhờ Phật Tổ Như Lai đến dùng kế mới bắt được Tề Thiên trấn dưới Ngũ Hành Sơn, dặn phải chờ năm trăm năm sau sẽ có một vị cao tăng từ Đông Độ qua Tây Trúc thỉnh kinh đến thả ra, nên theo bảo hộ người ấy, đối tội lập công.

Vị cao tăng ấy chính là Ngài Đường Huyền Trang vâng chiếu chỉ vua Đường Thái Tông, Ngài được vua phong làm ngự đệ, thay vì họ Trần lại được đổi sang họ vua, cải pháp danh là Tam Tạng, sang Tây Trúc thỉnh kinh Phật.

Đi đến Ngũ Hành Sơn, Đường Tăng gặp Hầu Vương lâu nay bị đè dưới núi hết lời năn nỉ, nên động lòng từ bi, bèn trèo lên đỉnh gỡ bùa thả ra, nhận làm đồ đệ, đặt pháp danh là Hành Giả đem theo bảo hộ cho mình.” (Trích sách: Thú xem Chuyện Tàu của Vương Hồng Sển, do nhà xuất bản Xuân Thu - năm 1989).

“Tích truyện xưa thực hư ra sao không rõ, người ta chỉ biết cảnh trí Ngũ Hành Sơn đẹp tự nhiên, vô cùng thanh tú, thu hút không biết bao nhiêu du khách hằng năm. Năm hòn núi Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ sơn đứng chụm sát gần nhau mà từ trên cao nhìn xuống trông giống hệt bàn tay úp xuống. Từ huyền thoại tích Thạch Hầu đến núi Ngũ Chỉ Sơn là cả một khoảng thời gian dài gần một ngàn năm. Câu chuyện vượt cả không gian và thời gian: từ cung trời đến nhân gian, và rồi từ Trung Quốc tới Việt Nam. Chuyện Ngài Huyền Trang sang Tây Trúc - Ấn Độ thỉnh kinh Phật vào thế kỷ thứ bảy, cách đây hơn 13 thế kỷ là sự thật, lịch sử còn ràng ràng đó” (Mây nước thanh bình của chính tác giả).

Đi vào thời cận đại, lịch sử Ngũ Hành Sơn mới có chùa hơn 300 năm nay. Tổ khai sơn chùa Linh Ứng là Ngài Pháp Tràn, tự Quang Chánh, hiệu Bửu Đài, là đệ tử của thiền sư Thiệt Hội - Viên Quang, thuộc thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh.

Vào đời vua Lê Hiển Tông khoảng 1760, Ngài đến Ngũ Hành Sơn lập một thảo am lấy tên là “Dưỡng Chơn am” để nường nấu tu hành. Sau một thời gian, Ngài dời thảo am đến trước động Tàng Chơn và đổi tên thành “Dưỡng Chơn đường”. Sau khi trùng tu Dưỡng Chơn đường lại đổi thành Ứng Chơn. Vào thời vua Khải Định (1916-1925) chùa Ứng Chơn lại đổi thành Linh Ứng cho đến ngày nay.

Long vị thờ tại tổ đình Linh Ứng của lịch đại tổ sư qua các đời như:

1. Dưỡng Chơn đường thượng, sa môn hiệu Bửu Đài, tự Quang Chánh, húy Pháp Tràng đại thiên sư đời 36.
2. Ứng Chơn Trụ Trì đời 37, Ngài Tiên Trực - Chơn Như
3. Linh Ứng tự tăng cang đời 38, Ngài Ấn Diệu - Tổ Truyền
4. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 39, Ngài Ấn Lang - Tổ Huệ - Từ Trí
5. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 40, Ngài Hải Nghiêm - Phước Nghi
6. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 40, Ngài Chơn Thụy - Đạo Cúc - Hưng Long
7. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 41, Ngài Như Thông - Giác Minh - Tôn Nguyên
8. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 42, Hòa Thượng Thị Năng - Trí Hữu hiệu Hương Sơn từ 1957-1975.

Từ năm 1976 tới nay do Thượng Tọa Thiện Nguyễn - pháp danh Đồng Nguyên pháp tự Bảo Tịnh, là đệ tử Hòa Thượng Thích Trí Hữu, đời thứ 43, Trụ Trì Tổ Đình Linh Ứng.

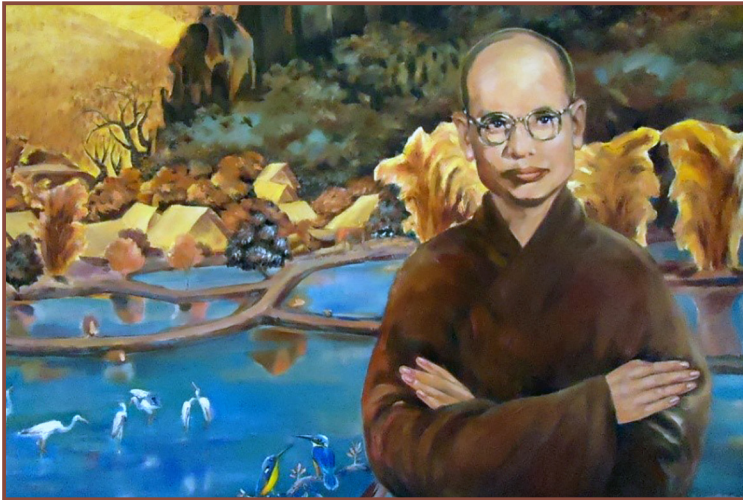
Cảnh trí chùa Linh Ứng nói riêng và Ngũ Hành Sơn nói chung nay đã thay đổi khá nhiều. Thầy Thiện Nguyễn có công sửa sang tu bổ làm cho cảnh quan chùa ngày càng xinh đẹp, nhất là ngôi bảo tháp 12 tầng nằm dưới chân núi hướng

phía đông, làm cho cảnh già lam càng tăng thêm vẻ đẹp hơn trước. Vì được xuất gia từ nhỏ, đầu còn để chỏm nơi ngôi cổ tự Linh Ứng này, được học hỏi dưới sự dìu dắt của bốn sư, tôi còn lưu nhiều kỷ niệm khó quên, nhất là với các huynh đệ đồng môn như Thanh An, Thanh Tịnh, Thông Hải, Thông Quang, Thông Chánh, Thông Nghĩa, Giải Thiện, Hoàng Khai, Thông Luận, Bửu Huệ, Thiện Ân...

Riêng tôi còn một ước nguyện, biến chốn Tổ đình Linh Ứng trở thành một trung tâm đào tạo tăng tài như thời thập niên 50, 60 ngày còn ân sư Hòa Thượng Thích Trí Hữu, Ngài giáo dưỡng liên tiếp nhiều khóa mà khóa của chúng tôi là khóa đầu tiên (1957) nay sau 56 năm còn được Hòa Thượng Thanh An (Hoa Kỳ), Hòa Thượng Bảo Lạc (Úc Châu), lớp sau có Thượng Tọa Thiện Nguyên và Thanh Thế (Việt Nam).

Điều ước nguyện của tôi mong thành hiện thật, để phục hồi lại chốn tổ như trước.

Sắc tứ Linh Ứng tự



Hòa Thượng thượng Trí hạ Hữu
vị Thầy khai tâm khi tác giả đầu còn để chỏm

Theo sử liệu ghi lại, vào đời nhà Lê, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1780), có một vị ẩn sĩ đến tu tại động Tàng Chơn, sau thời gian Ngài xây cất một am tranh đề hiệu là “Dưỡng Chơn Am”, ở đó tinh tấn tu hành. Sau một thời gian Ngài tự xây cất một nhà gỗ lợp bằng tranh lá ở trước động Tàng Chơn đề hiệu là Dưỡng Chơn đường. Qua thời gian ở ẩn núi non tu niệm, bấy giờ đất nước xảy ra việc tranh chấp giữa nhà Nguyễn với Tây Sơn. Lúc bấy giờ Nguyễn Phúc Ánh đến núi Ngũ Hành thấy cảnh trí kỳ quan hùng vĩ, sơn kỳ thủy tú. Vì thế khi Gia Long phục quốc bèn ra lệnh lập chùa tại Ngũ Hành Sơn - Quảng Nam. Lúc đó Dưỡng Chơn Đường được cải hiệu là Ngự chế Ứng Chơn tự. Phải kể đó là do công phu tu trì miên mật và bàn tay kiến thiết của Hòa Thượng Quang Chánh hiệu Bửu Đài. Chính Bửu Đài Đại sư là người đầu tiên khai sơn chùa Linh Ứng, bắt đầu từ đời Lê Cảnh Hưng (hậu bán thế kỷ 18) đến nhà Nguyễn Gia Long (1802-1819). Chùa Ứng Chơn diễn tiến từ một thảo am thành ngôi cổ tự đồ sộ nguy nga phụng thờ Tam Bảo, kể từ thời vua Minh Mạng (1820-1840).

Thừa kế tư tưởng của vua cha, vua Minh Mạng bắt đầu khởi công xây cất những chùa chiền từ Huế đến Quảng Nam, đặc biệt vua lưu ý đến ngôi chùa Ứng Chơn, thay mái tranh vách ván bằng mái ngói tường gạch chắc chắn qui mô. Lúc bấy giờ chưa có đường lên núi, muốn xây chùa trên núi, triều đình phải chỉ định công binh từ Huế đến tận nơi quan sát tiến hành làm đường. Sau khi đường sá làm xong, người ta bắt đầu chuyên chở vật liệu lên xây cất chùa Ứng Chơn bằng tường gạch mái ngói. Lịch sử kiến thiết xây dựng ngôi cổ sát Ứng Chơn này như ngày nay người ta còn tìm thấy những dấu tích lưu lại như những tấm biển sơn son thếp vàng; những hoành phi chạm trổ công phu của thời xưa còn tại đây. Chẳng hạn, “Minh Mạng hoàng đế ngự chế - Ứng Chơn tự - Minh Mạng tam niên tạo, Ngự chế Ứng Chơn Tự”. Người ta không

rõ Ứng Chơn tự đổi thành Linh Ứng tự từ hồi nào, có lẽ vì lý do phạm húy chữ “Chơn” của hoàng triều, nên Linh Ứng tự có từ thời vua Thành Thái, như bảng sắc tứ còn lưu truyền: “Linh Ứng tự - Thành Thái tam niên”. Bắt đầu từ đó người ta mới hay gọi là chùa Linh Ứng - Non Nước, có nghĩa là ứng nghiệm và linh thiêng. Thế là ngôi quốc tự Linh Ứng được nhiều người biết đến từ đó đến nay. *(Viết theo lịch sử Ngũ Hành Sơn - chùa Non Nước - của Hòa Thượng Hương Sơn.)*

Danh lam cổ sát

“Chùa Linh Ứng nằm trên ngọn Thủy Sơn thuộc Ngũ Hành Sơn, xã Hòa Hải, huyện Hòa Vang (nay thuộc quận Ngũ Hành Sơn), cách trung tâm thành phố Đà Nẵng, về hướng đông khoảng 8km.

Chùa Linh Ứng cùng với chùa Tam Thai là hai ngôi quốc tự đẹp và nổi tiếng bậc nhất ở Đà Nẵng. Chùa Linh Ứng mặt hướng ra biển đông, bên phải là Vọng Hải đài, Quan Âm Các, xung quanh cây cối um tùm bao phủ, tạo nên vẻ u linh cho hang động Tàng Chơn nằm sát phía sau chánh điện. Cảnh trí vừa hùng vĩ, vừa huyền ảo của bao sắc màu biển núi, đã là nơi dừng chân của nhiều đời vua quan và bao tao nhân mặc khách.

Trải qua nhiều lần trùng tu, chùa Linh Ứng hiện nay đã vô cùng đẹp đẽ với những tác phẩm điêu khắc chạm trở tinh vi bằng chính đá Non Nước và đồ sành sứ dưới bàn tay nghệ thuật của các nghệ nhân đất Quảng.

Cùng với những hang động xung quanh Ngũ Hành Sơn, với cảnh núi non hùng vĩ giao hòa cùng tiếng sóng biển rì rào quanh năm suốt tháng, chùa Linh Ứng là một danh lam thắng cảnh góp phần xứng đáng cho nền văn hóa Phật giáo ở miền Trung” (theo Việt Nam danh lam cổ tự - Võ Văn Tường).

Danh lam thường đi chung với thắng cảnh nhằm chỉ ngôi chùa danh tiếng có cảnh trí hữu tình thu hút nhiều du khách tham quan vãng cảnh. Ngôi danh lam thường nằm trên đỉnh núi nên đi kèm theo cảnh đẹp thiên nhiên, tạo thành một bức tranh tuyệt mỹ. Riêng từ “cổ sát” (古刹) cũng chỉ cho ngôi chùa cổ, nhưng không phải là ngôi chùa tầm thường. Chùa rộng lớn mang tính cách hùng vĩ, lại cổ kính nằm ẩn mình nơi núi cao rừng vắng và lâu đời, nơi đào tạo các bậc nhân tài cho Phật giáo hoặc chốn thờ tự linh nghiệm trải qua nhiều thế hệ. Từ cổ sát có lẽ gần với chữ Vihara tiếng Phạn, chỉ chốn thiền môn nghiêm tịnh, nơi chúng lý tu hành đầu tư công hạnh, tuệ trí, để xây dựng hiện tại và tương lai Phật Pháp.

Việt Nam danh lam thắng cảnh

Theo sử cụ Hương Sơn, tác giả lịch sử Ngũ Hành Sơn viết về chùa Linh Ứng như thế này:

“Quốc tự Linh Ứng xây dựng tại thắng cảnh Thủy Sơn. Mặt tiền của chùa hướng về phương đông, trông ra phía trước là biển Thái Bình Dương, bên hữu là Vọng Hải đài, bên tả là động Ngũ Cốc. Mặt sau lưng chùa là động Tàng Chơn. Chung quanh chùa, trước là cửa Tam quan, hai bên là nhà Tổ, giảng đường, nhà khách, thiền đường và nhà bếp. Khi người bước vào cổng tam quan, phóng tầm mắt thấy từ bắc sang nam một dãy nhà nguy nga trải dài và các ngọn núi Thủy Sơn chốn chỗ bao phủ kín chung quanh trông thật là hùng vĩ, như một thi nhân đã tức cảnh thành bài thơ thất ngôn bát cú:

Cảm đề

*Như thêu như dệt cảnh thần tình
Linh Ứng chùa này lắm vẻ xinh
Vọng Hải đài kia gương vĩ đại*

Vân Nham động nọ dấu uy linh
Thành cao cảnh tượng hồn non nước
Màu nhuộm lam tuyên tiếng kệ kinh
Đâu đó xa gần đều hướng vọng
Ánh vàng lan tỏa khắp quần sinh.

(Thích Thiện Trí, 29-9-55, Ất Mùi)

Vì ngôi chùa nổi tiếng như thế, lại có nhiều hang động uy linh làm say lòng bao khách tục, với am viện ẩn tàng và tăng sĩ mật hạnh ẩn hiện nơi đây sớm chiều với non xanh nước biếc giữa chốn già lam thanh tịnh.

Đạo sĩ chờ ta với hải hồ
Ta chờ đạo sĩ lãng hư vô
Hôm nay trắng tạnh đôi cao
Gót giày đạo sĩ ra vào thiên quan
Tấm lòng rộng quá không gian
Gió mưa bao ngại cơ hàn sá chi
Tháng ngày theo gót từ bi
Cầu mong đắc đạo cứu vì chúng sanh...

(Vô danh)

Cảnh quan đẹp như thu hồn du khách, nên từ đời vua Minh Mạng người ta đã lưu tâm đến thắng cảnh Ngũ Hành Sơn, và quanh năm người ta đi chùa Non Nước lễ bái, cầu nguyện, thăm viếng các hang động. Và do vậy mà từ đây ngôi Linh Ứng tự trở thành nơi tín ngưỡng đặc biệt với lượng người lễ bái quanh năm và khói hương bốn mùa quyện tỏa.

Úy chà chà núi cao
Trèo lên thử thế nào
Chùa vua thầy chúc tụng
Cửa Phật chúng ra vào
Chuông trống vang lừng núi

*Đèn đuốc rạng tợ sao
Của tiên làm thế ấy
Công đức biết dường bao?*

(thơ: Hòa Thượng Phúc Hậu)

Đề cập tới vãng cảnh chùa Non Nước, tưởng cần nhắc qua đường cấp lên núi theo 2 con đường: đường đầu tiên lên chùa Tam Thai rộng 4 mét với 156 bậc cấp, và đường thứ hai lên chùa Linh Ứng ở về phía biển có 108 cấp lên tới cổng tam quan để vào xem các động Tàng Chơn, Vân Thông, Giếng Tiên, Vọng Hải đài... và ngắm nhìn xa xa ra phía chân trời góc biển, thật là cảnh non nước hữu tình.

Di sản văn hóa quốc gia

Lúc tu tại chùa Linh Ứng - Non Nước tôi thấy có bảng đề: Di sản văn hóa quốc gia - Cổ tích liệt hạng. Như vậy trải qua hơn 200 năm trở lại đây, hai ngôi cổ tự: Tam Thai và Linh Ứng tại Ngũ Hành Sơn không những là ngôi danh lam thuần túy mà còn là di sản văn hóa của Quảng Nam nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Nhìn sang khía cạnh kinh tế, nếu ta biết khai thác đúng mức nơi thắng tích Ngũ Hành Sơn là điểm thu hút du khách nước ngoài rất nhiều và như thế Việt Nam hẳn thu được nguồn ngoại tệ khá, làm phong phú cho sự phát triển quốc gia. Thế nhưng điều này biết đâu lại trở thành bất lợi cho việc đào tạo tăng tài Phật giáo Việt Nam như các thế hệ thầy tổ đã đóng góp vào sự trường tồn của Phật pháp. Trong hiện tại, theo cái nhìn của tôi về nơi chốn Tổ Tam Thai và Linh Ứng, hầu như chúng ta thiếu quan tâm đặc biệt nên mất cả hai mặt: du lịch và giáo dục. Vì nếu được mặt này lại mất mặt khác, nên theo thiển ý, quý vị có chức quyền đừng nên khai thác thu lợi lập hàng quán bát nháo thiếu trật tự, làm mất đi vẻ đẹp tự nhiên nơi di sản văn hóa của Việt Nam; mặt

khác phải có vị tăng ưu tu tiên đồ đạo pháp thực tâm đứng ra cổ xúy, tái lập lại học viện giáo dục tăng sinh, đào tạo nhân tài cho Phật giáo nước nhà ngõ hầu phát huy đạo pháp, xây dựng con người Việt Nam về lâu dài. Hãy trả lại cái gì của Linh Ứng cho Linh Ứng để cùng nhau bảo tồn di sản văn hóa mà tiền nhân đã để lại. Đàn hậu bối không thể làm khác người xưa, ngõ hầu tài bồi phần nào trong muôn một giá trị truyền thống của dân tộc.

“Ngũ Hành Sơn là biểu tượng cho văn hóa Việt Nam nơi cổ kính, danh lam thắng tích. Địa thế cảnh trí sơn kỳ thủy tú như thế đã làm nổi bật nền văn hóa của dân tộc thêm phong phú. Vì thế, khi người ta biết đến cảnh Ngũ Hành Sơn, nhiều người lui tới thăm viếng là người ta đã có ý lo bảo vệ thắng cảnh: chùa viện, di tích Phật giáo - thần giáo kỹ lưỡng để gìn giữ được vị thế di sản văn hóa đúng nghĩa” (lịch sử Ngũ Hành Sơn)

Non nước thời nay

Ngũ Hành Sơn ngày nay không còn giống như xưa nữa. Lối kiến trúc tháp đường, tịnh viện tuy có bề thế sang trọng nhưng lại mất đi vẻ cổ kính lâu đời mà có chen lẫn cái tâm trần của kẻ tục nên không được tôn nghiêm thuần khiết. Mỗi năm tại Ngũ Hành Sơn lại tổ chức lễ hội Quan Âm vào ngày 19 tháng 2 âm lịch, qui tụ hàng chục ngàn người về đây ngoạn cảnh vui chơi. Từ 10 năm nay nghe đâu ngày lễ hội Quan Âm do chùa Quan Âm phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức mỗi năm càng to lớn và hoành tráng. Việc làm này bề mặt như có vẻ tô điểm cho Phật giáo, song kỳ thật chỉ là nhãn hiệu, người ta mượn oai thần Phật để trục lợi mà không gì khác hơn. Đến nỗi có lời phát biểu tại lễ hội Quan Âm như báo động rằng: “Gần đây người vãn cảnh ngày một thêm tấp nập, nhưng trong hàng du khách có một số thiếu

ting thần xây dựng, nên chốn già lam thánh địa vì thế mất dần ý nghĩa thiêng liêng, đến nay thì hầu như chỉ còn là một chốn non nước hữu tình dành cho du khách nhàn du giải trí...” (Bài cảm niệm ngày lễ Quán Thế Âm Bồ Tát - không đề tên tác giả).

Ngũ Hành Sơn từ triều vua Minh Mạng trở đi còn được dân chúng trong vùng gọi là núi Cẩm Thạch (Marble mountain), vì tại đây có rất nhiều đá cẩm thạch rất đẹp. Bài danh lam thắng cảnh Ngũ Hành Sơn, tác giả Hoài Hương P.H.N (Muenster - Đức quốc) có đoạn viết:

“Ngày xưa Ngũ Hành Sơn là những núi đảo thuộc Nam Hải, lâu ngày bị cát bồi lấp dần trên bờ bể. Ngũ Hành Sơn gồm: Kim Sơn (phía tây), Thổ Sơn (ở giữa), Thủy Sơn (đông bắc), Mộc Sơn (đông nam) và Hỏa Sơn ở cách nhau chừng vài ba cây số; thật ra có hai ngọn núi là Âm Hỏa Sơn và Dương Hỏa Sơn.

Tùy theo thời tiết, màu sắc các nơi này thay đổi chuyển từ màu lục sang lục đậm hoặc xám hay đen. Trong các núi, Thổ Sơn là núi thấp nhất; Kim Sơn là ngọn núi nhỏ nhất. Núi này chạy dài từ đông sang tây, đầu hướng về tây bắc đâm thẳng ra Trường Giang. Tại bến sông này có xây một bến đò gọi là “Bến Ngự”, vì là nơi thuyền nhà vua thường cập bến ở đây mỗi khi viếng Ngũ Hành Sơn.

Núi lớn nhất và đẹp nhất là Thủy Sơn, tại đây có nhiều chùa và động thạch nhũ thật đẹp. Với một diện tích 15 mẫu tây, Thủy Sơn trải dài từ đông sang tây với 3 đỉnh núi sắp theo hình các sao Tam Thai. Trên đỉnh núi có chùa Tam Thai và chùa Linh Ứng. Hai chùa này thông thương với nhau qua con đường quanh co dẫn qua các động Tàng Chơn, Vân Thông, Vân Nguyệt... qua các trạm Vọng Hải đài, Vọng Giang đài”.

Chùa Linh Ứng mặt tiền hướng ra biển Nam Hải. Dưới chân núi gần lối thang cấp dẫn lên có ngôi bảo tháp 12 tầng cao 15 mét làm tăng thêm vẻ đẹp chốn thiền môn thanh tịnh này.

“Chùa Tam Thai hay chùa Non Nước được dựng ở phía tây Thủy Sơn, nơi một vùng rất kỳ tú trang nghiêm. Từ chùa Tam Thai đi thẳng về phía tây, ngang qua Vọng Giang đài để đến tháp Phổ Đồng và chùa Từ Tâm. Tháp Phổ Đồng được xây bằng gạch xưa của Chiêm Thành và đá cẩm thạch. Chùa Từ Tâm là nơi đức Địa Tạng cùng những người quá vãng không kể kể tự được thờ phượng. Tại chùa cũng có thờ liệt vị tiên đế các đời Đinh, Lý, Trần, Lê.”

(Hoài Hương P.H.N như đã dẫn)

Đặc biệt cảnh chùa Tam Thai có động Huyền Không trông thật là kỳ bí, quang cảnh ánh sáng huyền ảo soi vào đá hoa, vách đá trong động nên khách viếng thăm có cảm tưởng như mình đang lạc vào tiên cảnh. Nơi lối vào phía trước hang động có đôi thạch nhũ nước chảy rỉ rả âm thanh tí tách, nước trong veo như giếng tiên nên du khách có thể lấy đem về dùng tùy thích. Do cảnh đẹp thần tiên như vậy nên có nhiều văn nhân thi sĩ cảm tác nên thành vần điệu ca tụng cảnh thiên nhiên hữu tình này.

*Bạch thạch huỳnh sa túy tác đôi
Thông thông uất uất khí giai tai
Thiên quang vân ảnh tĩnh lâm động
Hải sắc giang dung hiếu thượng đài
Tĩnh cảnh chi ung tiên mạc trú
Thành du hoàn hữu sứ tra lai
Truy tu trở giá miên tiên sử
Để ý thân tâm tại thu hồi.*

(Trương Quan Dân - danh thần triều Nguyễn)

Dịch nghĩa:

*Đá vàng cát trắng khéo xây nên
Nghỉ ngút điện già bốc khói thiêng
Tia sáng bóng mây soi thấu động*

Màu sông sắc biển sớm lênh đênh
Màu tiên cảnh vắng đàn xa tục
Thuyền sứ thành qua lại đậu bến
Trở giá chuyện xưa ngời nhớ lại
Lòng thành kẻ dưới thấu bề trên.

(Chí sĩ Minh Viên - Huỳnh Thúc Kháng dịch)

Nơi di tích chùa Linh Ứng, nay còn lại 2 cặp câu đối như sau:

*Cổ tự tăng nhàn thường dĩ yên hà vi bạn lữ
Thâm sơn cấu thế chỉ bằng thảo mộc ký xuân thu.*

Nghĩa:

*Thầy tăng chùa cổ thường vui đùa với thú nước mây
Đồi róm núi sâu mượn cỏ cây làm bạn tháng ngày.*

Và:

*Mộ cổ thân chung cảnh tĩnh ái hà danh lợi khách
Triêu kinh tịch kệ hoán hồi trần thế mộng mê non*

Nghĩa:

*Chuông sớm mõ chiều thức tỉnh khách danh lợi đa tình
Sáng kinh tối kệ giục gọi người mộng tỉnh cơn mê*

(Thích Bảo Lạc dịch)

Cảnh đẹp tự nhiên đẹp, không thể dùng ngôn ngữ hay ngòi bút diễn tả hết được, nhưng dù sao đi nữa thi nhân cũng là người đa cảm, nên tôi tạm mượn mấy vần thơ tóm lược những điều vừa nêu lên.

*Nghe nói Hành Sơn cảnh tuyệt vời
Cõi trần dạo bước thử xem chơi
Năm hòn chót vót cây chen đá
Bốn mặt mênh mông nước lộn trời
Bãi cát trắng phau cơn gió bụi*

Chòm râu xanh ngắt bóng trắng khơi
Ngự thi nét bút còn như vẽ
Dâu bể bao phen đã đổi đời

(Nữ sĩ Ngọc Anh)

Cảnh đẹp cũng làm cho nhà chí sĩ cao hứng đối cảnh sanh tình qua bài thơ thất ngôn Đường luật:

Ngộ nhập hồng trần tráp ngũ niên
Bồng lai hồi thủ tứ mang nhiên
Như kim đảo đắc Tàng Chơn động
Tảo thạch chiêm hoa lễ chúng tiên.
Linh Ứng đài cao ẩn thúy vi
Tàng Chơn động cổ thạch đài hy
Thu phong độc ý từng quan vọng
Bất kiến thiên nhai hải hạc phi.
Ẩm bãi từng giao tọa thúy vi
Tiên ông tàng thủ tức trần ky
Cổ nhân tung tích quân hưu vấn
Nhất phiến nhân vân vạn lý phi.

(Nguyễn Thượng Hiền)

Dịch nghĩa:

Hai mươi năm lẻ xuống trần gian
Ngoảnh lại Bồng lai gẫm dĩ dang
Kìa động Tàng Chơn nay được đến
Dâng hoa quét đá lễ tiên ban.
Linh Ứng đền xây giữa núi sâu
Tàng Chơn động cổ đá thưa râu
Gió thu tựa cửa Tùng Quan ngắm
Hạc biển bay mà chả thấy đâu.
Non cao mấy chén rượu từng say
Xa tục, tiên ông ở chốn này

*Tung tích người xưa thoi chó hỏi
Chòm mây muôn dặm tự do bay.*

(Huỳnh Thúc Kháng dịch)

Và tôi cũng phụ họa mấy câu cho vui lòng độc giả:

*Mái chùa che chở hồn thiêng
Trẻ già, trai gái đồng nguyên tiến tu
Sớm chiều kinh kệ công phu
Xây đời an lạc đắp bù gia công
Quả xinh tu tạo nhân trông
Tương lai bồi đắp cha ông đạo nhà
Mái chùa đầm ấm thiết tha
Cháu con giữ lấy món quà tâm linh.*

Đời vân thủy

*Hai vầng nhật nguyệt
Sáng tỏa mười phương
À oi năm bảy mà thương chưa tròn
Người thân đưa tay vẫy gọi
Tiễn người đi lưu kỷ niệm khó quên*

(Hành trang - Sông Thu)

“**G**ieo nhân phải chọn giống tốt hạt lành mới tươi cành xanh ngọn. Thân, cành, lá xanh tươi tốt, dĩ nhiên cái quả sẽ tương xứng không phải uổng phí công lao. Buổi ban đầu sơ tâm học đạo, những việc làm sai quấy, lệch lạc, thầy không la rầy quở phạt là để uốn nắn thân non cho già năm tháng. Người đệ tử phải biết tự chế, khắc phục sửa sai để sau này khi ra làm việc đạo mới đi vào khuôn phép mẫu mực, xứng đáng nhà mô phạm... Đời sống tăng sinh như cánh chim ngàn muôn phương tụ hội về một nơi, chung thầy, chung chúng, chung trường, chung cùng chí hướng. Sống trong một đại gia đình có tôn ti trật tự, trên dưới trong ngoài đâu ra đó hẳn hoi.

...Cái cao rộng mênh mông của mây nước lưu chuyển tự do trong trời đất, cũng như gót chân người tăng sĩ đi lại tự tại trong khắp bốn phương trời, lúc xa thật xa mà khi gần cũng thật gần đời sống. Như mây vờn trên đỉnh núi, nước xoáy trên ghềnh non.”

(Lời tựa sách *Mây Nước Thanh Bình*,
Pháp Bảo ấn hành 1995).

Như lời Tổ Quy Sơn Linh Hựu dạy người xuất gia:

“Phát túc siêu phương, tâm hình dị tục
Thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân
Dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu...”

*Bước chân dạo khắp muôn phương
Thân tâm khác tục đạo thường dôi trau
Ươm mầm Phật chủng dài lâu
Quân ma nhiếp phục hồi đầu quy y
Dứt sạch ba cõi phiền si
Bốn ân đền đáp kiên trì quyết tâm...*

(Thích Bảo Lạc dịch)

Đó là sự hành hoạt và chí nguyện của người tu học đạo xuất thế, sống theo hạnh viễn ly, đi khất thực như Đức Phật và tăng đoàn hồi Phật còn tại thế; mỗi ngày ăn một bữa, nơi gốc cây ngủ một lần để không bị vướng chấp vào đâu. Thật là cao đẹp, một lý tưởng sáng ngời của hàng đệ tử xuất gia như thế! Thế nhưng, đời sống của con người ngày càng khó khăn, phức tạp; cái ăn, cái mặc gắn liền theo cuộc mưu sinh để tồn tại nên hàng đệ tử cũng uyển chuyển tùy nghi phương tiện như ta thấy Phật giáo Đại Thừa ngày nay. Như trăm sông đổ về biển, dù theo phương tiện nào, nhưng lý tưởng của người tu vẫn phải kiên trì phấn đấu diệt trừ quân ma đạt đến giải thoát rốt ráo; chỉ có một vị - vị giải thoát - an lạc. Vị giải thoát không chỉ tìm cầu trong hiện tại mà còn qua lại chốn nhân thiên để hội đủ nhân duyên hướng về Phật đạo.

*Đời vân thủy một bình ba áo
Kiếp Ta-bà muôn dặm cô thân
Bước du phương giáo hóa xa gần
Tay quán chúng điều hành nội ngoại.*

(Hòa Thượng Huyền Quang)

Hay:

*Gót đạp sĩ bốn phương trời rảo bước
Cõi Ta bà đâu chẳng phải nhà ta
Một mình đi với bình bát, cà sa
Đói xin ăn dưới gốc cây nằm ngủ...*

Hoặc:

*Một mình dạo khắp Ta-bà
Ôm bình bát pháp mọi nhà xin ăn
Chỉ vì sanh tử đảo điên
Xuân thu giáo hóa gieo duyên độ đời.*

Xuôi về phương nam

Sự nghiệp của nhà sư gồm 3 pháp y và một chiếc bình bát. Y pháp nuôi pháp thân, bình bát nuôi sắc thân; cả thân tâm đều ở trong môi trường thích hợp để học đạo, tu tập và hoằng đạo mà người xuất gia theo truyền thống nào cũng phải vâng giữ mới tròn tâm nguyện thực hành hạnh xuất thế.

*Nhứt bát thiên gia phạm
Cô thân vạn lý du
Kỳ vi sanh tử sự
Giáo hóa độ xuân thu.*

Bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt chỉ gói ghém trong 20 chữ mà hàm chứa ý nghĩa cao xa sâu rộng đủ diễn tả công hạnh tu trì, hóa độ của hành giả từ ngàn xưa cho đến ngàn sau vẫn như nguyên vẹn. Cứ mỗi lần câu hội vào những dịp lễ lạc, bút giả thích được nghe tán bài này, với giọng cao vút đậm theo tiếng tang, linh nhộn nhàng như đưa tâm hồn ta vào cõi an nhiên siêu thoát.

Đời sống của một tăng sinh

Sau bao nhiêu năm lê gót chân từ Đà Nẵng vào Sài Gòn, tôi đã có dịp sống, tu học, hành đạo ở nhiều chùa - viện tại thôn quê cũng như thành thị; tiếp xúc đủ hạng người của mọi miền đất nước, cũng như thưởng thức đủ các món chay tịnh đặc sản của từng nơi, ngồi ôn lại mới thấy mình đủ phước phần nên chưa đến nỗi chìm trong cảnh “áo vũ cơ hàn” như câu chuyện của một em bé lang thang đêm trời đông không nơi nương tựa, đói rách, lạnh buốt cô thân và lạnh cả tình người.

Từ năm 1959 tôi đã vào đất Sài Gòn - hòn ngọc Viễn Đông - nơi mà hơn 300 năm trước chúa Nguyễn Hoàng đã mở rộng bờ cõi cho đất nước Việt Nam chạy dài từ Ai Nam Quan đến tận mũi Cà Mau như hiện nay.

Đầu tiên nhờ sự giới thiệu gởi gắm của thầy Thị Thành (Hạnh Từ), tôi vào ở chùa Hưng Long, số 298 đường Minh Mạng quận 10 Sài Gòn. Trụ trì chùa lúc đó là Thượng Tọa Bảo Đảnh (Như Trạch - Giải Anh), tánh Ngài rất hiền hậu, từ tốn dễ dãi, đặc biệt là rất thương chúng. Đến năm 1960, Thượng Tọa Như Vinh - Giải Quảng - Pháp Ý kế tục, trụ trì chùa Hưng Long đời thứ ba, cũng có tâm rộng rãi đối với chúng như bào huynh vậy. Chùa lúc bấy giờ đã xây thêm tầng xá kế giếng nước, nên chúng tôi đỡ phải lầy lất ngổ trong điều kiện kham nhẫn như các thầy trước đó từ miền Trung vào ở để đi học như thầy Hạnh Từ, thầy Chơn Phát... Ở đây không có lớp học, tôi phải dùng xe đạp đi tới chùa Giác Sanh ở đường Lê Đại Hành nối dài với trường đua ngựa Phú Thọ. Đoạn đường dài độ 15km tôi đạp xe đạp mỗi ngày hai bận đi và về tốn khoảng hơn một tiếng đồng hồ. Cứ sáng đạp xe đi và chiều đạp về như vậy được một năm, tới năm 1960, nhà trường tổ chức thi xếp lớp, tôi được trúng tuyển nên đổi về học nội trú tại Hội Lưỡng Xuyên Phật Học - Trà Vinh.

Hội Lưỡng Xuyên là ngôi trường Phật học đầu tiên tại

miền Nam do các ngài Khánh Hòa, Huệ Quang, Khánh Anh, Pháp Hải... thành lập năm 1934, do Hòa Thượng Khánh Hòa làm Pháp sư tức giáo thọ. Các vị Thiện Hòa, Hành Trụ, Thiện Hoa, Huệ Hưng là những tăng sinh theo học khóa đầu tiên vào năm 1935. Một mặt Hội lo đào tạo tăng tài để cung ứng nhân sự điều hành các Phật sự tương lai; mặt khác các vị trong ban sáng lập còn chủ trương xuất bản tạp chí Duy Tâm để truyền bá Phật pháp bằng chữ quốc ngữ.

Lúc đó Chánh Hội Trưởng là ông Huỳnh Thái Cửu, Hòa Thượng Khánh Hòa làm pháp sư kiêm Tổng lý của Hội. Hòa Thượng có tầm nhìn xa thấy rộng, nên vạch rõ sự cần thiết phải thành lập Giáo Hội, xuất bản tạp chí và kiến tạo Phật học đường là ba Phật sự hàng đầu để chấn hưng và phát triển nền Phật giáo nước nhà lúc bấy giờ. Lực bất tòng tâm, với sự cố gắng của Ngài và các pháp lữ trong việc quản trị và giáo dục Phật học đường, nhưng chiến tranh xảy ra, Lưỡng Xuyên Phật Học Hội và Phật học đường phải ngưng hoạt động. Chúng tăng ly tán mỗi người một ngã, quân đội Pháp chiếm đóng cơ sở Phật Học Hội; Phật giáo lại một lần nữa ngộ nạn, nhưng chưa tử nạn. Hiệp định Genève ký kết năm 1954, người Pháp ra đi, trả lại độc lập cho Việt Nam. Một phong trào Hòa Bình và Thống Nhất đất nước được thành lập, Hòa Thượng Huệ Quang lúc đó là Pháp chủ Giáo hội Tăng-già Nam Việt, cùng với giới trí thức Phật tử, tích cực vận động tăng ni và tín đồ Phật giáo hưởng ứng.

Lưỡng Xuyên Phật Học đường tái hoạt động từ năm 1957, cho tới ngày lớp của chúng tôi dời về đây là khóa thứ 3 từ 1960 đến 1963. Lúc này Chánh Hội Trưởng là ông Huyện Luân, Giám viện là Thượng Tọa Minh Thông, sau nửa khóa thay thế Thượng Tọa Liễu Minh chăm lo về chương trình Trung Đẳng Phật học. Chương trình học 3 năm, lớp chúng tôi có 21 tăng sinh như: Thông Quang, Như Toàn, Thanh Tịnh, Nguyễn Tịnh, Đức Viên, Bửu Lợi, tôi (Bảo Lạc)...

Ghi lại những hoài niệm thân thương của thời còn mài đũa trên ghế nhà trường bằng những dòng chữ chân thành.

Với tôi đây là một nơi thật lý tưởng để học Phật mà mãi tới ngày nay hơn nửa thế kỷ, như còn lưu lại bao nhiêu kỷ niệm của tình người, với trái ngọt rau ngon, canh thơm cơm dẻo; người dân hiền hòa, cảnh vật hữu tình và nhất là những người Phật tử chân thành hết lòng lo cho đạo, nuôi lớn tăng sinh chúng tôi trong hoàn cảnh đất nước nghèo nàn kinh tế, như bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, ông Huyện Luân (Chánh Hội Trưởng), bà Tư Phán, cô Sáu v.v... và còn nhiều vị nữa tôi quên tên. Những vị hộ pháp ân nhân này của Phật học đường Lương Xuyên, nay đã không còn trên cõi đời này nữa. Nhưng tôi tin chắc, với cái nhân lành của họ, quý vị ấy vẫn đang trở lại hành hoạt đâu đây...

Ngồi trong lớp học tại đây, tôi liên tưởng tới chư tôn Hòa Thượng Huệ Quang, Khánh Hòa, Khánh Anh, Pháp Hải... nổi gót theo phong trào chấn hưng Phật giáo do Thái Hư Đại sư bên Trung Hoa cổ xúy, quý Ngài muốn thành lập Phật học viện và Thư xã... Vì nghĩ ân đức các bậc thầy tổ đã từng dày công gây dựng nên phong trào học Phật và nỗ lực thành các Phật học viện cho anh em tăng sinh có nơi rèn luyện sau này.

Ân giáo dưỡng một đời nên huệ mạng

Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền.

Ngoài các bậc ân sư, đàn na thí chủ cũng đóng góp rất nhiều trong việc đào tạo tăng tài, về mặt ngoại hộ cũng quan trọng không kém. Nhờ những vị Phật tử đạo tâm thuần thành cho chúng tôi có được một đời sống vật chất ổn định". (N.M.T.K & T.Q Ân Từ của tác giả).

Tại Phật học viện nơi đây chúng tôi hưởng được nhiều mặt thuận lợi về tinh thần lẫn vật chất. Về tinh thần, lớp học được Giáo hội Trung Ương nâng đỡ như những đứa con cưng nên tăng sinh chúng tôi cảm thấy an tâm và hãnh diện.

Vì trên đã có các bậc thầy lo liệu, giữa có Ban Giám đốc và Ban Giáo Thọ trực tiếp chăm sóc dạy dỗ, dưới có Ban Bảo Trợ Phật Học Viện chu toàn bốn sự cúng dường: thức ăn, đồ mặc, chỗ ở, thuốc men đầy đủ. Có thể nói rằng đời sống vật chất ở đây rất sung mãn, tăng sinh được ăn ngon, bữa nào nhìn vào bàn ăn cũng có đủ 4 món cơm, canh, món xào, món kho hay rau sống hoặc rau luộc thay đổi bữa. Buổi trưa có giờ nghỉ ngơi (ngủ) lấy sức từ 13 tới 14 giờ 30. Ngủ dậy lại được bồi dưỡng món chè thơm ngon, nóng hổi mà chúng tôi không hề quên được, dù bất cứ hoàn cảnh nào, nay cũng không tìm lại được cảnh sum họp vui vầy như thuở nào của thời học tăng tại Phật học đường Lương Xuyên.

Lớp người trước nay đã ra đi gần hết, và theo như chỗ tôi biết chỉ còn lại Hòa Thượng Liễu Minh từ hơn ba thập niên qua Ngài nương náu nơi một ngôi chùa tại Mỹ Tho. Hẳn tuổi thọ Ngài năm nay cũng ngoài 80, không rõ sức khỏe ra sao. Lớp huynh đệ chúng tôi hầu như sau những biến cố lịch sử của Phật giáo Việt Nam năm 1963 và 1975, đã cởi áo tu và trở lại đời sống như người Phật tử, và còn một số đã về hầu Phật. Mỗi người đều có công nghiệp và biệt nghiệp để theo, chúng ta không thể nói cùng được. Điều tâm sự ở đây, nhờ phước có tu tôi luôn được hồng ân Tam Bảo che chở thoát qua bao nhiêu hiểm nạn. Bệnh thập tử nhất sanh lúc nhỏ, sắc dục lồi cuốn rồi cũng buông, danh vọng không đủ sức thuyết phục được nhà tu nghệ sĩ tánh này. Cũng nhờ những biến cố thử thách trong đời hần sâu nơi tâm tư tôi mới tồn tại được như hôm nay. Xin cảm ơn tất cả những ai trực tiếp hay gián tiếp, vô hình hoặc hữu thể tạo cho tôi những cơn thử lửa, được bình an trong cõi tịnh độ để hỗ trợ cho nhau đi trọn hành trình đạt đến giải thoát từ đời này và kiếp khác.

Cao trào tranh đấu của Phật giáo Việt Nam lên đến cao điểm là sau mùa lễ Phật Đản vào tháng 5 năm 1963, lớp học của chúng tôi được Giáo hội Trung Ương rút về Sài Gòn từ

tháng 6 năm 1963 để tăng sinh tiếp sức vào công cuộc tranh đấu cho tự do tôn giáo của Ủy Ban Liên Phái bảo vệ Phật giáo, do Hòa Thượng Tâm Châu làm Chủ tịch. Huynh đệ chúng tôi phải tạm tá túc ở chùa Quang Minh gần cổng xe lửa số 6 Phú Nhuận - Gia Định, do Hòa Thượng Tài Quang trú trì. Vì là ngôi chùa tự do bà Sáu chủ hộ nên mọi việc không đơn giản và dễ dàng, làm cho tăng sinh có phần hơi nản. Tuy nhiên chúng tôi tự nghĩ nơi tạm dừng chân như trạm nghỉ lấy sức, có gì phải bận tâm cho một trí.

Tại chùa Quang Minh, chúng tôi đa phần đều ra ngoài học theo chương trình thế pháp; chờ ngày thi vô Phật học viện Huệ Nghiêm. Cuối tuần chúng tham gia tranh đấu đòi tự do tôn giáo. Sau cuộc tự thiêu hùng tráng của Hòa Thượng Quảng Đức vào ngày 11 tháng 6 năm 1963 (20/4 nhuận Quý Mão) phong trào tranh đấu của Phật giáo dâng lên như vũ bão. Công an, mật vụ của chế độ ông Diệm theo dõi, lùng bắt tăng ni biểu tình phản đối chính quyền đàn áp Phật giáo. Để khỏi bị theo dõi chúng tôi cải trang thành người thường len lỏi vào trong quần chúng phân phát tài liệu của Ủy Ban Liên Phái kêu gọi đình công bãi thị. Có khi chúng tôi bị công an rượt chạy thục mạng. Vào tháng 7 năm 1963, không nhớ rõ ngày, tôi bị cảnh sát đô thành Sài Gòn đuổi rượt tại chợ Bến Thành, định tóm bắt tống lên xe cây chở về đồn cảnh sát. Hai viên cảnh sát nắm giắt chiếc y của tôi đang mặc, túng quá tôi bỏ y chạy thoát thân; nếu không lạnh lẽ đã bị tóm gọn cho vào ngôi nhà đá rồi. Thế nhưng vì nghiệp chung, tôi đã bị bắt trong cuộc tấn công chùa Xá Lợi vào đêm 20 tháng 8 năm 1963, cùng với các nhà lãnh đạo Phật giáo lúc đó, trong số có Thượng Tọa Trí Quang. Cảnh sát đủ các ngành và quân đội ồ ạt tiến vào chùa như một trận xung kích, sau một hồi lục soát, họ bắt tất cả tăng ni và Phật tử tranh đấu đang ở tại chùa Xá Lợi, dẫn ra sắp hàng trước đường Bà Huyện Thanh Quan, sau đó họ cho riêng tăng ni lên 10 chiếc xe thùng và chở đi trong đêm tối. Xe chạy độ một tiếng đồng hồ là tới nơi,

lúc được thả xuống xe, chúng tôi mới nhận ra đó là khu An Dưỡng Địa nơi mà tôi sắp thi nhập học.

Họ giam lỏng độ 400 tăng ni ở đó trong 3 ngày, rồi được lệnh Cảnh sát chở hết chúng tôi về trung tâm cải huấn thanh thiếu niên tại Thủ Đức và giam giữ tại đó cho tới sau ngày Cách mạng 1 tháng 11 năm 1963 thành công.

Tưởng cần nói rõ, 20 tháng 8 năm 1963 là ngày mà chính phủ ông Diệm có kế hoạch tấn công nước lũ vào chùa chiền khắp trong toàn quốc, bắt sạch hết chư tăng, nhất là những vị nào hăng say tranh đấu chống chính quyền. Ở tù thời gian hơn 3 tháng, cũng giống thiên thu tại ngoại, đếm tính mới nghe thấm thía câu này của người nào đó đã nói rằng: Chử tù liền với chử tu một vần.

Biến cố kinh hoàng đêm ấy, đối với chư tăng ni nói riêng và toàn thể Phật giáo đồ nói chung không thể nào quên được. Hòa Thượng Thanh Cát (hiện trụ trì chùa Giác Minh tại Bắc Cali - Hoa Kỳ) có làm bài thơ ghi lại đêm lịch sử đầy bi thiết đó như sau:

Đêm giông tố

*Đêm lặng lẽ bốn phương trời xa vắng
Ta ra đi thấp thoáng giữa canh trường
Ta ra đi hòa nhịp với gió sương
Và đi vì lũ bạo quyền gian ác
Nguyện vì đạo thân này dù có thác
Quyết đấu tranh đến hơi thở cuối cùng
Cho toàn dân được hưởng hạnh phúc chung
Và hậu thế khỏi cười chê hèn nhát
Lạy Phật Tổ và Quan Âm Bồ Tát
Cứu giúp con cùng Phật tử, tăng ni
Cho ai nấy thoát khỏi lúc gian nguy
Đều trở về hô Phật giáo bất diệt.*

(Thích Thanh Cát, đêm 20/8/63)

Sau khi ra tù, chúng tôi về chùa Ấn Quang được quý thầy lớn, tăng ni và Phật tử đón mừng như những chiến sĩ thành công ca khúc khải hoàn nên được nhiều ưu đãi. Sau vài ba hôm, chúng tôi trở lại chùa Quang Minh lo việc học hành tiếp tục. Tuy trước mắt lo giải quyết nơi ăn chốn ở cho xong; yêu sách trước đó đã được trình lên Ban Giám Đốc, nhưng chúng tôi còn phải chờ đợi vì Giáo Hội bận lo nhiều việc, nên chưa có thể giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng, đúng mức, nhất là những đòi hỏi chính đáng của anh em tăng sinh chúng tôi. Có sự chậm trễ giải quyết mà lý do là công cuộc tranh đấu cho 5 nguyện vọng của Phật giáo lúc đó chưa đạt thành. Giờ đây Giáo Hội mới đặc biệt lưu tâm tới số tăng ni trẻ đang theo học tại các Phật học viện, đã bị gián đoạn trong thời gian qua. Vì tăng sinh là tương lai của Phật pháp, mầm non của Phật giáo nên Giáo Hội dành mọi ưu tiên trưởng dưỡng tô điểm cho thành phần tăng trẻ. Chắc hẳn điều cấp thiết hàng đầu mà Phật giáo thời nào cũng vậy, không cứ chỉ riêng có thời điểm 1964. Hơn ai hết, giới lãnh đạo Phật giáo là những người biết nhìn xa thấy rộng đặt định cho tăng ni sinh một hướng đi vững chắc trong tương lai. Được các bậc thầy chiếu cố nâng đỡ, chúng tôi lại càng phải cố gắng học tập nhiều hơn để khỏi cô phụ ân đức cao dày của các Ngài.

Chuẩn bị dự thi

Vào tháng 1 năm 1964, chúng tôi dự kỳ thi tuyển vào lớp cao đẳng Phật học viện Huệ Nghiêm. Từ khi ra tù cho tới ngày dự thi chưa đầy hai tháng, tôi đã hết sức cố gắng dự cuộc thi tổ chức tại Ấn Quang gồm có 31 tăng sinh, kết quả đậu được 24 trên 31, trong số có 7 người rớt. Các môn thi gồm Kinh, luật, luận đã học tại trường Lương Xuyên Phật học, cộng thêm môn Việt văn và sinh ngữ Anh, vì lớp chúng tôi theo chương trình phổ thông của Bộ Giáo Dục, nên chú trọng các môn thế pháp. Thi đậu vào trường Phật học Huệ Nghiêm, tôi vô cùng phấn khởi, vì từ nay mình bắt kịp môi

trường trên đường học vấn, những mong như con rồng bay cho thỏa chí đời vân thủy của người tu Phật mà bấy lâu nay ước mộng chưa thành. Cũng trong năm 1964 này, ngoài việc đậu vào trường Huệ Nghiêm, tôi còn được Ban Giám Đốc cho thọ giới cụ túc tại Việt Nam Quốc Tự vào tháng 8 trong cùng năm. Đại giới đàn qui tụ hơn cả ngàn giới tử gồm tăng ni hơn 400 và trên 600 Phật tử; 2 vị Đàn đầu Hòa Thượng là Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết và Thích Hải Tràng, Yết Ma A Xà Lê: Hòa Thượng Thiện Hòa, Giáo thọ A Xà Lê: Hòa Thượng Thiện Hoa.

Có thể nói trong năm 1964 này đời tôi trải qua hai sự kiện khá quan trọng đáng nhớ để đời. Việc tôi đậu vô trường là một niềm hãnh diện chung cho cả pháp phái tông môn và thầy tổ, huynh đệ nữa, tôi vô cùng phấn khởi được đi trên con đường văn nhã từ đây, nên nguyện cố gắng hết lòng để khỏi phụ lòng kỳ vọng của mọi ân tình ưu ái dành trọn cho tôi. Người xuất gia không gì quan trọng bằng được thọ đại giới, tức là giới cụ túc, đầy đủ trọn vẹn mà không cần phải thọ thêm bất cứ giới nào nữa. Người tu được thọ thêm giới cũng như quân đội được tăng cấp bậc, tuy giữa đôi bên khác nhau về quân kỷ và giới luật. Từ nay tôi chính thức trở thành một tỳ kheo tăng trong tăng đoàn của Giáo Hội, sẽ rộng đường đóng góp vào việc chung theo khả năng và tâm lượng của mình. Việc trước mắt tôi nhắm tới là cần phải học trước nhất để đủ trình độ kiến thức hiểu giáo pháp Phật dạy bằng sự chọn lọc tinh tường mới không rơi vào đường tà. Một vấn đề mà tôi luôn luôn tự răn nhắc: Không có thế lực nào đáng sợ bằng lực vô minh, là lực đề kháng thường trực mà người tu không thể nào lơ là chểnh mảng để nó quật ngã mình được. Chúng ta luôn đề cao cảnh giác, giữ giới như giữ gìn tròng con mắt vậy. Một người hể còn hơi thở lo giữ con mắt không để bụi bám như thế nào, người tu hành giữ giới cũng như thế ấy, luôn luôn theo dõi, đề phòng mọi bất trắc, xấu ác, kể cả

tội lỗi xâm nhập lung lạc tâm niệm; nên cần nương vào đức chúng như hải.

Huệ Nghiêm - An Dưỡng Địa

Mới nghe danh An Dưỡng Địa là đã có người dâm lo sợ, thắc mắc tại sao một trường Phật học lại đặt nơi vùng đất mộ địa của những người cõi âm? Tương lai của tăng sinh sẽ đi về đâu khi Giáo Hội dần họ về nơi tử địa? Giáo Hội thành lập Phật học viện Huệ Nghiêm thuộc huyện Bình Chánh nằm về phía tây Sài Gòn cách trung tâm chừng 6km, vì nơi đây là khu nghĩa trang nên có tên là An Dưỡng Địa. Vào cuối năm 1963, Giáo Hội đã mở lớp chuyên khoa dạy chuyên về nội điển tức chúng Mã Minh mà ngày nay còn lại các vị: Phước Hảo, Pháp Chiếu, Nhật Quang, Tâm Thọ, Đắc Pháp (tịch 2012), Chơn Lạc... đều là các Hòa Thượng đang đóng góp rất nhiều cho Phật giáo Việt Nam.

Sau chưa đầy một năm, vào năm 1964, viện tuyển thêm một lớp phổ thông lấy tên Huyền Trang mà tôi là một trong số 26 chúng lớp này. Lớp phổ thông học cả hai chương trình nội điển và ngoại điển. Ban ngày chúng học chương trình phổ thông, viện có chiếc xe mi ni bus 21 chỗ ngồi do ông Tư lái đưa ra trường Bồ Đề Sài Gòn, và chiều giờ tan học ông đưa chúng tôi về. Chương trình nội điển chỉ học ban đêm mỗi tuần 3 buổi, do ba Ngài Bửu Huệ, Thiền Tâm và Thanh Từ phụ trách. Ban Giám Đốc Phật học viện do ba Ngài đảm trách hai lớp chúng Mã Minh và Huyền Trang. Chúng Huyền Trang có 26 người như Đức Viên, Hồng Liên, Ngô Hạnh, Bảo Lạc, Như Tín (còn hiện trụ trì Hưng Long Sài Gòn), Nguyên Tịnh (lớn), Nguyên Tịnh (nhỏ), Quảng Huệ (mất 3 năm), Quảng Hạo, Thiện Trí, Đồng Đài, Thụy Bửu (mất đã 3 năm), Nhật Châu, Bửu Lợi, Viên Dung, Thông Luận, Thanh Tịnh, Ngô Minh (mất năm 1968), Thiện Ân (viên tịch 1970), Thông Nguyên, Như Tạng (đang sống ở Úc), Minh Hải, Thông Hạnh (mất 4

năm), Minh Thiên, Tâm Phú (tại Cali - Hoa Kỳ). Trong số huynh đệ đồng chúng hết hai phần ba ra đời, 6 người đã mất, tôi chỉ biết được hiện đang còn 13 vị trong số có 4 người còn giữ áo tu. Con số nêu lên đây chắc chắn không được chính xác lắm, nếu có sai sót lệch lạc mà quý huynh hoặc độc giả quen thân với những vị có nêu danh tánh hoan hỷ bỏ tấc giúp, được vậy tôi rất cảm kích và vô cùng cảm tạ.

Nói đến Huệ Nghiêm trong tôi còn lưu nhiều kỷ niệm khó quên mặc dù nay đã hơn 49 năm qua bao lần thay đổi. Con đường từ ngoài quốc lộ đi về miền tây rẽ vào, hai bên là ruộng lúa, hễ tới mùa mưa nước lên nhấp nháy mặt đường. Con đường vào viện chính là lối vào lò thiêu và khu nghĩa địa phía sau nên được kiến thiết khá rộng ngang độ 4 mét dài khoảng hơn 1 km, và ngày nào cũng có xe nhà đòn tới lui, thân nhân tiễn đưa người thân quá cố. Ruộng lúa đối với tôi rất gần gũi và thân thương, nhìn cảnh ở đây lại nhớ về hương lúa miền quê tôi ở xa tít, mãi tận ngoài miền Trung. Vào những đêm mưa nghe tiếng côn trùng rả rích, tiếng ếch nhái, ễnh ương đua nhau hòa tấu bản nhạc đồng quê trầm bổng xa xa gần gần như đưa hồn người viễn xứ về lại chốn quê nhà. Cũng chính trên những bờ ruộng lúa trơ trọi này mà tôi và thầy Minh Đạt (hiện ở Stockton - Bắc Cali - Hoa Kỳ) phát hiện hai chú tiểu giở lờ bắt cá nướng nghe mùi từ xa vào giữa đêm khuya vắng vẻ. Lúc bấy giờ tôi là Liên Chúng Trưởng, còn thầy Minh Đạt là Liên Chúng Phó có bổn phận tuần canh ban đêm xem xét coi có chú nào nhảy rào phạm pháp. Thật đúng y như câu nói: “Nặng đi đêm hẵn gặp ma”, nhưng ma chúng tôi bắt gặp đây không phải kẻ vô hình mà là người thật bằng da bằng thịt, và lại là kẻ xuất gia mới kệt chú! Vấn đề được trình lên Ban Giám Đốc qua một cuộc họp chúng xử phạt. Sau khi quý Ngài đã nghe hết các ý kiến, Hòa Thượng Bửu Huệ hỏi chúng tôi để lấy quyết định. Theo thiện ý tôi, đã là người xuất gia dù nhỏ tuổi cũng phải giữ giới sát

làm đầu, nếu Ban Giám Đốc và Ban Lãnh Chúng thương mà tha họ lần này, lần khác họ sẽ tiếp tục tái phạm. Tốt hơn hết chúng ta phạt tẩn xuất họ và mời thân nhân tới giao trả các chú về để cha mẹ dạy bảo thêm. Nếu sự kiện ấy xảy ra sau đó 10 năm (74), 20 năm (94) chắc cái quyết định có khác; và biết đâu lại cứu vãn được tình trạng khá hơn. Song dù sao sau đó trong chúng cũng nể nang Ban Điều Hành theo đúng Nội Quy của Viện nên ít có người phạm luật.

Bấy giờ tình hình chiến sự mỗi lúc một tệ hại, người dân miền quê sống chịu cảnh một cổ hai tròng: ban ngày theo quốc gia, ban đêm theo Việt Cộng để đổi lấy sự an toàn tánh mạng cho bản thân và gia đình. Huệ Nghiêm bây giờ (1967 - 68) không còn như 4 năm trước đó nữa. Đồng bào các nơi như Phú Định ở quận 7 bị Việt Cộng pháo kích nên bỏ nhà cửa chạy tới Huệ Nghiêm tìm chỗ nương thân. Họ căng những tấm bạt, tấm tôn ở hai bên đường ruộng lúa dẫn vào An Dưỡng Địa, làm nhà tạm trú; đến tết Mậu Thân (1968) Việt Cộng tổng tấn công vào Sài Gòn nên đồng bào quận 8 cũng lục tục chạy tản cư. Họ đổ dồn về An Dưỡng Địa và làm nhà tạm ngay trên những ngôi mộ mà bất chấp ở bên dưới đang có người nằm an giấc, không kể ma cũ hay ma mới. Lúc đó, Huệ Nghiêm chúng bị tấn công bởi hai mặt: đồng bào tới ở đông làm cho nơi yên tĩnh trở thành phức tạp. Họ lập lên những hàng quán chợ búa buôn bán đủ thứ không thiếu thứ gì, làm cho cảnh thiên môn trở nên náo động. Nhiều cuộc xung đột lớn nhỏ xảy ra giữa những người tạm cư đến nỗi cảnh sát phải tới can thiệp; nhưng đâu rồi lại cũng hoàn đấy. Thịnh thoảng vẫn xảy ra sự cố đáng tiếc.

Thế gian bao giờ cũng có muôn mặt, dù được ở trong đất già lam - tịnh địa rồi - người ta vẫn cứ tấn công tới sát vách tường chùa chưa từng dừng bước. Ngoài ra, chúng tôi còn bị một mũi tấn công yết hầu khác - thiếu hụt kinh tế hay ngân khoản điều hành. Lớp chúng tôi đã hoàn tất vào giữa năm

1967 sau 4 năm học tập. Đầu năm 1968, Ban Giám Đốc chính thức tuyên bố tạm giải tán Phật Học Viện do không đủ nguồn tài chánh điều hành để duy trì 270 tăng sinh thuộc chúng Mã Minh, Huyền Trang, Vô Trước, Thế Thân, Long Thọ, Hư Vân và Vạn Hạnh. Từ đó chúng Huệ Nghiêm mỗi người tìm cho mình một sinh lộ mới. Riêng tôi, năm 1967, Hòa Thượng Thiên Tâm đề nghị lên Đại Ninh lập tịnh thất tu với thầy. Nhưng chưa có ý định đó, nên tôi thưa rằng, xin thầy cho con tiếp tục con đường học vấn 5, hay 10 năm nữa hẵn hay. Còn như bây giờ... con đã có chương trình, mấy huynh đệ định ra thành lập Lưu Học xá để được tiếp tục đi học.

Theo nghiệp bút nghiên

Cây bút và cuốn sách luôn theo sát bên tôi, thật quá đúng là cái nghiệp không bằng! Không phải hồi còn trẻ mà ngay bây giờ, đi đến đâu ai tặng quà bằng sách vở tôi nhận liền mà không một lời từ chối; như tặng bánh trái, thức ăn tôi tìm cách từ chối khéo để người tặng khỏi buồn giận.

Sau khi rời khỏi Huệ Nghiêm, thay vì đi Tuyên Úy, nhập Giảng sư đoàn hoặc đi Trụ Trì như các vị khác, tôi tiếp tục cấp sách đến trường học lớp 12 cho xong chương trình trung học đệ nhị cấp. Chỗ ở, tạm trú tại tầng xá Phước Huệ, do ngài Huyền Quang lập tại Phú Thọ Hòa, cạnh chùa Hưng Long, để tiếp tục đi học trường Văn Học ở đường Phan Thanh Giản do bà Trần Bích Lan - Trịnh Thúy Nga điều hành trực tiếp.

Vì nhận thấy lối ở nhờ không bảo đảm lâu bền nên năm 1968 sáu huynh đệ chúng tôi gồm: Như Tín, Thiện Trí, Ngô Hạnh, tôi (Bảo Lạc), Quảng Hạo và Minh Thiên thành lập Lưu Học xá Huyền Trang; sau đó kết nạp thêm Đồng Niệm thành 7 thành viên, và tiến hành xây chùa Huyền Trang bên đối diện Lưu Học xá tại hương lộ 15 Phú Thọ Hòa - Tân Bình - Gia Định. Sau đổi thành đường Lạc Long Quân, quận 11 -

Sài Gòn cho tới bây giờ. Lưu Học Xá như một nơi tụ hội của giáo sư và học sinh các trường Hạnh Đức, Huỳnh Kim vào dịp cuối tuần đông vui nhộn nhịp. Vừa dạy học để kiếm tiền tôi cũng vừa đi học, nhưng giấu không để học trò biết thầy đi học, tập vở nhét trong cặp giấu dưới yên xe Honda 50^{cc} chờ hết giờ dạy là vọt tới trường Văn Khoa lo luyện chương...

Cách điều hành Lưu Học Xá của chúng tôi có khác với các cơ sở xưa nay. Theo như Nội quy, mỗi người làm Quản Đốc Lưu Học Xá 6 tháng, rồi đến phiên vị khác, và cứ như thế luân lưu mãi. Công việc làm rất trôi chảy nên các huynh đệ quen thân rất thích, nhất là thành phần tăng ni trẻ. Đến nỗi thầy bốn sư (Hòa Thượng Trí Hữu) vào thăm các pháp hữu ở Ấn Quang, tôi có đến vấn an đánh lễ Ngài. Khi nghe tôi đã ra lập Lưu Học Xá, Hòa Thượng tán thán và nói rằng: “Anh em tăng lớp sau các con khá đấy, còn biết ngồi lại với nhau để làm việc đạo. Thầy mong rằng huynh đệ biết sống đúng pháp lục hòa để mai sau ra gánh vác Phật sự thay cho quý thầy lớp đàn anh.” Lời động viên tinh thần của bốn sư tôi xem quý như vàng, và cũng kể từ đó tôi vĩnh biệt thầy luôn để du học Nhật, cho tới tháng 11 năm 1975 thầy về lại chốn cũ - Ấn Quang - để viên tịch.

Dấu chân nhà giáo



**6 huynh đệ Lưu Học xá Huyền Trang
(ảnh chụp tại Thảo Cầm Viên SG - 1972)**

Dù không theo học khóa sư phạm, tôi vẫn có năng khiếu về ngành giáo dục, nhờ có sinh hoạt Gia Đình Phật Tử và Hướng Đạo nên biết phương pháp, cách tổ chức. Vì thế, ở các trường Hạnh Đức, Huỳnh Kim tôi được mời làm giáo sư hướng dẫn học sinh các lớp 6, 7, 8, 9, nhất là lo về báo chí, tổ chức v.v... để giúp kỹ thuật, ý kiến. Vì thích văn chương, thi ca, tôi phụ trách môn Việt văn và thỉnh thoảng cũng dạy công dân giáo dục. Học ngoại ngữ chính là Pháp văn, do ảnh hưởng văn phạm, tôi đem áp dụng vào Việt văn. Cú pháp rành rẽ, rõ ràng, trò nào loạng choạng là chém ngang hông nhưng bằng chữ nghĩa, bằng bút mực chứ không hung hãn phạm giới sát để bị phê bình chỉ trích đâu. Tôi có thói quen ưa chấm bài bằng bút đỏ, số ít học trò không khá tiếng Việt bị tôi gạch đỏ cả cuốn tập, làm cho họ buồn khổ, thút thít cũng nhiều. Cũng vì sát phạt học trò kiểu ấy nên tôi bị sao quả tạ chiếu kỹ hay nói cho đúng từ Phật pháp - nhân nào quả nấy - nhưng tôi chưa phải nhận hậu quả liền lúc đó mà chờ chín muồi cho đến những 10 năm sau.

Câu chuyện bắt đầu từ khi tôi sang định cư tại Úc năm 1981, việc đầu tiên của tôi là cấp sách đến trường học tiếng Anh. Lúc đó tôi học trường TAFE tại Bankstown do cô giáo người Mỹ phụ trách. Cô là người thầy mô phạm, đối với học trò xem như bạn thân; mỗi khi trao món đồ gì cho họ, cô cầm trên hai tay và đưa qua một cách nhẹ nhàng; khiến tôi phải học qua cung cách này, nhưng đôi lúc vẫn còn chưa ổn, vì tự thân vốn mang nhiều tập tánh không tốt. Cứ sửa đi sửa lại mãi mà việc đâu vẫn còn đó, chỉ có chút xíu cải thiện sau bao nhiêu năm tôi luyện để bào mòn bản ngã, tánh nóng giận la lối bất tử. Cho tới một ngày kia... lúc nhìn vào cuốn tập viết tiếng Anh của mình đã bị cô giáo gạch đỏ nhiều chỗ, khiến tôi hơi nóng mặt. Đêm hôm đó nằm gác tay lên trán suy nghĩ: Ô đúng rồi, đây là kết quả phải nhận lấy không thể phiến trách, đổ lỗi, hờn giận... ai cả. Nghĩ cho cùng, tôi đã học thêm được một bài học thấm thía tới tận xương tủy để đời. Viết lên chuyện có thật này để chia sẻ với bằng hữu và quý độc giả, vì biết đâu quý vị lại chẳng có những mẩu chuyện cười ra nước mắt như thế. Thật sự tôi đã thấm từ đạo đó, nên từ đó trở đi quyết khắc phục những gì chưa đi vào khuôn khổ, mực thước và sửa sai những lời chỉ trích phê bình đúng mà không kèn cựa bào chữa, rán cãi tới nơi như hồi còn trẻ trung hăng tiết ngày xưa. Ngược lại, tôi đem áp dụng 4 pháp cần hành: điều ác chưa sanh đừng cho sanh; điều ác đã sanh khiến tiêu diệt. Quán xét kỹ và lặp đi lặp lại mãi, nếu nhận ra những việc sai trái lỗi lầm phải khắc phục sửa sai.

Nhờ tinh thần tự giác tôi kiểm nghiệm lại thấy có tiến bộ và dần dần trừ được những thói xấu để thăng hoa, cho nên tâm tư thanh thản, sức khỏe dồi dào và làm việc thoải mái duy trì cho tới lúc về hưu Phật.

Giống nhau giữa hai huynh đệ



Buổi tiệc tiễn đưa trước khi đi du học

Cầm bút viết câu chuyện đời tu vừa tròn năm mươi sáu năm (1957) của tôi có thể nói là một trường thiên đầy bi hùng, như ngọn thủy triều mỗi ngày hai bận xuống lên. Nhưng con nước vẫn âm thầm xuôi dòng đi đến tận cùng ra tới đại dương, dù trải qua bao phong ba tuế nguyệt dàn trận tứ bề như thiên la địa võng.

Tuổi Nhâm Ngọ, con trai, xưa nay ai cũng nghĩ là con người sang, tướng quý phái, học rộng, có nhiều tài năng đặc biệt; không hiểu tôi có được phúc nằm trong số người mang các tính chất nổi bật đó không. Nhâm Ngọ (1942) cầm tinh con ngựa; ngựa có nhiều loại: ngựa kéo xe, ngựa đua, ngựa phi nước đại như con tuấn mã mà ai lại chẳng thích. Tánh tôi ưa kỹ lưỡng, nhanh nhẹn, trách nhiệm, chịu khó, bước đi thoăn thoắt như gió, giống như ngựa vậy. Mạng mộc thuộc dương liễu mộc - gỗ cây thông - đa dụng lắm đấy, dùng làm

cột nhà, trụ đèn, sàn lót chắc bền lại đẹp nữa, kể ra cũng thú vị đấy chứ! Ấy thế mà nhiều người muốn vào ngôi tuổi Nhâm Ngọ, nhưng nào có được, vì nghiệp đã buộc và định cả rồi, có chăng chỉ còn hy vọng mong manh ở kiếp sau đi lộn mới trúng nhằm sao quả tạ chiếu kỹ, đầu thai trở lại cho rõ đen trắng, hư thực là như thế nào; lúc đó mới tá hỏa tam tinh ề cở ra mà thọ báo đừng có than trời trách đất rằng mình... à... ừ... lắc lư... cái con ngựa gây... là khổ lắm!

Nhâm Ngọ, tháng tư, năm sanh là nhằm vào mùa hạ, mà hạ ở miền Trung phải nói ai cũng biết cái oi nồng nóng bức ra sao rồi; biết sức mình không chịu đựng nổi được cái nóng nên tôi chỉ sống có mười mấy năm ở quê rồi dọt lẹ, thành thủ tôi thoát nạn liên liên, khi thì ở nơi núi rừng thanh lương ở Ngũ Hành Sơn - Non Nước; hay Sài Gòn, lúc Trà Vinh, Phú Lâm. Rồi nhờ phi mã tôi đông tuốt qua Nhật Bản một dạo, vẫn thấy chưa yên ổn, vì lo nạn động đất, sóng thần, tôi phi thân sang Úc nương náu như chỗ tạm dừng chân. Chắc hẳn đường còn dài tôi sẽ dời đến tận thế giới vào một ngày không xa. Nhìn lui lại dòng đời, tôi đã chứng kiến qua bao khúc quanh của lịch sử: Nhật đảo chánh Pháp (1945), đất nước chia đôi hai miền Nam - Bắc (1954), chiến tranh quốc gia - cộng sản (1945 - 1975). Hai đợt di cư lịch sử của người Việt Nam đánh dấu hai biến cố quan trọng:

- Người miền Bắc di cư vào miền Nam năm 1954 từ bỏ hay chạy trốn chế độ Cộng sản độc tài đảng trị.

- Sau năm 1975 người Việt khắp ba miền hơn 2 triệu liêu chết bỏ nước ra đi tỵ nạn cộng sản ở khắp các nước tự do trên thế giới. Trong số những thuyền nhân tỵ nạn, theo như thống kê của Liên Hiệp Quốc có đến 500 ngàn người đã chết trên đường vượt biển hay vượt biên.

Mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh, nhưng tôi khởi phải thi hành nghĩa vụ quân sự, vì người xuất gia đã là một chiến

sĩ rồi. Tôi được cái may mắn hy hữu này nên vô vàn trân trọng với trách nhiệm của mình để khỏi tổn hại của đàn na thí chủ.

Sự giống nhau giữa hai huynh đệ

Ông bà cụ tôi sinh ra được 8 người con, 3 gái và 5 trai, chết hết 3 người. Đến nay còn lại 2 gái và 3 trai; người chị cả tôi sinh năm Mậu Thìn (1928) vừa mất đầu năm nay, thọ 87 tuổi. Người chị thứ năm sinh năm Ất Hợi (1935), người anh thứ tư sinh năm Quý Dậu (1933) năm nay 80 tuổi vẫn mạnh khỏe, sáng suốt, đang trông coi chăm sóc từ đường tộc Lê và những ngày giỗ kỵ, chạp mã tại Mỹ Hạc - Duy Xuyên - Quảng Nam.

Cuộc đời tu tập, hành đạo của tôi và thầy Như Điển tưởng có nhiều việc đáng nói để quý độc giả chia sẻ đôi điều, nhất là các thế hệ con cháu bây giờ và về sau này. Có một câu hỏi mà nhiều người hay chất vấn tôi: Tại sao thầy đi tu? Câu trả lời của tôi không theo công thức nhưng mà tùy đối tượng, có lúc nghiêm chỉnh như nhà tu kín và cũng nhiều khi pha trò dí dỏm để làm mọi người vui. Nói về nguyên nhân để một người xuất gia có nhiều trường hợp và hoàn cảnh khác nhau: gia đình tin Phật lâu đời, nhà ở cạnh chùa nên ảnh hưởng, sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, có người thân xuất gia, gặp hình tượng Phật phước tướng trang nghiêm, chứng kiến nếp sống thanh thoát của tăng đoàn, dự các đại lễ Phật giáo, nghi lễ Phật giáo thu hút tâm hồn tuổi thơ, thầy Trụ trì thương mến trẻ con, thức ăn chay ở chùa ngon miệng, Phật tử gặp nhau chấp tay lại xá chào... và còn nhiều rất nhiều nữa, những hoàn cảnh tiêu cực người ta cũng bỏ đi tu, nhưng huynh đệ chúng tôi không nằm trong bảng phong thần loại đó.

Bây giờ xin đi vào các khúc quanh của từng điểm một:

- Tiếng nói:

Mỗi người sinh ra có một giọng nói khác nhau, nên hẳn đã quen nghe rồi, ta nhận ra được liền, nhất là chỉ nghe giọng nói mà không thấy được người như qua điện thoại là một ví dụ điển hình. Tôi và thầy Như Điển không có vẻ gì giọng nói giống nhau; có thể chỉ giống phần nào như lúc tụng kinh Lăng Nghiêm vào thời công phu sáng. Chúng tôi có giọng trong, cao, ấm, hơi dài nên đọc một hơi kéo dài tới vài chục chữ mới dứt. Khi xướng lễ sám hối hồng danh chư Phật, có những danh hiệu Phật dài tới 12, 14 chữ tôi đi luôn một hơi, chẳng hạn: Chí tâm đảnh lễ Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật, hoặc bài chú vãng sanh đọc một hơi dài từ đầu cho đến chấm dứt không là điều gượng ép có tính biểu diễn.

Tiếng nói quan trọng nhất là âm bên trong mà sự khác nhau qua giọng nói là ở phần âm này để dễ dàng phân biệt được giữa người này với người kia. Nói chung, người cùng một gia đình cũng có giọng nói khác nhau; và rộng ra như người trong cùng một nước nói giọng khác nhau là điều dễ thấy rõ. Có đủ thứ giọng nói như trầm, bổng, du dương, the thé, ô ô, vui vẻ, nghiêm nghị, xẵng, ngọt, cay cú, đanh thép, bủ môi...

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang

Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe

Như ca dao đã biểu tỏ, có lý nào mà người ta lại quên khuấy đi, cho cuộc đời thêm rắc rối chứ! Dù hai giọng nói trên mặt hình thức có khác, nhưng về phương diện đức tánh qua đời sống tu niệm, huynh đệ chúng tôi hầu như rập khuôn ở một cường độ của tiếng nói: tiếng nói của từ bi, tiếng nói của dũng chí, tiếng nói của hùng lực, tiếng của tha thứ, tiếng của pháp mẫu...

- Dáng dấp:

Giữa hai thầy Bảo Lạc và Như Điển chỉ giống chiều cao nhưng lại không giống chiều rộng hay bề ngang, thì làm sao để bảo giống nhau cho được. Thế nhưng, không hiểu sao mà có nhiều người lầm đậm. Có một hôm, tôi đang đi trên đường phố Cabramatta (Sydney) nghe có người phụ nữ phía sau kêu với lại và hỏi:

- Bạch thầy, thầy qua khi nào vậy?

Không nói ra, tôi biết cô này lầm tôi với thầy Như Điển. Nhưng tôi cũng lịch sự trả lời:

- Tôi ở đây đã trên 20 năm nay, chứ có đi đâu mà qua với lại.

Thế là người đàn bà lấy làm hòa nói ngay:

- Như vậy thầy là thầy Bảo Lạc ở chùa Pháp Bảo gần đây mà!

- Đúng đó, chính tôi.

Rồi một lần khác, không phải tại Úc mà tại Hoa Kỳ năm 2000, nhân dự lễ khánh thành chùa Cổ Lâm và Đại hội GHPGVNTN tại thành phố Seattle - Washington - Hoa Kỳ. Nhân lúc dạo chơi chụp hình trong sân chùa, có một Đại Đức nhìn tôi có vẻ lạ rồi hỏi:

- Bạch Thượng Tọa, con trông thầy độ này hơi ồm đấy!

Tôi biết thầy ấy lầm giữa tôi và thầy Như Điển, nên nói ngay:

- Hồi nào tới giờ tôi có mập đâu mà Đại Đức bảo ồm với mập. Tuy tôi cũng muốn mà không được.

Thầy ấy xin lỗi, làm quen và cho hay rằng rất hân hạnh được gặp tôi lần đầu. Vì xưa nay chỉ nghe danh mà chưa gặp mặt bao giờ. Chỉ nói qua vài chi tiết nhỏ như thế để cho thấy

hình dáng nó quan trọng dường nào. Cũng vì lầm giữa người này và người kia mà chàng rể cưới nhầm cô chị tưởng là cô em; khiến hai người phải sống dở chết dở, cắn răng chịu đựng cho trọn kiếp với nhau. Hay có trường hợp lầm người khiến đương sự bị sa vào lưới pháp luật hoặc phải họa lây; cũng do cái dáng dấp ngoại hình có ảnh hưởng gắn bó tới nhân vật không rời nhau.

Về ngoại diện chúng tôi giống như in qua: chiếc áo nhà tu, mái đầu cạo bóng, nghiêm trì giới luật, sống độc thân không có gia đình, hoàng pháp lợi sanh là sự nghiệp, giải thoát là lý tưởng đạt thành. Giống nhau nói đây không nhất thiết phải rập khuôn y chang mẫu mã như có nhiều người nghĩ mà trên một vài phương diện như vừa nêu trên cũng đủ chứng tỏ đó là sự thật. Chỉ có sự thật ở đời mới tồn tại lâu dài được nhiều người ưa chuộng, học hỏi, noi gương trong tinh thần hiểu biết và xây dựng. Điều đáng để ý hơn cả mà tôi không hiểu đã có tự bao giờ, giữa tôi và thầy Như Điển có sự lựa chọn trùng hợp ngẫu nhiên, nay sau hơn 56 năm tu học nhìn lại thấy như một dấu ấn còn sâu đậm.

- Cùng xuất gia năm 15 tuổi

Theo như giáo pháp Phật dạy chúng ta không tin sự ngẫu nhiên trùng hợp nào mà đều do có đủ nhân duyên hợp thành. Cách đây 5 năm, khi ngồi nghĩ lại tôi nhớ rõ ràng mình sanh năm 1942, xuất gia năm 1957 lúc 15 tuổi. Chuyện đi tu của tôi kể như một huyền thoại, như Tất Đạt Đa thuở xưa. Tôi trốn gia đình ra đi vào một đêm khuya vắng, và để lại bao nhiêu thương nhớ cho người thân, nhất là mẹ hiền đang trông tin con trong mỗi mòn héo hon. Biến cố hi hữu ấy đối với tôi như là một bài học giá trị vô cùng cao quý trên đường tu niệm. Đây cũng là bài học mà tôi đã học được từ câu nói đề đời của Nguyễn Bá Học:

“Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.”

Cho dù gian lao khó khổ đến đâu cũng phải nhẫn nại tinh tấn vượt qua, nhất là thời tuổi thơ háo thắng, nhiều mộng mơ, đầy ước vọng. Nếu như không có đích điểm sẽ làm ngăn chướng con đường thoát hiểm là điều hiển nhiên khó tránh. Vì tự cho mình là người chịu đựng, hy sinh trong đó, kể cả có quyền thay thế cho người thân nữa. Lúc đó em trai tôi có ý định xuất gia, tôi không tán đồng lại còn có ý ngăn chặn nữa, với lời giải thích đơn giản rằng: Xuất gia không đơn giản, người tăng sĩ phải qua bao nhiêu sự sàng lọc, thử thách như lửa thử vàng như tôi đã và đang trực diện, nên không muốn thấy bất cứ người nào trong gia đình phải khổ thân đi theo tôi nữa. Vì lúc đó tôi chỉ nhìn được một mặt - mặt tiêu cực - nhưng lại không nhìn rõ được mặt khác - mặt tích cực - hoán chuyển nghiệp lực và đạt đích giải thoát rất ráo.

Nhưng lời cản ngăn của tôi hóa ra cũng vô hiệu đối với người em trai út của tôi là Lê Cường. Chú ấy nuôi chí nguyện xuất gia từ lâu rồi, nên không có một sức mạnh nào đủ làm ngăn ngại được cả. Mặc dù cha mẹ tôi thương yêu chú ấy hết mực vì gia đình lúc đó trống vắng, nếu chú chín mà rời nhà vào chùa tu như chú bảy (tôi thứ 7) thì mẹ có nước chết đi là hơn, lời của mẹ van lơn như thế! Riêng chú ấy đâu có chịu hiểu để chia sẻ nỗi khổ của mẹ, của tôi, của cha và mọi người trong gia đình. Ông bà nghe tôi cản chú em xuất gia lấy làm hoan hỷ lắm, nên cứ tìm cách hoãn binh hện dần cho qua chuyện. Nhưng cuối cùng rồi chú ấy liều tuyên bố: Nếu cha mẹ không cho con đi tu, con theo cách như anh bảy trốn nhà đi xuất gia, lúc đó ai cản được con? Cho đến nước này, mẹ tôi đành gạt nước mắt cho con đi tu nhưng can trường đòi đoạn, thương khóc nhớ nhung qua nhiều đêm mất ngủ. Chú Cường đạp xe đạp từ nhà đến Hội An vào chùa Viên Giác xin Thượng Tọa Thích Long Trí xuất gia học đạo vào năm 1964.

Năm ấy Cường vừa tròn 15 tuổi (sinh năm 1949). Cái tuổi thanh xuân tràn đầy nhựa sống như con chim non sổ lồng, biết trôi dạt về đâu, như ý nghĩ của mẹ tôi lúc đó mà bà có dịp tâm sự với tôi tại nhà sau khi hay tin em Cường đã vào ở chùa Viên Giác, tôi về thăm gia đình để an ủi hai ông bà đang côi cút chờ mong con từng giờ từng phút. Lúc này đây, tôi tựa như chiếc phao để mẹ níu kéo tở bày... Bao nhiêu tâm sự bà kể hết cho tôi, làm cho tôi cũng mủi lòng không kém.

Giữa hai người con xuất gia, tôi đi tu trước 7 năm (vì tôi hơn chú Cường 7 tuổi) có lên kế hoạch, nhưng lấy “dĩ đào vi thượng sách”, “trốn” là cách hay nhất. Việc xuất gia của tôi không giữa thanh thiên bạch nhật, lại trốn gia đình đi giữa đêm thanh vắng vào ngày rằm tháng 2 của năm ấy. Còn chú Cường đi tu tở ra bài bản hơn tôi nhiều. Bài bản ở điểm chú được cha mẹ đồng ý cho xuất gia, ra đi giữa ban ngày, đi ngang nhiên trên yên xe đạp. Nhưng tôi biết trong thâm tâm Cường không giận tôi, ngược lại còn cảm ơn tôi mới phải. Việc ra đi không chính thức của tôi là cái giá để Cường treo cho cha mẹ thấy đó, bề nào rồi cũng với tôi được. Với lại, lời cản ngăn không cho chú xuất gia của tôi, cũng chẳng qua đứng về phía mẹ cho bà cảm thấy an tâm lúc yếu lòng mà thôi. Biết đâu lời can gián của tôi năm nào như là một sự động viên tích cực để trên đường tu của Đại Đức không lui sụt thoái tâm. Như vậy tác dụng của chỉ một lời nói vẫn còn kéo dài mãi về sau, nghĩ cũng thấm tương chao thật đấy chứ. Cũng như việc âm thầm ra đi của tôi trong đêm vắng chẳng phải việc dở mà đó chính là điều hay, giúp tôi nung nấu chí nguyện thêm kiên cường trên con đường tu tập, cũng như trên bước đường hoằng pháp lợi sanh. Miệt mài, tinh cần hy sinh tài năng sức lực, kể cả trí tuệ để xây dựng và phát huy Phật Pháp.

Hai mái đầu tròn xuất gia cùng độ tuổi 15, ngày nay một người tròn tròn vào hàng giáo phẩm lão tăng; còn một người trong trung gian Hòa Thượng. Tuy cả hai vị đều ở vai

vị Phương Trượng của tự viện Pháp Bảo - tu viện Đa Bảo (Úc châu) và Phương Trượng chùa Viên Giác - tu viện Viên Đức (Đức quốc). Và là trưởng tử của Đức Như Lai, đều xuất gia từ thuở đồng chơn rất đáng trân trọng.

Tôn thờ cùng lý tưởng

Chúng tôi biết đạo rất sớm, lúc tuổi còn nhỏ đã theo mẹ đi chùa; lớn lên một chút lại thích sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử, là một đoàn sinh năng nổ với GDPT Hà Linh ở chùa Hà Linh trong làng. Biết đạo sớm, nhưng hiểu đạo chẳng được bao nhiêu, tôi rất hăng say hoạt động với ngành thiếu và oanh vũ nam trong 5 năm (1952-1957), nhờ đó mà học được nhiều điều hay đẹp, nhất là học kinh nghiệm cầm đội, cầm đoàn, điều khiển họp, tổ chức, Phật pháp căn bản v.v...

Phật giáo lúc bấy giờ ở thôn quê hầy còn sơ sài lắm, người ta tin Phật như ông thần không khác. Ngôi chùa Hà Linh không rõ do ai khai sáng, tôi chỉ biết ở chùa có ông thầy Bốn chuyên đi cúng đám, chứ không có thuyết pháp giảng kinh như các thầy sau này. Ông ở chùa như vai trò ông Từ lo nhang khói cho Phật, vì bản thân ông cũng có gia đình như mọi người, đâu còn đủ thì giờ lo cho đạo được đầy đủ trọn vẹn. Người xuất gia phải cát ái ly gia như bốn nguyện lúc ban đầu và giữ đến trọn đời mới viên thành tâm nguyện. Có những lúc sống có thầy cùng chúng bạn tu học đông vui trong khuôn khổ, có những khi ra nước ngoài gặp gỡ, tiếp xúc rất tự do thoải mái, người thanh niên như tôi cũng ham vui và bay bướm như bao chàng trai trẻ khác. Nhưng thật tình, tôi ý thức vai trò của mình và rất kỵ đàn bà hay nói cho ngay mình yếu đuối sợ các cô nàng hớp hồn nên chẳng dám gần gũi nói chuyện lâu. Cho tới khi ra làm đạo tôi vẫn giữ cho

mình một chừng mực có qui định: tiếp khách bốn đạo phái nữ không quá 5 phút là chấm dứt không dây dưa nữa. Không biết đây có phải là chủ trương hay không mà tôi bị thiên hạ gán cho là ông thầy khó tánh. Cũng như sư đệ, chúng tôi nguyện giữ trọn đời sống thiểu dục tri túc, nâu sống đạm bạc, ngày hai bữa tương rau thanh đạm, không cà phê, thuốc lá, không xài phí ăn mặc tốn kém của tín chủ đàn na. Cùng tôn thờ một đấng cha lành là đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni Phật, tu tập và thực hành giáo pháp giải thoát của Ngài, ngày hai buổi chúng tôi có 6 thời hành trì: thiên tọa, công phu sáng, ngộ trai quá đường, kinh hành niệm Phật, công phu chiều, tọa thiền buổi tối.

Lấy hoàng pháp làm sự nghiệp, song công việc của chúng tôi có phần chuyên biệt một tí: phiên dịch, sáng tác, bình giải; nên phải cần đòi hỏi ở sự kiên trì bền chí mới thực hiện được. Tôi làm việc như quên cả giờ giấc, có khi ngồi suốt 3 giờ liền không đứng lên; và có lúc không để ý tới giờ thọ trai chi cả. Được thế, một phần do sức khỏe tốt, phần khác cũng quan trọng không kém là con mắt còn tinh anh nên khỏi dùng tới mắt kính, cũng thêm thuận duyên cho công việc. Thầy Như Điển còn nhanh nhẹn dẻo dai hơn tôi, thầy làm việc mỗi ngày 6, 7 tiếng đồng hồ, ngày nào cũng vậy. Hễ ngồi xuống viết bài, dịch kinh thầy viết luôn một mạch từ 12 đến 15 trang giấy viết tay khổ A4 chữ nhỏ. Một cuốn sách dày độ 300 trang chỉ cần 6 tuần lễ là thầy ấy viết hay dịch xong, không bị trở ngại khó khăn. Đó cũng phải nói nhờ nhân duyên đặc biệt nữa, vì có nhiều người kiến thức rất rộng, nhưng viết bài không được do tánh không chịu đựng dẻo dai ngồi lâu được. Cho nên khi đọc bài, sách, báo tôi thường để tâm cảm ơn tác giả đã bỏ tâm huyết vào đó cho ta có ý tưởng hay câu chuyện hấp dẫn làm thích thú người đọc.

Cùng môn phái Chúc Thánh

Một nhân duyên khác rất thuận lợi là chúng tôi chọn thầy bốn sư đều cùng trong pháp hệ thiên phái Chúc Thánh - Hội An do tổ sư Minh Hải Pháp Bảo khai sáng vào cuối thế kỷ 17.

Tổ Minh Hải biệt xuất bài kệ truyền pháp:

*Minh thiết pháp toàn chương
Ấn chơn như thị đồng
Chúc thánh thọ thiên cữu
Kỳ quốc tộ địa trường
Đắc chánh luật vi tông
Tổ đạo giải hạnh thông
Giác hoa Bồ đề thọ
Sung mãn nhưn thiên trung.*

Tôi thọ pháp với Hòa Thượng Thị Năng - Trí Hữu hiệu Hương Sơn trụ trì tổ đình Linh Ứng - Non Nước - Ngũ Hành Sơn thuộc đời thứ 9 tính từ chữ “Minh” theo bài kệ. Thầy cho tôi pháp danh là Đồng An, tự Bảo Lạc, hiệu Thanh Nghiệp, thế hệ thứ 10, đời thứ 43 tính theo mạch nguồn truyền pháp. Tổ Minh Hải đời thứ 34, sau chữ Minh tới Thiết, Pháp, Toàn, Chương, Ấn, Chơn, Như, Thị, Đồng là 9 đời truyền pháp từ tổ Khai Sơn.

Thầy Như Điển xuất gia với Thượng Tọa Long Trí (pháp hiệu) - Chơn Ngọc - Đạo Bảo; pháp danh là Như Điển, pháp tự Giải Minh, pháp hiệu Trí Tâm. Thầy Long Trí thế hệ thứ 7 tính từ chữ “Minh”, và đời thứ 40 theo kệ truyền pháp. Thầy Như Điển lớp hậu sanh mà đi trước sư huynh tới 2 đời, thuộc thế hệ thứ 8 và đời thứ 41. Ở đây tưởng cần nói thêm cho rõ một chút về mạch truyền thừa theo dòng kệ. Môn phái Chúc Thánh truyền theo hai nhánh: nhánh Hội An và

nhánh Non Nước. Nhánh Non Nước do các Ngài Ấn Bản - Tổ Nguyên - Vĩnh Gia (1840 - 1918) trụ trì đời thứ 6 chùa Phước Lâm, Hội An. Năm Quý Mùi 1883 Ngài được triều đình sắc phong trụ trì quốc tự Linh Ứng - Ngũ Hành Sơn và trụ trì tổ đình Phước Lâm từ năm 1887 (Đinh Hợi). Ngài là đệ tử Ngài Chương Tư - Tuyên Văn - Huệ Quang (- 1873), năm Tân Dậu (1861) Ngài được triều đình nhà Nguyễn bổ nhiệm trụ trì chùa Linh Ứng; năm Nhâm Tuất (1862) niên hiệu Tự Đức 15, Ngài lại được triều đình cải bổ trụ trì quốc tự Tam Thai. Do công hạnh tu trì và đạo phong cao hiển của chư Tổ môn phái Chúc Thánh, nhánh Non Nước truyền nhanh hơn. Trong khi nhánh Hội An thuộc tổ đình Phước Lâm, do các Ngài Pháp Ấn - Tường Quang - Quảng Độ (1739 - 1881) trụ trì đời thứ hai; Ngài Pháp Kim - Luật Oai - Minh Giác (1747 - 1830) trụ trì đời thứ ba; Ngài Toàn Nhâm - Vi Ý - Quán Thông (1798 - 1883) trụ trì đời thứ tư; và Ngài Ấn Bản như đã nêu dẫn trụ trì đời thứ 6 từ năm 1887 đến khi viên tịch (1918). Ngài là bậc đạo cao đức trọng, không những được tăng, tín đồ kính trọng mà cả triều thần, vua chúa đều đem lòng mến phục như qua 2 lần sắc phong trụ trì 2 ngôi quốc tự Tam Thai - Linh Ứng đủ chứng minh công hạnh hoàng pháp của Ngài. Nhờ ân đức chư tổ mà trải qua các thế hệ kế thừa pháp phái Chúc Thánh quốc nội, hải ngoại đã và đang cống hiến cho nền Phật giáo một danh lục qua các nhân vật nổi bật hay danh tăng đặc biệt trong lịch sử Phật giáo Việt Nam hiện đại như các Ngài Thiện Hoa, Hòa Thượng Thích Quảng Đức, Hòa Thượng Thích Khánh Anh, Hòa Thượng Thích Hành Trụ, Hòa Thượng Thích Thanh Từ v.v...

- Hòa Thượng Thích Thiện Hoa (1918 - 1973), Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN từ năm 1966 - 1973 là đệ tử của Hòa Thượng Thích Khánh Anh; được bổn sư cho pháp danh là Hoàn Tuyên nhằm ý rằng hoàn thành chí nguyện tuyên dương giáo pháp Phật đà. Thật vậy, Ngài cùng quý Hòa Thượng Trí

Tịnh, Thiện Hòa, Trí Hữu, Bửu Huệ, Thiên Tâm... là những nhân vật hàng đầu trong phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam Việt Nam. Công đức cao dày của Ngài qua bộ sách quý “Phật học phổ thông” như kim chỉ nam cho hàng xuất gia cũng như Phật tử tại gia qua nhiều thế hệ.

- Hòa Thượng Thích Khánh Anh (1895 - 1961) pháp danh là Chơn Húy, thế hệ thứ 7, đời thứ 40 Lâm Tế Chúc Thánh. Năm 1935, Ngài cùng với quý Hòa Thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Pháp Hải... mở Phật học đường Lương Xuyên tại Trà Vinh để đào tạo tăng tài; Ngài còn viết bài cổ động phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam tiến kịp đả các nước Phật giáo như Trung Hoa, Nhật Bản. Ngài được đại hội Tăng già Nam Việt suy tôn lên ngôi Pháp chủ năm 1955 tại chùa Ấn Quang (Sài Gòn) để lãnh đạo Phật giáo miền Nam. Năm 1959, đại hội Phật giáo Tăng-già toàn quốc suy tôn Ngài vào ngôi vị Thượng Thủ để lãnh đạo Phật giáo Việt Nam.

- Bồ tát Thích Quảng Đức (1897 - 1963), pháp danh là Thị Thủy, tự Hành Pháp, hiệu Quảng Đức thuộc Lâm Tế Chúc Thánh thế hệ thứ 9, đời thứ 42 theo dòng kệ truyền pháp của tổ sư Minh Hải. Là đệ tử của tổ Hoàng Thâm, ngay từ lúc thọ tỳ-kheo giới, Ngài đã phát nguyện nhập thất ẩn tu; sống theo hạnh trì bình khất thực như một hành giả tu hạnh đầu đà (khổ hạnh). Năm 1963, Ngài phát nguyện tự thiêu để cúng dường Phật pháp, bảo vệ tự do tôn giáo tại Việt Nam được trường tồn, theo lời nguyện tâm huyết.

“Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quán Thế Âm - Phú Nhuận, Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo”.

Mặc dù Phật giáo lúc bấy giờ bị chế độ gia đình trị nhà Ngô đàn áp khốc liệt, nhưng với tâm hạnh Bồ Tát xem không kể oán - người thân, qua 4 điều nguyện trong đó, điều thứ nhất Ngài cầu:

“Mong ơn Phật tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản Tuyên ngôn. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.”

Danh hiệu Bồ Tát đã được GHPGVNTN suy tôn sau cuộc tự thiêu hùng tráng còn lưu lại quả tim bất diệt của Ngài để hậu thế học hỏi, noi gương cao cả sáng chói.

- Hòa Thượng Thích Hành Trụ (1904 - 1984) pháp danh Thị An, pháp tự Hành Trụ, pháp tự Phước Bình, thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 42. Vốn có ý chí cầu học, ham tu từ hồi còn nhỏ, xuất gia năm 12 tuổi, miệt mài trau dồi kinh luật nội điển và Việt văn tại các trường hạ như chùa Thiên Phước (Thủ Đức), Bát Nhã (Phú Yên), Lưỡng Xuyên (Trà Vinh). Ngài là giáo thọ về kinh, luật nổi tiếng tại các chùa Lưỡng Xuyên, Long Phước, Viên Giác (Vĩnh Long), Hội Phước (Sa Đéc). Ngài thành lập chùa Tăng Già (1946) tại quận Tư Saigon mà nay đổi thành chùa Kim Liên. Năm 1947 Ngài cùng với hai sư đệ lập chùa Giác Nguyên, quận Tư; năm 1963 Ngài mở Phật học đường Chánh Giác (Gia Định). Năm 1971, Ngài là Phó Chủ Tịch Hội Đồng Giám Luật viện Tăng Thống (GHPGVNTN); từ năm 1977 - 1981, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ngài là bậc long tượng trong thời kỳ mạt pháp, là cổ đại thọ che rợp bóng mát cho hàng đệ tử xuất gia và Phật tử tại gia nương tựa tu học cầu giải thoát sanh tử luân hồi. Ngài còn

lưu lại cho đời hàng chục tác phẩm về Phật giáo và giới luật rất có giá trị như: Sa Di luật giải, Tứ phần giới bốn như thích, kinh Vị tăng hữu thuyết nhân duyên, Tỳ kheo giới kinh.

- Hòa Thượng Thích Thanh Từ sanh năm Giáp Tý (1924) đến nay (2012) gần 90 tuổi, tuy vài năm trở lại đây sức khỏe có phần suy giảm, nhưng tinh thần vẫn minh mẫn như thường. Ngài là đệ tử của Hòa Thượng Thiện Hoa chùa Phật Quang - Trà Ôn, pháp danh là Thanh Từ thuộc thế hệ thứ 9, phái Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 42.

Ngài khôi phục và làm sống lại dòng Thiên Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam, thiết lập nhiều đạo tràng như Thiên viện Chơn Không, Thường Chiếu, Viên Chiếu (Vũng Tàu), Thiên Viện Trúc Lâm (Lâm Đồng - Đà Lạt), Thiên viện Trí Đức (Bà Rịa - Vũng Tàu)... đào tạo hàng ngàn tăng ni nay đã đủ sức ra làm Phật sự như Hòa Thượng Thích Nhật Quang (VN), Hòa Thượng Thích Thông Hải (Hoa Kỳ) v.v...

Từ thập niên 1960 đến thập niên 2010, Hòa Thượng giáo dưỡng hàng chục lớp tăng ni đã ra hoàng pháp, trụ trì, giáo thọ v.v... khắp mọi miền đất nước Việt Nam và hải ngoại. Sự nghiệp sáng giá của Hòa Thượng còn lưu lại với đời không phải những ngôi thiên viện bề thế mà là công hạnh giáo hóa, dịch thuật, trước tác có một chỗ đứng nhất định trong văn học, nghệ thuật Phật giáo Việt Nam hiện đại nói chung và thiên phái Lâm Tế Chúc Thánh nói riêng.

Sau hơn 300 năm từ 1700 đến nay sự truyền thừa của dòng thiên Lâm Tế pháp phái Chúc Thánh do tổ sư Minh Hải - Pháp Bảo khai sáng, các thế hệ kế thừa đã thực hiện những Phật sự nổi bật quan trọng hàng đầu như: lập phổ hệ truyền thừa theo hệ thống từ Phật tổ Thích Ca đến 33 vị tổ sư Ấn - Hoa qua đến Việt Nam. Năm 2006, công cuộc đại trùng tu Tổ Đình Chúc Thánh đã thực hiện và hoàn tất sau 2 năm xây dựng công trình. Đại lễ Khánh thành được tổ chức trọng thể

vào các ngày tháng 3 năm 2009, nhân lễ vía Bồ Tát Quan Âm 19 tháng 2 âm lịch, hàng ngàn tăng ni và Phật tử trong toàn quốc và hải ngoại tham dự. Các pháp lữ đồng môn vận động thành lập môn phái Chúc Thánh hải ngoại từ năm 2004 đến nay, mỗi năm ngày giỗ Tổ được tổ chức nơi một chùa thuộc hệ phái trong toàn nước Úc. Tác phẩm biên tập lịch sử thiền phái Chúc Thánh do Đại Đức Như Tịnh ra công sức thực hiện đáng được tán dương công đức, rất xứng đáng hàng đồ tôn nơi chốn Tổ, làm tỏ rạng ngọn đèn thiền mỗi ngày càng thêm quang huy hơn nữa.

Thêm một điều kỳ lạ đến độ khó hiểu là tôi dù đàn anh, nhưng lúc nào cũng đi sau như việc trong môn phái đã nói trên. Nay bước sang việc xuất ngoại du học, kẻ thiếu phước này cũng lại lẹt đẹt đi sau thầy em đến những hai năm, quý vị nghĩ thử có nghịch lý lắm không?

- Xuất ngoại du học

Thời Việt Nam Cộng Hòa, một tăng sinh được du học nước ngoài là cả một sự vinh hạnh cho thầy tổ, môn phái, gia đình và bằng hữu. Có một số những điều kiện mà đa số tăng ni Việt Nam lúc bấy giờ không hội đủ như khả năng tài chánh, người bảo trợ, nơi ăn chỗ ở, trường sở nơi đến, ngoại ngữ... như những rào cản chắn lối khó thông, đối với một xứ nghèo như nước ta. Thế nhưng, thành phần sanh ra từ gốc rễ như chúng tôi lại hồ hởi được ra ngoại quốc du học, hẳn phải hội đủ nhân duyên kỳ lạ mới đạt đến được. Bây giờ ngồi nghĩ lại cũng khó mà tìm ra manh mối chính xác được. Tưởng cần đi tắt ngang lý lịch cho tiện, nếu đi vào các chi tiết tỉ mỉ chắc phải cần độ vài chục bao gạo sọc xanh nữa mới dò tìm đủ yếu tố thời gian, kê khai đủ như thầy thuốc kê toa cho bệnh nhân bình phục.



Chư huynh đệ tiễn đưa đi du học Nhật

Hồi năm 1972, thầy Như Điển sang Nhật du học, sau khi đậu Tú Tài phần hai xong, riêng tôi được xem như là một biến cố trọng đại đối với gia đình, một phần vì hãnh diện được làm anh của một tân khoa Made in Japan - nhãn hiệu cầu chứng Nhật Bản hàng hoàng - không phải giả mạo; một phần khác cũng thấy tự hào rằng dòng họ Lê cũng đã có người đăng vị học sĩ. Thú thật, trong thâm tâm tôi rất háo hức muốn bay bổng, nhưng vẫn an nhẩn trong tích cực luyện chưởng để chờ xem thời vận đang thi thố tài năng cho thỏa chí hướng đời vân thủy đi mây về gió của kiếp tăng sinh! Có lẽ lòng thành đã được Phật Thánh cảm ứng, tôi đầu tư thì giờ vào việc học, để dành tiền bạc, theo dõi tin tức bạn bè, bạn bè ở Nhật để mong một ngày kia được nhẹ bước ra đi. Thế rồi, đầu năm 1974 sau hai năm du học Đại Đức Như Điển về thăm xứ sở và dẫn theo vài người bạn Nhật. Khả năng Nhật ngữ của thầy ấy lúc đó nói khá trôi chảy. Họ đi tới đâu, nhất là các du học sinh về nước thăm thú, đều được bộ quốc gia giáo dục ưu đãi nhiều khía cạnh mà một học sinh ở nhà không hưởng được quy chế ưu tiên đó. Lúc đó tôi vừa đi dạy học, vừa học đại

học Văn khoa niên khóa 74 - 75. Chỗ dạy khá ổn, đồng lương cũng tương đối, bằng lương Đại Úy mỗi tháng 30.000 đồng VN. Nhưng cái đích của tôi nhắm tới nó ở đâu xa lác xa lơ đến tận bên bờ Thái Bình Dương của Tokyo - Đông Kinh hay xứ hoa anh đào thơ mộng kia. Lại thêm một lần suy nghĩ, tại sao mình lại không được đối xử tử tế như mấy anh, mấy cô sinh viên du học ngoại quốc kia. Từ đó tôi mới có ý định lo thủ tục xuất ngoại du học và điếm đến không nơi nào khác hơn là Nhật Bản. Mọi thủ tục hoàn tất, tôi lên đường sang Tokyo vào tháng 12 năm 1974 sau bao nhiêu lo lắng đợi chờ.

Được đi du học là một cái thú rồi, giờ đây lại có những mối lo khác: học hành, thi cử, ngôn ngữ, việc chuyển ngân, nơi ăn chốn ở, trường sở, phong tục, tập quán, sự tu tập... nhưng rồi một thời gian sau cũng hội nhập được.

- Sinh hoạt với Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với cơ cấu tổ chức theo hệ thống dọc từ Trung Ương đến địa phương: Tỉnh, Quận, xã, phường, khuôn hội... qui định phạm vi hoạt động trong nước và hải ngoại. Riêng tại hải ngoại Giáo hội cho thành lập các Chi Bộ Phật Giáo. Chi Bộ đầu tiên tại Pháp do thiền sư Nhất Hạnh lãnh đạo thành lập từ năm 1966, sau vài năm đổi thành Phái Đoàn Vận Động Hòa Bình PGVNTN, và tiếp theo là Chi Bộ PGVN tại Nhật Bản. Chi Bộ PGVNTN thành lập tại Nhật năm 1971, sau khi phái đoàn GHPGVNTN do Hòa Thượng Thích Huyền Quang trưởng đoàn, đại diện Viện Hóa Đạo tham dự đại hội các tôn giáo thế giới vì hòa bình tại Tokyo - Nhật Bản năm 1971.

Thành phần nhân sự Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản nhiệm kỳ 1971-1973 gồm thầy Thích Minh Tâm: Chi Bộ Trưởng, Thích Chơn Thành: Chi Bộ Phó, Thích Nguyên Đạt, Thích Như Điển... với cơ quan ngôn luận là tờ đặc san



**Các thân hữu và học trò tiễn đưa
tại Tân Sơn Nhất năm 1974**

Khuông Việt, ấn bản định kỳ mỗi năm 3 số: số Xuân, Phật Đản, Vu Lan. Số trang và số lượng in có giới hạn, vì có liên quan tới 3 vấn đề chính là tài chánh, nhân sự và bài vở đóng góp. Dù vậy các thầy vẫn cố gắng duy trì để đăng tải các tin tức sinh hoạt Phật sự của Chi Bộ, nhất là phong trào vận động lạc quyên giúp đỡ nạn nhân chiến tranh; tái thiết xứ sở sau khi hòa bình văn hồi. Nhờ tờ báo Khuông Việt mà cộng đồng người Việt, nhất là Phật tử ở khắp các nơi trên thế giới đều biết tại Nhật có một tổ chức của GHPGVNTN, hoạt động Phật sự như thế. Lúc tôi sang Nhật năm 1974, tờ Khuông Việt đã phát hành được 11 số, và tôi được đề cử trong vai Tổng Thư Ký kiêm Chủ Bút, tiếp tục đóng góp cho tờ đặc san này phát hành tới số 41.

Hòa Thượng Chơn Thành, Chi Bộ Trưởng kiêm Chủ nhiệm nhiệm kỳ 2 từ 1973 - 1975, Chi Bộ Phó Nội vụ, thầy Nguyễn Đạt, Chi Bộ Phó Ngoại vụ, thầy Như Điển. Sau này cho tới lúc quý thầy lần lượt đi định cư sang các nước khác, như thầy Minh Tâm đi Pháp năm 1973, thầy Thích Như Điển sang

Tây Đức (1977), thầy Nguyễn Đạt đi Hoa Kỳ (1980). Bây giờ Chi Bộ Phật Giáo còn lại thầy Chơn Thành, tôi (Thích Bảo Lạc), thầy An Thiên, thầy Minh Tuấn, thầy Minh Tuyên. Tờ báo Khuông Việt vẫn được quý thầy tiếp tục duy trì tới số 41, cho tới khi tôi rời khỏi Nhật năm 1981 để đi định cư tại Úc. Từ năm 1981, nhân sự của Chi Bộ PGVN tại Nhật Bản hụt hẫng, chỉ còn lại hai thầy Minh Tuyên và An Thiên. Các thầy vẫn cố gắng duy trì tờ báo, nhưng không được đều đặn như trước, và dần dà đi vào trong quên lãng và giải nghiệp báo tại số 51 hay tự động đình bản mà không Thông Báo hay Thông Tư đến độc giả, nhưng ai cũng hiểu “ngiệp báo” đã mãn!

Cho đến nay sau hơn 40 năm định cư tại Nhật, duy nhất còn lại chỉ Hòa Thượng Minh Tuyên đầy kiên trì nhẫn nại đã hô hào, vận động khắp nơi thành lập được ngôi chùa lấy tên là chùa Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản, tọa lạc tại Kanagawa, cách Tokyo 80km, chùa đứng cạnh dòng sông nước lặng lơ trôi và cảnh trí thật thơ mộng, hữu tình, cũng thu hút được những du khách tham quan.

Nhìn lại giai đoạn ba, bốn thập niên qua như vẫn còn lưu lại nhiều kỷ niệm trong tâm hồn của những du học tăng một thời làm Phật sự tại xứ Phù Tang, mặc dù ngày nay mỗi người ra đảm trách Phật sự tại nhiều quốc gia xa xôi như tại Hoa Kỳ hiện còn Hòa Thượng Chơn Thành, Hòa Thượng Chơn Minh, Hòa Thượng Trí Đức, Hòa Thượng Trí Hiền viên tịch 2 năm qua, tại Pháp còn Hòa Thượng Minh Tâm, Hòa Thượng Phước Toàn, tại Đức Hòa Thượng Như Điển và tại Úc có tôi. Riêng tôi và thầy Như Điển có nhiều dịp gặp lại nhau trong những Phật sự tại nhiều nơi, thật là hiếm quý trong đạo tình người con Phật. Nhắc lại ở đây, người viết muốn khơi lại những vị tăng sĩ đã có thời du học tại Nhật, sang định cư tại các xứ tự do nay đã thành lập được các đạo tràng để tuyên dương phát triển Phật pháp. Đạo tràng qui mô bề thế nhất hiện nay hẳn phải kể đến là Khánh Anh tại

Paris - Pháp quốc do Hòa Thượng Thích Minh Tâm xây dựng 18 năm nay và sắp hoàn thành. Xứng đáng là một nơi hoàng pháp của Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu. Người thành công thứ hai là Hòa Thượng Thích Như Điển với đạo tràng chùa Viên Giác thành lập trên 20 năm nay, Hòa Thượng đã thể độ cho hàng chục đệ tử xuất gia và nay đã có người thừa kế chăm lo Phật sự, cũng như quy y cho hàng ngàn Phật tử tại gia thuộc nhiều thành phần trong xã hội. Trong thời gian 6 năm trở lại đây Thầy lập thêm trung tâm Viên Đức tại miền Nam Đức (sẽ đề cập sau) cũng là một đạo tràng thuận tiện cho công tác hoàng pháp. Hòa Thượng Nguyên Đạt với trung tâm Liễu Quán và đạo tràng Bảo Tịnh (tại nam California - Hoa Kỳ) là nơi quy tụ đông đảo tín đồ hướng về tu học. Hòa Thượng Chơn Thành với đạo tràng Liên Hoa, dù không bề thế nhưng ở ngay trung tâm người Việt tị nạn vùng Garden Grove - Westminster thuộc tiểu bang California - Hoa Kỳ, nên được nhiều Phật tử lui tới lễ bái tu học. Còn Hòa Thượng Trí Hiền với trung tâm Khuông Việt - đạo tràng Pháp Quang - cũng khá rộng lớn qui tụ hàng ngàn người mỗi lần đại lễ và nhiều Phật tử về tu tập niệm Phật, tu thiền, Bát quan trai tại Texas - Hoa Kỳ. Nhưng hóa duyên đã mãn, Hòa Thượng quải dép về Tây tháng 10 năm 2010 thọ 74 tuổi, để lại nhiều quý tiếc cho tăng tín đồ Phật giáo hải ngoại.

Cá nhân tôi (Bảo Lạc) cũng góp chút đỉnh vào ngôi nhà của Như Lai qua đạo tràng Pháp Bảo, thành lập vừa đúng 30 năm (1982 - 2012) tại thành phố Sydney, qui tụ khá đông đảo tín đồ tu tập Bát quan trai, huân tu niệm Phật, khóa tu Gieo Duyên cuối năm là những Phật sự hàng đầu đã và đang duy trì trong 3 thập niên liên tục. Ngoài ra, tôi cũng lập thêm tu viện Đa Bảo vào năm 2000, làm nơi tĩnh tu và còn là đạo tràng tu tập cho hàng Phật tử ham tu tập về đây trưởng dưỡng đạo tâm trong những ngày cuối tuần hay dịp lễ cuối năm.



**Trước giờ từ giả mọi người thân thương
lên đường du học Nhật**

Thật đúng là nhân duyên do Phật bổ xứ, chứ chính tôi vào năm 1980 lúc đó đang ở Tokyo cũng lúng túng trong sự chọn lựa không biết nên đi về đâu. Giữa 3 nước Hoa Kỳ, Canada và Úc Đại Lợi. Phải thành thật mà nói, tôi cảm ơn bào đệ rất nhiều, nhờ thầy Như Điển đã đến nhiều nơi và có nhận xét khá chính xác để giúp tôi chọn lựa. Chọn đúng nơi lý tưởng - xứ sở hiền hòa Úc Châu hiếu khách - tôi đặt địa bàn hoạt động từ khi vừa đến cho tới nay trong vai trò sứ giả hoàng pháp. Nhìn chung các thầy du học Nhật Bản năm nào, nay đã có cơ ngơi nhất định, đó là hoa trái có được của bao năm kiên trì nhẫn nhục mà được thành tựu như ngày hôm nay. Xin thành tâm niệm ân Phật - chư Tổ - các bậc thánh chúng mật thù gia hộ; ân sư trưởng, đàn na thí chủ, bằng hữu... hỗ trợ mọi mặt cho những sinh viên tăng như chúng tôi được thành đạt và tích cực góp phần phát huy Phật pháp sâu rộng hơn nữa tại các xứ sở tự do ở phương Tây.

- Không xem nhẹ giờ tu tập, công phu không bỏ

Do suy nghĩ việc tu tập cũng như món ăn hằng ngày không thể thiếu được, chúng tôi luôn luôn khắc phục những chướng duyên, tập khí trong sự hành trì miên mật hai thời công phu mỗi ngày. Như tôi đã có dịp bày tỏ: “Có lần buổi sáng thức dậy cảm thấy uể oải trong mình định nghỉ công phu khuya. Ngồi suy nghĩ: nếu không đi tu giờ này ở ngoài đời ta đang làm gì? Có phải ai cũng tắt bật vùng dậy hối hả lái xe đi làm không? Mục đích làm việc để kiếm tiền phục vụ cho cái bao tử. Còn ở chùa không lo đời sống thể chất, phải lo đời sống tâm linh chứ? Tại sao không chịu phấn chấn tâm hồn tinh tấn hơn lên để thân tâm bạc nhược? Thế là tôi vội khoác y lên người vào chánh điện tụng kinh sáng. Tinh thần tích cực này nung đúc tôi có thêm nghị lực niềm tin nơi Tam Bảo. Vạn nhất khi nào bệnh nặng không ngồi dậy nổi mới bỏ thời khóa công phu; thường thì tôi vẫn lên chùa đều đặn hầu như ít khi bỏ. Đây không gì khác cũng chỉ do thói quen mà thôi”.

Xin nêu dẫn thêm gương tu tập khác của thầy Tulku Thondrup, người Tây Tạng, viết nơi lời tựa sách *“Peaceful death and joyful rebirth”* như sau:

“Là một Phật tử, tôi được dạy là phải học và tu tập để phát triển phẩm chất của đời sống... Tôi đã trải qua thời thơ ấu tuyệt vời ở tu viện Dodrupchen thuộc miền đông Tây Tạng... Là một trong những địa điểm dân cư thưa thớt nhất thế giới, tu viện của chúng tôi nằm trong một thung lũng sâu giữa những rặng núi cao hùng vĩ. Với tâm trí của một đứa trẻ, tôi đã nghĩ rằng tu viện của mình là nơi an lạc vĩnh cửu. Tôi đã tin rằng không có một sức mạnh nào có thể đụng chạm vào sự hiện hữu thiêng liêng của tu viện này. Nhưng tôi đã lầm, bởi vì sức mạnh tham lam chính trị đã biến đổi đời sống yên tĩnh của chúng tôi... Sau những năm tháng nỗ lực, tôi đã

tự điều chỉnh để thích ứng với nền văn hóa đa dạng và những giá trị của thế giới mới.”

Nói như thế, có nghĩa nhờ tu tập hành trì miên mật mà có sự nhẫn nại quyết tâm vươn lên và đi tới như ta đã thấy nơi vị đại sư này đang dạy tại đại học Harvard - Hoa Kỳ, ngài thuộc phái Phật giáo Nyingma (phái Cổ Mật do đại sư Liên Hoa Sanh - Padmasambhava - Tổ khai sáng người Ấn Độ). Cho nên, tôi chủ trương tu cho mình, vì tự nghĩ “ai tu nấy chứng”; ngoài ra còn sắp đặt thì giờ cho đại chúng cùng tu chung tại đạo tràng tự viện Pháp Bảo - Sydney nữa. Tu chung bằng cách thọ trì những bộ kinh Đại thừa như Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Đại Bát Niết Bàn, kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, kinh Kim Cang Bát Nhã v.v... Các loại sám văn như: Lương Hoàng Sám, Từ Bi Thủy Sám... thường được chùa tổ chức cho Phật tử thực hành để hiểu sâu lời Phật dạy. Bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa chúng tôi hành trì từ trên 30 năm nay, cứ vào dịp năm mới ngày Mồng Một Tết khai kinh Pháp Hoa và đại chúng trì tụng trong một tuần lễ chấm dứt. Tinh thần hành trì này đang tiếp tục và sẽ duy trì lâu dài về sau này. Riêng chùa Viên Giác tại Hannover - Đức quốc, Hòa Thượng Như Điển còn chủ trương lay kinh Pháp Hoa, mỗi chữ một lay và kéo dài đến 3 năm mới chấm dứt. Tiếp theo chúng tu học chùa Viên Giác lay bộ kinh Đại Bát Niết Bàn cũng mỗi chữ một lay và dường như tới nay đã lay gần xong cuốn hai trọn bộ, kéo dài đến 5, 6 năm. Đây quả là một sự nhẫn nại kiên trì mà người chủ xướng phải hạ quyết tâm mới thực hiện được. Quan niệm lay Phật để làm tiêu trừ nghiệp chướng thì đây quả là phương pháp tu tập hành trì hiệu quả, nhờ gạt bỏ những vướng mắc ràng buộc vô tình hay cố ý đối với hành giả theo con đường Bồ Tát hạnh.



Cổng tam quan Tổng Trì Tự, Tokyo

- Dịch kinh, viết sách

Có lẽ nhờ ảnh hưởng của cụ thân sinh là một túc nho, huynh đệ chúng tôi đã nghe, biết lỏm bỏm tiếng Hán hồi còn nhỏ. Lớn lên một chút độ tuổi thiếu niên tôi đã vào chùa nghiên ngẫm chữ Hán, học theo lối cổ điển - đọc nhuần mặt chữ và thuộc lòng - dù không hiểu vẫn cứ phải ráng nuốt trôi. Có khi nuốt không trôi cố cứ ngất ngưỡng kiểu gà nuốt dây thun vẫn phải chịu, không được thua cuộc đầu hàng.

Người ham sách báo phải nói do đam mê và sở thích mới đủ sức kiên trì nhẫn nại. Viết một bài văn, dịch một cuốn sách phải miệt mài ngồi làm việc nhiều giờ mới nên được; người làm công tác này không thể cứ đứng lên ngồi xuống

mãi làm sao tập trung tâm ý tạo thành câu cho suôn sẻ súc tích được. Tôi có được cái đam mê đó và sở thích đọc sách như một món ăn tinh thần không thể thiếu được. Đi đâu xa, bạn bè tặng quà thức ăn tôi không nhận, nhưng tặng sách thì hoan hỷ tiếp liền, nên có nhiều người biết ý đã tặng tôi rất nhiều sách. Thư phòng tôi ở sách chất khắp nơi không chừa một chỗ, kể cả chất luôn dưới đất. Có ai bước vô thấy quả và lo hỏi: Thầy không sợ sách sập đè sao? Tôi cười trả lời: Chết dưới đống sách đâu có dễ, vì tôi là một sách mà, đâu có sợ gì!

Những tác phẩm, dịch phẩm của tôi trong hơn 30 năm nay đã được trên 40 đầu. Nếu liệt nêu ra chừng ấy tên đầu sách cũng làm cho người đọc ngán đọc rồi, và không khéo thành ra quá đề cao việc làm của mình rồi đâm ra ngã mạn là việc mà tôi không muốn. Có người hỏi: Thầy lấy đâu ra thì giờ mà viết được sách, dịch được kinh? Vì tôi có chủ trương hẩn hoi đặt ra cho mình phải theo để không ỷ lại và trễ nãi mà nay như trở thành quy luật là mỗi năm ít nhất phải hoàn tất một tác phẩm. Nếu không là không xứng đáng làm thầy lãnh đạo tinh thần của Phật tử. Điều này giúp cho tôi rất nhiều trong công việc trì chí viết sách hay dịch kinh trong sự an tịnh thoải mái mà không có bất cứ sự quấy rầy nào làm phân tâm.

Về phần thầy Như Điển, khả năng sáng tác, dịch thuật còn khỏe hơn tôi nhiều. Thầy thực hiện được tới nay trên 60 cuốn thuộc nhiều loại nghiên cứu khác nhau. Trong số đó tôi ưng ý qua các cuốn dịch: Tịnh Độ Tông Nhật Bản, Nhật Liên Tông, Lâm Tế Tông, Tào Động Tông, Chơn Ngôn Tông Nhật Bản. Vì sách tiếng Nhật ít có người rành, nhưng 5 tông phái chính ấy của Phật giáo Nhật Bản lại rất gần gũi với Phật giáo Trung Quốc và Phật giáo Việt Nam, nên giúp các học giả chuyên ngành về Phật giáo bộ phái Nhật biết rõ hơn trong việc nghiên cứu rất tiện lợi. Thầy Như Điển còn có khả năng phóng tác, hai tiểu thuyết mang chủ đề Giai Nhân và

Hòa Thượng và Chuyện Tình Hòa Thượng Liên Hoa cũng đã làm cho người đọc say sưa theo dõi. Qua nhiều tình tiết gay cấn, hồi hộp và rồi nhà tu chân chánh (Hòa Thượng Liên Hoa) nổi lửa tam muội tự thiêu thân, gây sự xúc động bồi hồi. Về phần tôi không viết được tiểu thuyết, nhưng có năng khiếu thi ca, đã xuất bản hai thi tập: *Cho cây rừng còn xanh lá* và *Trâm hương*; cũng dự định ấn hành thi tập: *Tâm vật tổ nguyên* cống hiến độc giả một ngày gần đây. Đặc biệt, tôi lấy nhiều bút hiệu: Sông Thu, Giai Không. Còn thầy Như Điển hầu như mãi trung thành với cái pháp danh của sư phụ Long Trí cho hồi mới xuất gia theo dòng kệ của Tổ Minh Hải Pháp Bảo, là Như Điển, ý mong điển hình như thế, khuôn mẫu rõ ràng, y như khuôn khổ... không hề lệch sai. Đó cũng là điều hay giúp nhiều người thêm niềm tin nơi Tam Bảo. Những tác phẩm là những bức họa, bức chân dung của tác giả hình thành. Tác phẩm nghệ thuật qua những đường nét tinh vi do nhà nghệ sĩ cống hiến. Như tôi đã viết trong lời tựa cuốn *"Thoáng quyện ân từ"*, ấn hành năm 2010 như sau:

“Tùy theo cái nhìn và độ cảm của người thưởng lãm mà bức tranh có giá hay không. Như con tầm nhả tơ, cứ việc nhả tơ dệt thành chiếc kén, còn vẽ đẹp là do con người định. Con tầm hay cái kén không nói lên được gì cũng như trời đất bao la, vũ trụ vô tình. Nói vô tình mà kỳ thật hữu tình. Hữu tình mới nên thơ giàu nhạc tính. Nhạc tính phong phú hữu tình mới dễ dàng thu hút được con người.”

Còn dịch sách là chuyển tải đúng nguyên văn sang một thứ tiếng khác, cốt sao giữ cho hai bản trước và sau tương đương nhau về nghĩa và cách diễn tả, cho nên có thể nói dịch là phản ảnh lại đúng như những gì nguyên tác đã có để đưa độc giả tới chỗ say sưa thích thú. Thành thử, công việc sáng tác dù sao cũng dễ hơn dịch thuật gấp nhiều lần. Vào những năm sau này, chúng tôi chuyển dịch kinh trong bộ Đại Chánh Tân Tu từ chữ Hán, và năm 2013 có ấn bản dịch Tiếng

Anh về Thiên Chánh Niệm. Còn thầy Như Điển dịch từ tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Anh sang tiếng Việt các sách chuyên đề Phật giáo.

Công cuộc hồng pháp ngoài việc diễn giảng, dịch thuật, sáng tác cũng quan trọng không kém, nên chúng tôi đang cố gắng trong khả năng của mình để cống hiến món ăn tinh thần không thể thiếu đối với những ai quan tâm tới tiền đồ Phật giáo nói chung trong thời hiện đại. Ngoài công việc văn hóa nghệ thuật, chúng tôi còn lập cơ sở để hồng pháp, qui tụ nhiều người về một đạo tràng.

- Lập 2 Trung Tâm Tu Học

Cơ sở là nền tảng vững chắc làm địa bàn hoạt động lâu dài trong công cuộc hồng dương Phật pháp. Hồi thời Phật còn tại thế, hai đạo tràng lớn qui tụ tới cả ngàn chư tăng là tinh xá Trúc Lâm và tinh xá Kỳ Viên (Kỳ Hoàn) ở Trung Ấn Độ mà ngày nay danh hiệu vẫn còn lưu truyền qua sử sách.

Tự viện Pháp Bảo là ngôi chùa Việt Nam đầu tiên xây dựng tại Sydney với diện tích 5000m². Đất do Bộ Gia Cư (Department of Housing Commission) hiến tặng với điều kiện cho thuê tượng trưng mỗi năm là \$1 Úc kim. Chùa khởi sự xây cất năm 1984 và khánh thành đợt I vào dịp đại lễ Phật Đản tháng 5 năm 1985 - Phật lịch 2528. Những phần còn lại như thư viện, hồ sen, vườn cảnh, thiền đường, chùa một cột... xây hoàn tất và lễ khánh thành hoàn nguyện năm 1998 với hàng ngàn quan khách Úc - Việt, Phật tử và tăng ni các sắc tộc tham dự.

Từ ngày ngôi chùa xây xong, những khóa lễ thường nhật công phu, sám hối, các khóa tu Bát quan trai, huân tu Tịnh Độ, nơi tu niệm cho tăng ni, khóa tu gieo duyên hàng năm cũng được mở ra từ đó đến nay đã được 15 năm. Đại hội



**Chùa Tổng Trì - Tổng Bổn Sơn - Tông Tào Động, Nhật Bản
tại Yokohama - Tokyo**

thành lập GHPGVNTN hải ngoại tại Úc Đại Lợi -Tân Tây Lan vào năm 1999 cũng tổ chức tại chùa Pháp Bảo. Các lễ quy y, lễ hằng thuận, lễ tưởng niệm các bậc danh tăng quá vãng, cầu siêu, cầu an, những tiệc chay gây quỹ v.v... đều diễn ra tại chùa. Chùa còn là nơi đào tạo, giáo dục lớp thanh thiếu niên Gia Đình Phật Tử để trở thành những công dân tốt trong xã hội đa văn hóa Úc Đại Lợi. Ngôi chùa cũng là nơi tổ chức lễ an cư kiết hạ cho toàn Giáo Hội năm 2006, 2009, và địa điểm hội họp của Giáo Hội. Chùa đa dạng như vậy nên thi sĩ Huyền Không đã diễn tả tóm gọn trong 2 câu thơ:

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông*

Hoặc như nhà thơ Hồ Dzếnh qua:

*Quê tôi có gió bốn mùa
Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm*

*Trăng thanh gió mát đêm rằm
Chỉ thanh đạm thế
Âm Thâm thế thôi
Mai này tôi bỏ quê tôi
Bỏ trăng, bỏ gió, chao ôi bỏ chùa.*

Cũng như chùa Pháp Bảo tại Sydney, Hòa Thượng Thích Như Điển thành lập chùa Viên Giác - Hannover - Đức quốc năm 1991 để qui tụ người Việt tỵ nạn Cộng Sản lại với nhau trong những ngày đại lễ như Phật Đản, Vu Lan và Tết âm lịch. Chùa Viên Giác như là một trung tâm văn hóa cho cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Âu Châu nói chung. Vì mỗi năm 3 dịp lễ hàng chục ngàn người đến chùa tham dự từ những quốc gia khắp toàn Âu Châu.

Chùa Viên Giác còn là nơi tổ chức các lớp học Phật pháp cho học sinh, sinh viên người bản xứ, những khóa thiền cho người Đức, những buổi hội thảo, mít tinh, lễ lược... của cộng đồng, ngoài vai trò chính của nó như Pháp Bảo hay bao nhiêu ngôi chùa Việt khác tại hải ngoại. Viên Giác còn là nơi tổ



Chùa Viên Giác, Hannover - Đức quốc

chức các Đại hội Tăng ni Việt Nam hải ngoại năm 1995, Đại hội Ban chấp hành Hội Đồng Tăng-già thế giới năm 1991; nơi đón tiếp Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 năm 1995. Cũng như chùa Pháp Bảo, chùa Viên Giác có một thư viện chứa độ 5000 cuốn sách gồm đủ các ngành triết học, văn học, Phật giáo, tâm lý, xã hội, y học v.v...

Trước đây chùa Viên Giác có nhà in xuất bản sách báo hoạt động hơn 10 năm, cho tới năm 2005 nhà in mới giải nghệ, vì thiếu nhân sự điều hành, cũng như máy móc quá cũ kỹ không đáp ứng đủ nhu cầu tân tiến. Viên Giác mỗi năm in ấn hàng chục tác phẩm, kể cả tờ báo Viên Giác - tiếng nói của kiều bào và Phật tử Việt Nam tỵ nạn cộng sản tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, duy trì được 34 năm qua. Là cơ quan ngôn luận của Phật giáo Việt Nam lâu năm nhất, có số báo phát hành rộng khắp tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tờ báo Viên Giác như món ăn tinh thần thích hợp của người Việt tại Âu Châu, vì các quốc gia Âu Châu, trừ Pháp, không có nơi nào phát hành tuần báo, nguyệt san, kể cả nhật báo tiếng Việt như tại Úc và Hoa Kỳ.

Chùa Viên Giác mỗi năm còn tổ chức hội chợ Tết 3 ngày vào dịp đón giao thừa để mọi người vui xuân, lễ chùa, hái lộc đầu năm, hầu duy trì truyền thống văn hóa dân tộc. Chùa có chánh điện chứa độ 300 người tầng trên, mỗi khi có lễ hội trường đa dụng đủ sức cho 500 người tham dự ở tầng dưới; nơi đây cũng tổ chức những buổi văn nghệ, những đại nhạc hội có ca sĩ từ nước ngoài tới trình diễn thu hút cả ngàn khán giả ưa thích.

Trong thời gian hơn 10 năm trở lại đây, vì nhận thấy nhu cầu học Phật của người Phật tử gia tăng đáng kể, chúng tôi đặt kế hoạch tài chánh lập cơ sở thứ hai lấy tên là tu viện Đa Bảo (Sydney) và tu viện Viên Đức (Ravensburg - Đức). Cơ sở Đa Bảo - Sydney được tạo mãi vào năm 2000

tại Campbelltown và hoạt động hơn 10 năm, tới năm 2010, chúng tôi đổi về vùng núi đồi yên tĩnh mát mẻ tại gần Blue Mountains từ tháng 4 năm 2011. Nơi đây cảnh trí nên thơ mang dáng dấp của một khu đại tông lâm Phật giáo. Nếu được chăm sóc đúng theo quy củ, là nơi đào tạo nhân sự cho Phật giáo tương lai. Trước mắt, chúng tôi dành thì giờ về đây tu tập và dịch, sáng tác trong những tháng năm còn lại cuối đời. Sư đệ cùng chí nguyện, sang Úc làm việc tại Đa Bảo như tôi mỗi năm 2 tháng và liên tục đã 9 năm rồi. Thầy ấy có ý định tới Úc đủ 10 năm làm việc trong vai trò văn hóa cho tới năm 2012 là chấm dứt. Vì từ năm 2006 thầy cũng tạo cơ sở thứ hai tại miền Nam nước Đức rộng 10.000m² có đủ phương tiện ăn ở, sinh hoạt là tu viện Viên Đức. Nơi đây hẳn là chỗ tĩnh dưỡng của thầy để tu niệm và dịch kinh, viết sách, rất thích hợp cho người lớn tuổi.

- Ở hai quốc độ:

Đức quốc - Úc quốc dù xa xôi cách trở địa lý, nhưng chí hướng và tâm nguyện của chúng tôi đồng qui, xem như gần trong gang tấc mà không có sự ngăn ngại nào cả. Chúng tôi rất cảm ơn cha mẹ đã tác tạo nên 2 con người, 2 tâm hồn trong sáng nhờ huyết thống nhiều đời của tổ tiên dòng họ tác thành, nuôi lớn cháu con được nhờ ân đức. Đồng thời nơi đây xin cảm niệm ân đức các bậc thầy đã dày công giáo dưỡng, nhất là sư phụ của con Hòa Thượng Thích Trí Hữu và sư phụ của sư đệ - Hòa Thượng Thích Long Trí, mong chúng giám cho chúng đệ tử, Bồ đề tâm bất thoái chuyển, và phát nguyện rằng:

*Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng
Tĩnh dữ vô tình, đồng viên chủng trí*

Nghĩa là:

*Hư không dù có chuyển di
Nguyện con muôn kiếp không hề lung lay
Nguyện cầu vạn pháp xưa nay
Hoàn thành trí nghiệp vững cây Bồ đề.*

Để thâm tạ công ơn giáo hóa của thầy, chúng con nguyện dù tan thân mất mạng, quyết phụng sự Tam Bảo đời đời kiếp kiếp không hề lãng xao, để mong báo đáp phần nào công ơn như trời biển.

*Ơn giáo huấn một đời nên huệ mạng
Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền*

Viết rõ những điểm như thế để mai này chúng tôi có về hầu Phật, hàng đệ tử xuất gia cũng còn có chỗ y cứ, có tài liệu khảo chứng về các bậc thầy của các vị. Chúng tôi tin chắc rằng như câu nói của người xưa: “Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh.” Hẳn được an nhiên tự tại như mây trời lãng đãng khắp trong không gian cao rộng.

Chí hướng

Chí hướng là đích để người ta đạt tới, cũng như sửa soạn cuộc hành trình xa lâu ngày, phải chuẩn bị hành trang đầy đủ không thể thiếu được. Sự thành công ở đời một phần lớn nhờ phấn đấu trong tinh cần và tinh thần hiểu biết, chia sẻ, cùng với sự quyết tâm chân thiện dũng mãnh không lui sụt mà tôi đã thể nghiệm, ngay từ hồi còn nhỏ biết khắc phục những khó khăn trong đời sống. Những khó khăn từ nhiều phía như gia đình, bản thân, học đường, hoàn cảnh v.v... nói chung ai cũng gặp phải, từ người nghèo cho đến kẻ giàu. Cho tới hiện giờ chưa ai thử làm một cuộc thăm dò (survey) xem người nghèo khổ hơn hay người giàu khổ hơn. Theo tôi, chúng ta phải cương quyết hay có chí hướng mới phần nào dứt trừ những nỗi khổ trầm thống đó. Chí hướng giống mũi tên mà nhà xạ thủ muốn nhắm đích hay mục tiêu đạt được, cây cung phải giương lên hết mức rồi nhắm vòng tâm bắn hẳn trúng đích mũi phát cả mũi không sai lệch.

Thế gian người ta thường nói rằng muốn đi xa phải tập những bước gằn cho thật vững chắc; cũng như muốn được khỏe mạnh người ta phải tập thể dục cho thân thể cường tráng dẻo dai, nhất là môn đi bộ thường xuyên không ngần ngại nản lòng trước bất cứ một sự thử thách nào. Sống ở đời hầu như ai cũng có những vấn đề phải đối phó, đương đầu, vì đời sống xưa nay như một đấu trường mà con người càng thêm dầu châm lửa vào thành là chiến trường, giữa kẻ yếu và người mạnh qua từng cặp đối nghịch: được-mất, hơn-thua, nên-hư và thành-bại, cũng như giữa người và các loài vật khác. Càng nghĩ tôi càng thấm thía kiếp sống chùm gởi như câu tục ngữ: “Sống gởi thác về”, như cái thân tứ đại: đất - nước - gió - lửa này phải nương nhờ nhiều nhân duyên tồn

tại và khi chết trở về tịnh cảnh hay cõi Tịnh độ. Vì rõ biết thế, tôi rất hoan hỷ chấp nhận những bệnh khổ, sự đau đớn hay mọi bất hạnh xảy ra trong cuộc đời. Như đã từng mong cho mình thọ bệnh để có dịp quán chiếu thân mệnh vô thường, hầu trừ diệt bản ngã đang ngự trị trong ta từ vô lượng kiếp. Cũng như có sống trong cảnh thiếu thốn, khổ cực ta mới nhận rõ được giá trị lao động như thế nào. Những người sống trong nhung lụa giàu sang từ nhỏ, cho tới khi vào đời không biết được vị đắng cay của sức cần lao trên miếng cơm manh áo.

- Kiến lập đạo tràng:

Như thiền sư Duy Sơn Nhiên đã luận: “Kiến pháp tràng ư xứ xứ, phá nghi võng ư trùng trùng. Hàng phục chúng ma, thiệu long Tam Bảo.”

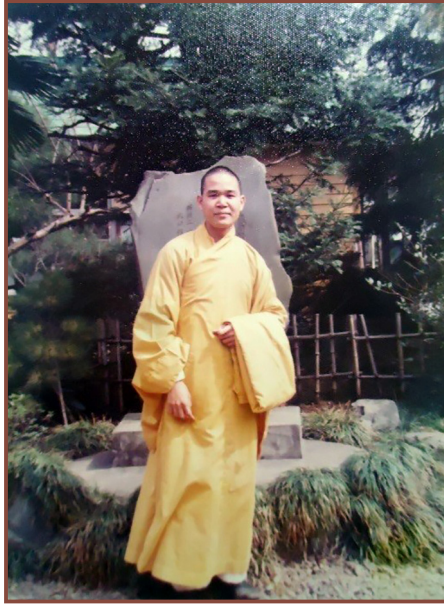
*Khai đạo tràng hiển chân phá vọng
Dẹp tan muôn trùng sóng hoại nghi
Quần ma úy phục theo về
Ba ngôi báu thịnh như kỳ tượng sơ (*)*

(Ni trưởng Trí Hải dịch)

Cho thấy rõ, Ngài ở vào đầu thời kỳ tượng pháp, và dần bước sang thời mật pháp như thời đại của chúng ta hôm nay. Ngày lên đường từ Tokyo sang định cư tại Sydney - Úc Đại Lợi năm 1981, tôi đem theo cuốn Phật pháp, “Sách hướng dẫn Gia Đình Phật Tử”. Đó là ý nguyện ban đầu của tôi muốn khôi phục sinh hoạt đoàn thể Phật tử trẻ để phát huy Phật giáo ở xứ người.

Theo bài tường thuật, buổi lễ ra mắt có đoạn viết như sau:

“Ý nguyện của Đại Đức Thích Bảo Lạc tựu thành, đã



**Trong hoa viên Tín Tùng Viện
tại Hachioji, Tokyo**

quyết tâm thành lập Gia Đình Phật Tử Việt Nam lấy tên là Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo. Lễ ra mắt Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo đã được diễn ra trong bầu không khí ấm cúng đượm thắm tình lam vào ngày đại lễ Vu Lan 16 tháng 8 năm 1981 (nhằm 17 - 7 Tân Dậu). Ban Liên Đoàn đầu tiên gồm: Hồ Văn Hải - Liên Đoàn Trưởng, Nguyễn Văn Hiếu - Liên Đoàn Phó (nam), Nguyễn Ngọc Sanh - Liên Đoàn Phó (nữ), Võ Khắc Tân - Đoàn Trưởng, Hồng Ngọc Tài - Đoàn Phó, Hồ Thị Dung, Trần Thị Kim Thoa - Đoàn Phó. Theo như tường thuật của Thanh Thanh:

... Các em thiếu nhi Phật tử đã vui vẻ ca hát những bản nhạc “Phật Giáo Việt Nam”, “Hoa Sen Trắng”, “Tình Lam”, “Dây Thân Ái” v.v..., đồng thời các em cũng tham gia những trò vui chơi trong không khí ấm cúng, dưới ánh nắng tươi đẹp.

Buổi lễ ra mắt Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo được đặt dưới sự chủ tọa của Đại Đức Thích Bảo Lạc. Đại Đức đã chứng minh và đặt tên cho Gia Đình Phật Tử là Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo. Với những lời tâm huyết, Đại Đức đã khuyến khích các thiếu nhi Phật tử và nhắc nhở các em về nhiệm vụ và vai trò Phật tử hải ngoại đối với đất nước và Phật pháp. Đại Đức cũng đã trao cho anh Liên Đoàn Trưởng (Hải) lá cờ Gia Đình Phật Tử nền xanh lá cây, một bên có hình hoa sen trắng, và bên kia có dòng chữ: “Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo - New South Wales”.

... Mọi người có mặt trong ngày lễ Vu Lan đều cảm thấy lòng mình phấn khởi, tin tưởng rằng các em rồi đây sẽ trở nên những Phật tử chân chánh, sống đúng với tinh thần của đạo Phật, nối tiếp bước đường tu học của ông cha để bảo vệ và duy trì đạo pháp.”

Song song với việc thành lập Gia Đình Phật Tử, tôi liên nghĩ tới kế hoạch lập ngôi chùa thực thụ để có nơi sinh hoạt. Tuy nhiên, lúc đó một đề án lớn như vậy còn gặp đủ trở ngại mà quan trọng nhất là tài chánh khó có thể vượt qua. Nhưng có cảm hứng có ứng, do tâm thành của người con Phật được chư Phật gia hộ, mọi thành viên của chùa quyết tâm hợp tác làm việc, hoan hỷ đứng vào Ban vận động, kẻ của người công, đông tay vỗ nên kêu, góp gió thành bão. Ban vận động xây chùa Pháp Bảo tiến hành từng giai đoạn kiểu tầm ăn dâu nên tin tưởng sẽ đạt tới mục đích.

Nước lã mà khuấy nên hồ

Tay không xây dựng cơ đồ mới ngoan.

Những tấm lòng vị tha rộng mở, nhiều bàn tay năng nổ góp phần, bao ân nhân vì đạo chẳng kể công; người trong cuộc hân hoan đồng gánh vác trách nhiệm.

Tâm thư kêu gọi lập chùa có đoạn viết:

“... Nhằm mục đích tạo dựng một nơi để tôn trí chư Phật, và đồng thời thờ phượng liệt vị tiên linh và cứu huyền thất tổ; cũng như có nơi để quý đồng hương Phật tử lui tới lễ bái, và gặp gỡ trong thâm tình đồng hương đồng đạo. Hội Phật giáo Việt Nam tại New South Wales đã mượn căn nhà ở địa chỉ 1 Ridgewell Street, Lakemba, Sydney để tạm thời thiết lập chùa Pháp Bảo kể từ tháng 1 năm 1981.

Trong thời gian qua, số Phật tử đến chùa chiêm bái đã chứng tỏ sự cần thiết của một ngôi chùa Việt Nam tại Sydney. Thiết nghĩ rằng nơi thờ phượng phải được trang nghiêm và vĩnh viễn; cũng là nơi mà quý Phật tử có thể cử hành những ngày lễ vía theo đúng truyền thống dân tộc mà không ngại quấy rầy hàng xóm láng giềng. (Thông bạch ngày 18 - 5 - 1981).

Ban vận động thành lập chùa Pháp Bảo gồm những vị:

- Chủ tịch: Đại Đức Thích Bảo Lạc,
- Ban ngoại giao và nghiên cứu kế hoạch: đạo hữu Philip Coen và Hoàng Khôi,
- Vận động tài chánh: đạo hữu Phạm Hữu Phước,
- Hoạt động gây quỹ: đạo hữu Nguyễn Háo Nghĩa,
- Kêu gọi ủng hộ và mượn tiền: đạo hữu Đặng Phước Nhường, đạo hữu Diệu Phúc Phan Đình Tấn, Phan Tú Tâm, Châu Thị Hoàng Anh,
- Thủ quỹ: Đoàn Thị Kim Dung và Nguyễn Ngọc Sanh.

Ngoài các Ban chính, Hội còn đề xuất thêm các kế hoạch tài chánh như tổ chức hội chợ Tết, ngày công quả do đạo hữu Hoàng Khôi, phiếu công đức do chúng tôi và đạo hữu Phạm Hữu Phước, văn nghệ và phim ảnh: đạo hữu Hồ Văn Hải, Phạm Hữu Phước, phát hành sách báo, bánh chưng, bánh tét, thức ăn chay... do quý bác phụ trách. Và quan trọng hơn là Ban thông tin và báo chí do đạo hữu Minh Đăng Trần Ngọc

Thạch lo liệu. Danh sách cúng dường tịnh tài đợt đầu này gồm những vị như: bà Phan Đình Tấn, bà Phan Tú Tâm, ông Nguyễn Háo Nghĩa, Huyền Phương, ông Trần Ngọc Thạch, Đỗ Tuyết Hoa, bà Vũ Minh Châu, ông bà Võ Văn Nở, Nguyễn Thị Dư, Châu Thị Hoàng Anh, Dương Héch Phong, Tô Kim Hải, Lâm Thị Chia, Phan Tú Liên, bà Thái Văn Cẩn, Trương Thị Phương, Nguyễn Thị Phân, Võ Hồng San, Võ Thị Như Tuyết, bà Hoàng Công Lý, Phật tử ẩn danh, anh chị Hoàng Khôi, Giang Lê Trinh, bà Đinh Qui, bà Hàn Phong, Hàn Lan Khanh, ông bà Đặng Phước Nhường, Phật tử ẩn danh ủng hộ một số tiền hào phóng vào việc xây chùa.

Ban vận động lập chùa tìm đủ cách để đạt đến mục đích. Ngôi chùa có thể là nhà thờ, hăng xưởng hay đất trống. Chúng tôi tìm khắp từ miền Đông đến miền Tây - Sydney, kể cả ngôi nhà thờ đường King George vùng Beverly Hill và sở nhà đất tại Randwick bán đấu giá \$50,000 (năm chục ngàn Úc kim). Nhưng lúc đó quỹ của chùa chỉ mới có được hơn một phần ba, nên đành đứng xa nhìn để tìm giải pháp khác. Cũng trong thời gian tìm đất lập chùa này, đạo hữu Hoàng Khôi trên đường từ nhà tới chùa mở radio nghe tin tức buổi sáng, bắt được tin chính phủ có sở đất miền Tây - Sydney muốn nhượng cho tổ chức hoạt động văn hóa nào đủ điều kiện sẽ được thuê lập cơ sở. Kết quả, đất chỉ một lô 5000m² còn đơn xin có tới 12 nơi hay tổ chức nộp cho Bộ Gia cư (Department of Housing Commission) của chính phủ NSW. Thế là có cuộc thương thuyết giữa các đối tác với Bộ và cuối cùng bỏ thăm. Nhờ đầy đủ phước duyên Hội PGVN New South Wales - chùa Pháp Bảo - nhận được đất. Để từ đó tiến tới việc kiến tạo ngôi chùa Pháp Bảo, tại Bonnyrigg như ngày nay. Trong chỗ bất hạnh của chùa tạm tại Lakemba bị hàng xóm thưa kiện vì sinh hoạt ồn trong khu vực dân cư, buộc Hội đồng thành phố Canterbury niêm yết bảng cấm chùa sinh hoạt tại ngôi chùa số 1 đường Ridgewell - Lakemba, lại gặp cái may chùa

xin được đất của chính phủ. Tháng 12 năm 1983 dời chùa từ Lakemba về căn nhà tiên chế tại khu đất mới, tới lễ Phật Đản năm 1984 tổ chức lễ đặt viên đá đầu tiên xây chùa Pháp Bảo. Chùa Pháp Bảo cũng được cái may khác là chính phủ có chương trình CES (Community Employment Scheme) tài trợ ngân khoản cho một số tổ chức sắc tộc làm việc thiện ích lập cơ sở, trả lương cho thợ thất nghiệp đang nhận trợ cấp của Bộ An Sinh lúc đó. Tuy vậy, công việc vô cùng phức tạp, khó khăn chứ không đơn giản như ta tưởng. Gạt ngoài những ý nghĩ bi quan, để mới có thể làm việc thông suốt được như ta thấy chùa Pháp Bảo có được hai thắng duyên hy hữu:

- Nhận được đất của chính phủ là cả một sự mầu nhiệm ngoài tầm suy nghĩ của Hội, vì lúc bấy giờ tôi nắm chắc thất bại trong tay, do chúng ta là một nhóm người nhỏ mới tới định cư không có tiếng nói đủ mạnh cũng như uy tín để chính quyền tin tưởng được. Cũng nhờ trong Hội có quý anh Hoàng Khôi, Võ Hồng San, Philip Coen, Phạm Hữu Phước, Võ Cồn... biết luật lệ đã gỡ đúng cửa và nộp đơn đúng người. Cuối cùng sở đất số 148 - 154 đường Edensor, St Johns Park đủ duyên nằm trong lòng chùa Pháp Bảo mà ngày nay trở thành là Di sản văn hóa (Heritage) của tiểu bang; mang biểu tượng đặc biệt, cao quý đối với cộng đồng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

- Ngân khoản \$350.000 (ba trăm năm mươi ngàn đô Úc) do bộ An sinh xã hội tài trợ: số tiền để trả lương cho thợ và công nhân (do bộ An sinh giới thiệu); vật liệu xây cất chùa phải tự mua sắm. Vấn đề không phải có tiền là xong việc được, chính tôi đứng coi công trình xây cất chùa năm 1984 mới thấy rõ, bao nhiêu việc lớn, việc nhỏ, những sự bất đồng, lương phạn, giờ nghỉ, giờ ăn trưa, tea time, mua sắm dụng cụ, đôn đốc việc làm, an toàn tại nơi làm việc... Nếu thiếu kiên nhẫn ta hẳn bỏ cuộc ngay từ đầu. Do vậy, trong 12 chương trình do chính phủ tài trợ ngân khoản, chỉ có 5 đạt tới 70%

thành công mà Pháp Bảo là một trong số hiếm hoi đó. Chính bản thân tôi phải mất ăn mất ngủ suốt cả năm trường sụt mất ki lô và hy sinh đến 5 chiếc răng không lấy lại được. Trông tôi lúc đó như một ông già 70 không bằng, nên ai cũng lấy làm lo lắng, hỏi han, chia sẻ. Nhờ sự động viên tinh thần này mà tôi hăng hái làm việc như quên hết tất cả, dù vất vả cũng phải hy sinh một phần cá nhân cho tập thể tổ chức. Đứng ngoài nhìn vào, có người cho rằng chúng tôi có phước nên đạt được tất cả. Nếu nhìn kết quả sự hiện hữu của ngôi Pháp Bảo tự viện không ai phủ nhận; còn như trong thực tế như đã nêu hẳn là cả một sự phấn đấu thử thách không nhỏ, nhưng đó là phần không đáng kể.

Công trình xây cất chùa Pháp Bảo trải qua 3 giai đoạn: xây chánh điện và nhà đa dụng năm 1984 - 1986, xây thư viện, tầng phòng, hồ sen, chùa Một Cột, tháp Vãng Sanh năm 1989 và giai đoạn 3: xây thiền đường, lối đi thiên hành, trụ cờ, bãi đậu xe năm 1998. Đại lễ khánh thành hoàn nguyện vào tháng 10 năm 1998, sau 15 năm xây dựng viên mãn một công trình vừa tôn giáo vừa mang tính cách văn hóa của người Phật tử Việt Nam tỵ nạn Cộng sản tại Úc châu. Để đánh dấu biểu tượng của nước Úc đa văn hóa, trước sân chùa Pháp Bảo có 3 trụ cờ cao 5,5m, hễ cứ mỗi dịp lễ như Tết âm lịch, Phật Đản, Vu Lan, ba lá cờ Phật giáo, cờ Việt Nam Cộng Hòa, cờ Úc tung bay phất phới trên cao, khiến cho nhiều người lái xe qua lại trên đường Edensor để ý chăm chú nhìn với cặp mắt thiện cảm. Từ trước đến giờ tôi cho treo cờ Phật giáo chính giữa, bên phải là cờ Việt Nam Cộng Hòa và bên trái là cờ Úc, vì tự nghĩ: cờ Phật giáo có tính quốc tế nên phải đứng trên 2 quốc gia Úc - Việt. Nhưng mới Tết Nhâm Thìn vừa qua, tôi có suy nghĩ kỹ nên đổi vị trí của 3 lá cờ như sau: Cờ Úc chính giữa, cờ Việt Nam Cộng Hòa bên phải và cờ Phật giáo bên trái. Bởi lẽ, đây là nước chủ nhà mà chúng ta đang nương nhờ, nên tôn giáo của mình mang tới phải tùy thuộc

nơi sở tại. Điều suy nghĩ ấy đúng theo tôi, nhưng tin chắc sẽ có người không thuận cũng là lẽ thường tình thôi.

Chùa Pháp Bảo tuy không đồ sộ, nguy nga nhưng có khả năng như một học viện cho độ 30, 40 tăng sinh cư trú vừa vặn với đủ phương tiện cần thiết. Về mặt nội viện: chánh điện chùa lạ lùng nhất, hẳn không có cái thứ hai trên thế giới. Chỉ độc Đức Bổn sư thờ tại góc mà không phải chính giữa như tại những ngôi chùa khác, nhưng khách tham quan không có cảm giác thiếu cân đối. Lối vào hậu Tổ phải đi dưới bệ thờ Đức Bổn sư, hai bên Đức Phật là cặp rồng châu thực hiện tại chỗ rất mỹ thuật và bền chắc màu ciment tự nhiên không pha đổi sắc. Hậu Tổ thờ liệt vị tôn đức tăng già Việt Nam quá cố, có công khai sơn phá thạch, các phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam từ 7, 8 thập niên từ 1932 đến nay.

Long vị chính giữa: Lâm Tế chánh tông, đời 34, khai sơn tổ đình Chúc Thánh, Hòa Thượng Minh Hải, tự Đắc Trí, hiệu Pháp Bảo sư tổ - trên đài sen. Nhìn lên 2 bên tường ta thấy các câu: Y bát chân truyền (pháp y, bình bát nối truyền), thừa ân pháp nhũ (tiếp nhận dòng sữa pháp). Có 2 ngày giỗ: sư ông (Hòa Thượng Thích Trí Hữu) ngày 28 tháng 11 và sư tổ (Hòa Thượng Minh Hải - Pháp Bảo) ngày 7 tháng 11 âm lịch, nhưng bổn tự cúng hiệp kỵ chư tổ vào ngày Mồng 3 Tết hằng năm. Ngày cúng giỗ tổ sư đã được con cháu môn phái Chúc Thánh tại Úc luân phiên cúng mỗi năm từ 8 năm nay.

Từ hậu tổ bước xuống 6 bậc cấp là linh đường thờ hàng ngàn hương linh quá cố của những Phật tử hữu công lập chùa và thân nhân của quý Phật tử bổn đạo. Ngoài chánh điện, chùa còn có Thiên đường diện tích 14 x 28m có thể đủ chỗ cho 300, 400 người hành lễ, tu tập. Gần cửa bước vào thiên đường có hình họa chân dung của sư ông Thích Trí Hữu sống động trông giống như người thật để nhắc nhở hậu thế noi theo công hạnh tu trì của Ngài.

Phần ngoài hay viên cảnh chùa: Con đường hay lối đi thiền hành chung quanh ngôi già lam mà hành giả đặt bước chân lên mỗi lần chùa có khóa tu, kinh hành niệm Phật an nhiên tự tại. Bên cạnh có bãi đậu xe cho khách thập phương là điều kiện bắt buộc mà luật pháp đòi hỏi phải có không thể thiếu. Đây là luật qui định nghiêm khắc mà hầu như các nước Tây phương đều áp dụng giống nhau.

Nơi vườn chùa Pháp Bảo có các biểu tượng về văn hóa tâm linh: cây bồ đề, chùa Một Cột, tượng bồ tát Quan Âm lộ thiên, hồ sen Kính Tâm và cổng Tam Quan. Riêng cây bồ đề chia 6 nhánh tượng trưng lục độ, vươn lên cao sum sê xanh tốt trông đồ sộ như cây cổ thụ độ 4 người ôm chưa giáp vòng; thuộc thế hệ thứ ba tính từ cây bồ đề chính tại Bồ Đề Đạo Tràng Ấn Độ, nơi Đức Phật tọa thiền và chứng thánh quả hơn 2600 năm trước. Đặc điểm lá có đuôi dài, các đường gân nổi bật nên có thể ép (ngâm nước cơm) làm quà lưu niệm thật là ý nghĩa. Cổng Tam Quan chùa cũng mang vóc dáng đặc biệt, pha trộn các nét văn hóa Đông phương giống kiểu Nhật như có người đã nêu hỏi như vậy. Hồ Kính Tâm đến mùa hoa sen nở cũng thu hút bao nhiêu ống kính của thợ chụp hình. Đặc biệt, nhờ kỹ thuật khéo nên sen ở đây nở mỗi năm 2 mùa vào tháng tư và tháng 12 vô cùng thanh tú lạ thường. Còn nhiều cây cảnh khác như hoa anh đào màu xanh, hoa lan v.v... nếu muốn thưởng thức quý vị nên đến xem hoặc tham quan mới thấy tận tường các đường nét tinh tế mà ngòi bút, ngôn từ, câu văn... không sao đủ diễn tả hết. Hơn nữa, tác giả không muốn ca tụng tác phẩm nghệ thuật của mình, vì không được vô tư và khách quan lắm.

- Hoằng pháp - độ sanh

Công cuộc hoằng pháp độ sanh là việc chung của bốn chúng đệ tử Phật (hai chúng xuất gia: tăng, ni và hai chúng

tại gia: ưu bà tắc và ưu bà di hay nam nữ cư sĩ). Tuy nhiên, người xuất gia có điều kiện và hoàn cảnh thuận lợi hơn Phật tử tại gia, nên vai trò của họ khá quan trọng. Muốn giáo pháp của Đức Phật được mọi người hiểu biết sâu rộng trong quần chúng, người tu có bốn phận và trách nhiệm lập ra chương trình hoằng pháp ngắn và dài hạn, mời gọi nhiều người tham gia đóng góp khả năng, công sức và tài chánh để cho công việc hoằng pháp được liên tục lâu bền.

Vào thập niên 1950, cố Hòa Thượng Thiện Hoa mở khóa giáo lý phổ thông hằng tuần tại chùa Ấn Quang - Sài Gòn trong nhiều năm và đào tạo được nhiều vị giảng sư như Hòa Thượng Huyền Vi, Hòa Thượng Thanh Từ, Hòa Thượng Từ Thông, Hòa Thượng Thiên Định, Hòa Thượng Quảng Long, Hòa Thượng Chánh Tiến, Hòa Thượng Liễu Minh... và những vị cư sĩ như bác sĩ Cầm, bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, đạo hữu Nhuận Chưởng, đạo hữu Minh Phúc v.v... Hòa Thượng Thiện Hoa còn mở lớp Như lai sứ giả đào tạo trụ trì tại chùa Pháp Hội (bên tăng) và chùa Dược Sư (bên ni) trong thời gian 3 tháng huấn luyện. Hằng trăm cán bộ được bổ nhiệm đi trụ trì các chùa như một phong trào khởi sắc: *“Tiếp theo là một cuộc lễ rộn rịp, rần rộ và linh đình tiễn đưa các vị Như Lai sứ giả đi bổ xứ trụ trì các tỉnh miền Nam (1957) làm cho tăng ni và đồng bào Phật tử ở các tỉnh, đông đảo đón tiếp phái đoàn Như Lai sứ giả với một niềm hân hoan phấn khởi và đầy tin tưởng.”* (50 năm Chấn Hưng PG - Hòa Thượng Thiện Hoa).

Ngày nay chúng ta muốn theo gương quý Ngài như lập giảng sư đoàn, tổ chức diễn giảng nơi công cộng, mở lớp học Phật pháp... và chỉ duy trì được lúc đầu, nếu có tiếp tục được chăng cũng chỉ do sự cố gắng của người chủ trương nhiệt thành mới vượt qua bao nhiêu khó khăn thử thách.

Hiện nay Phật giáo đang nhắm tới ba lãnh vực hoằng pháp có hiệu quả nhất là phiên dịch kinh điển ngoại ngữ

sang tiếng Việt, ấn tống kinh sách và tận dụng mạng lưới toàn cầu (website) để phổ biến Phật pháp sâu rộng đến cư dân trên mạng và quần chúng khắp nơi. Việc làm nào cũng có hai mặt tích cực và tiêu cực mà Phật giáo lại không đủ nhân sự cung ứng cho nhu cầu, nên không tránh khỏi những sơ hở, thiếu sót làm cho công việc thành phần tác dụng. Chỉ nội công tác phiên dịch cũng cần phải đòi hỏi nhiều nguồn: nhân lực hay khả năng chuyên môn, nuôi dưỡng của Ban bảo trợ, tài chánh ấn hành khi dịch phẩm hoàn thành.

Một vài cá nhân riêng rẽ thực hiện công tác dịch thuật có phần dễ hơn là kết nạp thành nhóm có qui củ làm việc, là cả một vấn đề. Chẳng hạn, Viện Đại Học Vạn Hạnh qua 2 lần cổ xúy dịch Đại Việt Tạng Kinh, nhưng cũng chỉ in ấn xong được 4 bộ kinh A Hàm rồi ngưng luôn hơn 10 năm nay. Tiếp theo Hòa Thượng Tịnh Hạnh ở Đài Loan có lập thành Ban hẩn hoi trong công việc phiên dịch. Về tài chánh chắc không phải là mối lo lắng nhưng về nhân sự điều hành công việc thật quả là không đơn giản. Cho tới nay Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc chỉ mới hoàn tất được một phần ba bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh 100 quyển, đó là do sự cố gắng tối đa của Hòa Thượng Tịnh Hạnh. Nhưng chưa rõ liệu có hoàn thành dự án hay không. Song dù sao chúng ta cũng tin tưởng và cầu nguyện để cho công cuộc phiên dịch Đại Việt Tạng được viên thành như đại nguyện.

Dĩ nhiên, việc hoằng pháp và độ sanh tuy hai mà một, vì có hiểu giáo pháp người ta mới tin, thực hành để có đời sống an lạc, hạnh phúc và giải thoát. Độ theo nghĩa tự giác tích cực mà không do cầu xin ân phước. Vì Phật giáo hướng dẫn con người chánh tín chứ không theo mê tín. Giáo pháp của Phật dạy cũng ví như thức ăn bày bán giữa chợ, muốn có món ăn ngon hợp vừa khẩu vị ta phải mua về rồi tự biến chế cho thích hợp. Đó là quyền tự do của mỗi người, phải bắt tay thực hiện giáo pháp mới hữu hiệu trong đời sống của mình.

Phật pháp dạy ta Bi - Trí - Dũng để tu tập nên không ỷ lại nơi bất cứ một đấng thần linh nào. Đức Phật chỉ là vị đạo sư, bậc thầy dẫn đường chỉ lối cho ta đi đúng hướng mà thôi. Xin đừng lầm tưởng độ là cứu rỗi như một vài tôn giáo khác chủ trương: nếu như thế, người Phật tử chẳng học được gì ở giáo lý của Đạo Phật cả mà cuối cùng rồi lại rơi vào chỗ hoang mang không tìm được giải thoát.

Đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni của đạo Phật tự thân tu tập mới chứng thánh quả; chặt đứt vô minh phiền não, những ràng buộc khổ đau trong cuộc đời. Vấn đề là liệu ta có đủ ý chí, niềm tin và sức nhẫn nhục kiên trì để đạt đến giải thoát như Đức Thế Tôn hay không; mỗi hành giả phải tìm cho mình câu trả lời.

- Độ người xuất gia:

Hướng dẫn cho một người đi tu hay khuyến khích con em xuất gia chưa hẳn đã độ được người ấy trọn vẹn. Chữ độ có nghĩa là vượt qua, thoát ra khỏi, ra khỏi nhà thế tục có nhiều bận buộc vướng mắc khó dứt lìa, dứt bỏ phiền não không để tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến chi phối và cao hơn nữa là ra khỏi căn nhà cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Xuất gia có tính quyết định tương lai của một người, nên vị thầy phải chọn lựa cẩn thận, thà rằng không có đệ tử vẫn hơn là phải đeo mang những mối ưu tư về sau.

Như tôi đã nhấn mạnh ngay từ thời Đức Phật đã có một số vấn đề xảy ra trong tăng đoàn, cho nên nhận người xuất gia ít nhất phải cần những điều kiện: nếu tuổi vị thành niên đương sự phải được cha mẹ hay người giám hộ đồng ý. Ngày nay ở các nước Tây phương tự do dân chủ, trẻ con được luật pháp bảo vệ, việc giáo dục cũng hoàn toàn khác với ngày xưa, nhất là những hình phạt đánh đập, giam nhốt, quỳ gối, bêu riếu giữa công chúng... là cách hành xử hay việc làm phản



**Hòa Thượng Kyjyo Nishimura và người thân,
hai vị ân nhân của tác giả**

giáo dục. Cho dù là phụ huynh hay thầy dạy cũng không có quyền đụng tới thân thể trẻ con. Vẫn biết trẻ nhỏ dễ uốn nắn hơn là người lớn, nhưng dạy dỗ không khéo người thầy lại bị mang họa vào thân có ngày. Xin nêu lên câu chuyện sau: tại Hoa Kỳ, thầy MĐ nhận đệ tử xuất gia nhỏ tuổi, các chú ham chơi, nghịch phá bị thầy đánh đòn. Chú tiểu bị đòn nghỉ học 3 hôm, nhà trường liên lạc kêu chú bé tới hỏi lý do. Chú trình bày sự thật, cô giáo vạch lưng chú xem thấy dấu lần roi còn nguyên. Sự việc đưa tới Ban Giám Hiệu họp bàn. Thế là người thầy bị nhà trường mời tới điều tra thẩm vấn và cảnh cáo nếu tái diễn thầy hẳn bị luật pháp can dự xử lý. Đây cũng là bài học kinh nghiệm của các vị trách nhiệm trong việc đào tạo tăng tài cho Phật giáo mai này.

Trường hợp người đã lập gia đình mà phát tâm xuất gia phải được sự thỏa thuận của người phối ngẫu để bảo đảm

tính chân thật và tránh mọi rắc rối đối với luật pháp. Đã có trường hợp người chồng bỏ vào chùa tu, người vợ tới đứng trước cửa đòi thầy phải trả chồng lại cho cô ta, và có hoàn cảnh khác, cô vợ trốn chồng đi tu, anh chồng tìm tới chùa đòi sư cô trụ trì trả vợ lại cho anh ta... là những chuyện có thật chứ không còn ước đoán nữa. Trong trường hợp đất nước có chiến tranh, người trai trong hạn tuổi luật định phải thi hành nghĩa vụ quân sự. Không thể chấp nhận cho những người thuộc dạng này ở chùa tu được. Một người mà thân thể khỏe mạnh, tinh thần minh mẫn phát tâm xuất gia là điều lý tưởng; ngược lại vị thầy phải tìm cách khéo léo an ủi để người khác không cảm thấy bị khinh dễ, bỏ rơi. Ngoài ra, có năm trường hợp gia trọng theo trong giới luật có nêu rõ:

- Không mắc nợ người
- Không phạm pháp
- Không đang làm quan bỏ đi tu
- Không phải đầy tớ trốn đi tu
- Không có tặc tâm xuất gia.

Bốn trường hợp trước có liên quan tới luật pháp, nếu nhận cho người xuất gia ở chùa, ắt không tránh khỏi những khó khăn đối với việc điều hành tự viện. Còn điều rốt sau, kẻ có tặc tâm xuất gia sẽ là mối họa không ít ở chốn thiền môn, tạo nên sự chia rẽ, bất hòa giữa chúng, cho nên đừng nghĩ rằng hễ là thầy phải có đệ tử xuất gia. Thật ra, không phải thầy nào tu cũng có duyên độ cho đệ tử xuất gia cả đâu. Độ được người xuất gia càng tốt, còn như không độ cũng tốt không kém. Đối với đệ tử xuất gia tôi có 6 điều khuyến tấn như sau:

1. Cho dù được thầy tin cậy, lúc nào cũng phải tỏ ra mình là học trò, phải tận tâm lo Phật sự, thay nhọc cho thầy.
2. Làm việc phải có dự án, sắp đặt chu đáo mọi chi tiết để tránh đổ lỗi nhau vào giờ chót, gây nên xáo trộn, gấp rút, không giữ được hòa khí.

3. Thể hiện tâm bố thí rộng rãi, không nên phung phí của Tam Bảo mà tổn phước, phải nghĩ đến những nơi đang cần giúp đỡ.
4. Trong chúng phải biết kính nhường khiêm hạ, không nên dựa thế thầy làm cho huynh đệ bất hòa nhau.
5. Dù được bốn đạo tin tưởng, kính mến, lúc nào cũng phải biết khiêm tốn cẩn trọng; luôn luôn nhỏ nhẹ, ân cần và thân thiện.
6. Phải thành thật với chính mình và lúc nào cũng biết phục thiện, sửa đổi lỗi mình, không tìm xét lỗi người khác.

Suy nghĩ, thực hành 6 nguyên tắc trên là xứng đáng trưởng thành, nối chí nguyện thầy tổ hoàng dương đạo pháp, tiếp dẫn hậu lai báo ân Đức Phật và thầy tổ một cách trọn vẹn trong tình sư đệ gắn bó lâu dài.

Mong quý vị ghi nhớ bấy nhiêu lời chân tình và chúc tất cả thành tựu tâm nguyện người xuất gia “*phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chúng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu*”, như tổ Quy Sơn Linh Hựu đã dạy.

Tiện thể, bút giả ghi lại 2 bài thơ của một pháp hữu đề tặng để bày tỏ đạo tình cao đẹp đáng quý:

*Đồng vọng về quê hương
xứ Quảng dấu yêu hồn cố quận
An lòng nơi đất khách
Úc châu mài miệt với tha phương
Bảo địa trở muôn hoa
tô điểm sơn hà bao cảm tú
Lạc bang ngời sắc thắm
chở che muôn loại hưởng đài vàng.*

*Thanh sử rạng ngời, tham phương cầu học,
chí những mong đền trả bốn ơn
dựng xây nên chánh pháp
Nghịệp thành muôn thuở, truyền trì mạng mạch,
nguyện tròn tuệ giác,
trải tâm từ cứu khổ độ quần sinh.*

Sa môn Thích Huệ Minh ngày 1/6/2006.

Đồng An là pháp danh, Bảo Lạc là pháp tự và Thanh Nghịệp là pháp hiệu của tôi. Pháp hữu Huệ Minh đã khéo léo lồng trong bài thơ 8 câu, lột tả trọn hoài bão chí nguyện của người được đề cập. Ngoài ra, thầy còn làm một bài Đường luật thể thất ngôn bát cú (8 câu mỗi câu 7 chữ):

Đạo hạnh

*Chí cả mong đền nguyện ước duyên
Xuất dương du học nối chân truyền
Phù Tang một thuở công đèn sách
Ức quốc bao phen lập đạo tràng
Sự nghịệp huy hoàng nên danh sử
Cơ đồ đạo hạnh rộng vô biên
Tình quê ấp ủ bao nhung nhớ
Đất khách đã mang mối đạo huyền*

Pháp Bảo, Sydney
ngày 6 tháng 8 năm 2006
Huệ Minh

Cho tới nay, sau 56 năm ở chùa tôi chỉ giúp được cho ít vị xuất gia mà thôi. Vì tự nghĩ có đệ tử xuất gia đông càng thêm vất vả; phải có bổn phận hướng dẫn họ nên người hữu ích kế thừa sự nghịệp của Như Lai. Nếu có đệ tử không như ý, thầy trở nên bất an, tổn lực cũng chẳng khác ở đời một người cha có con bất xứng cũng đủ khiến cho tổn thọ.

- Quy y cho Phật tử

Từ khi truyền thừa cho đệ tử kế nghiệp từ năm 2006 đến nay, tôi không quy y cho Phật tử tại gia nữa. Định cư tại Úc năm 1981 cho đến năm 2006 là 25 năm tôi quy y tất cả trên 70 lần, trung bình mỗi năm 3 lần vào các ngày đại lễ. Mỗi lần quy y tối thiểu 10 người, đông nhất lên đến 50 người. Đó là chưa kể những lần quy y ở ngoại quốc và các tiểu bang khác ngoài New South Wales như tại Tokyo năm 1986, tại Moscow (Nga), tại Bihar (Ấn Độ)... lên tới hơn một nghìn Phật tử tại gia. Lúc đầu, nam giới tôi cho pháp danh chữ Chúc theo dòng kệ của tổ Minh Hải - Pháp Bảo thiên lâm tế Chúc Thánh, tôi pháp danh Đồng An, tự Bảo Lạc, hiệu Thanh Nghiệp như bài kệ của tổ khai sáng môn phái:

Minh thiết pháp toàn chương

Ấn chơn như thị đồng

Chúc Thánh thọ thiên cửu

Kỳ quốc tộ địa trường

Đắc chánh luật vi tông

Tổ đạo giải hạnh thông

Giác hoa bồ đề thọ

Sung mãn nhơn thiên trung.

Mỗi đời truyền pháp lấy một chữ, ngài Minh Hải lấy chữ Minh câu đầu bài kệ; tôi chữ Đồng ở cuối câu 2 thuộc thế hệ thứ 10, đời thứ 43. Tổ Minh Hải đời 34 cho tới tôi trải qua 9 đời theo bài kệ. Trong khi quy y cho Phật tử nữ tôi đặt pháp danh chữ Diệu, nhưng nhận thấy việc làm ấy không có căn cứ, vì mất cội nguồn tông tổ, nên sau khi đã quy y lên tới 500 Phật tử, tôi đổi lại pháp danh cho nam, nữ đều chữ “Chúc” hết là chữ thứ 11 theo bài kệ truyền pháp, để sau này quý vị còn tìm được phổ hệ của mình. Pháp danh chữ “Chúc” chung cho cả giới xuất gia và tại gia.

Có một vấn đề thật hết sức tế nhị: những Phật tử đã quy y lâu rồi, muốn quy y lại, tôi tùy hoàn cảnh mà quyết định. Chẳng hạn, Phật tử đã quy y hồi nhỏ, do cha mẹ dẫn đi chùa và cho con quy y, nay lớn lên không nhớ pháp danh mình và cũng không biết thầy là ai cả. Có trường hợp quy y và bổn sư đã viên tịch, còn nhớ pháp danh, tôi khuyên nên giữ pháp danh đã thọ và chỉ nghe giới lại thôi. Việc làm của tôi trước đây là vậy; để cho Phật tử có tinh thần biết tôn sư trọng đạo.

Có nhiều lý do Phật tử không am tường, vị thầy tinh thần có bổn phận nhắc nhở đề nhớ lại lai lịch, ý nghĩa ngày quy y hướng về đạo Phật. Nếu người đã quy y thọ giới mà chưa thực hành đạo, vì cuộc mưu sinh, học hành, con cái... nay đã đủ để khắc phục, dành thì giờ trong đường tu niệm, trừ dứt những lỗi lầm tội cấu đã tạo từ trước hầu có một đời sống tốt đẹp an vui. Nhận thấy đa phần Phật tử tin Phật mà không học Phật, nên niềm tin không khéo lại rơi vào chỗ mê tín, vị thầy cần nên giúp đỡ trong trường hợp này cho họ vượt qua trở ngại. Thay vì nói những điều làm cho Phật tử hoang mang, chúng tỏ mình khác đời, đó không phải minh sư mà là thầy tà, mặc pháp phục của Phật lại làm việc của ma vương, ác đảng. Chắc hẳn trong giáo pháp lúc nào cũng có những hạng người như thế, hướng chi ngày nay là thời kỳ mạt pháp, nhiều kẻ lợi dụng phát huy chủ nghĩa cá nhân vẫn mê hoặc người nhẹ dạ cả tin, sống thiếu ý thức, do không tin lý nhân quả, khiến cho đạo pháp chưa đến lúc diệt phải diệt.

Ngày nay chúng ta đi tìm những bậc chân tu thật là khó, nhất là nhiều đạo tràng không phải là những nơi thích hợp, nằm trong phố thị đông người thiếu trang nghiêm - không phải chốn lan nhã - của nơi tịnh địa già lam. Những vấn đề xảy ra cho Phật giáo nghiêm trọng trong những năm gần đây đều do người đệ tử Phật gây nên, cả hai giới xuất gia và tại gia đều là nhân trực tiếp tác động làm cho Phật giáo mất uy tín, người tín đồ hoang mang; khiến dư luận có quá nhiều



**Chú bé năm nào nay đã trở thành Trụ Trì kế thừa
Tín Tàng Viện, Hachioji Tokyo**

thành kiến đối với Phật giáo. Cũng nhờ niềm tin Tam Bảo kiên cố, các nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam hải ngoại nhận thức sáng suốt lèo lái theo đúng đường hướng nên vượt qua bao nhiêu chướng duyên nghịch cảnh. Mong rằng con đường chơn chánh của chúng ta sẽ quang huy phát tiết mà vai trò của người xuất gia là điểm tựa vững chắc cho người Phật tử nương theo làm cho cơ đồ Phật giáo mỗi ngày càng được củng cố, phát triển theo đà tiến của nhân loại trong thế kỷ thứ hai mươi mốt này.

- Năm thứ 2000

Một thiên niên kỷ mới vừa bước qua, mới đó mà đã qua mười hai năm. Ngày nay nhân loại đang phải đối diện với nhiều sự thử thách với thiên nhiên, dịch bệnh của thiên tai và nhân họa. Phật giáo cũng gặp ách nạn không kém ở khắp

mọi nơi trên thế giới. Nạn lớn gọi là pháp nạn, nạn nhỏ là tai nạn làm giới lãnh đạo Phật giáo vô cùng khó khăn mới vực dậy được trong hiện tại. Bốn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Đại Lợi, Âu Châu, Hoa Kỳ và Canada, 3 năm bị tứ bề ngộ nạn. Từ năm 2008-2010 tưởng chừng tan nát rã rời, do Giáo chỉ số 9 từ trong nước tung ra và văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ phụ họa, với những thành viên bất xứng. Rất may là 4 giáo hội này biết ý thức vai trò của mình, đã ngồi lại với nhau tìm giải pháp cứu nguy con thuyền Phật giáo sắp bị chìm giữa cơn lốc của đại dương. Dù vậy, chư tôn lãnh đạo Phật giáo Việt Nam hải ngoại vẫn mong Hòa Thượng Quảng Độ - Viện Tăng Thống - tìm phương hóa giải những mối bất bình gây bức xúc trong hàng giáo phẩm của Giáo Hội từ trong nước ra đến hải ngoại, hầu hàn gắn những mất mát to lớn trong thời gian qua.

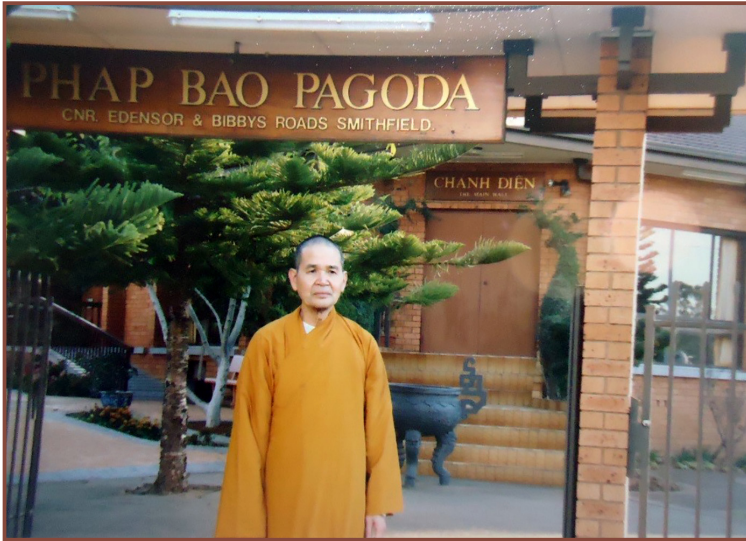
Bản thân chúng tôi cũng hết sức cố gắng để xây dựng cơ đồ Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại bằng nhiều cách trong sự cần hành tinh tấn tu tập, giữ giới hạnh thanh tịnh trang nghiêm làm nơi qui hướng cho hàng Phật tử xuất gia và tại gia. Dù cố gắng nhiều vẫn chỉ làm được một số việc, tuy thân tâm muốn được yên để tu tập mà Phật sự cứ phải tiếp tay làm!

Theo như tôi quan niệm: Ra làm việc là cần phải tiếp xúc, đã tiếp xúc hẳn có đụng chạm không tránh khỏi. Sự đụng chạm dù nhỏ cũng chẳng hay ho gì đối với một người đã trải qua nhiều năm lặn lội, phấn đấu với mọi nghịch cảnh chướng duyên trong đạo. Năm 2000 cũng là năm mà tôi tìm cách rút lui để dần dần buông xả hết mọi việc cho rảnh trí vào những năm cuối đời.

Một mặt tiền đồ Phật giáo tương lai phải nhắm tới hai khía cạnh: giáo dục và lập thêm cơ sở đào tạo cho lớp người kế thừa. Chúng tại chùa Pháp Bảo, sự học tập theo gia giáo mà không theo cấp bậc, vì số lượng không đông. Chỉ những vị có học lực ra ngoài học theo chương trình của bộ Giáo Dục mới

đạt học vị như sở nguyện. Đối với Phật tử tại gia, chùa chú mục tối tu và học rất tinh cần. Học vào những khóa tu Bát Quan Trai, huân tu Tịnh Độ hay khóa tu Gieo Duyên cuối năm và những buổi giảng pháp ngày chủ nhật qua những chủ đề thiết thực như: Bồ Tát hạnh, Bồ-đề tâm, Lục độ, Bát chánh đạo, Tứ đế, Tứ nhiếp pháp, tư tưởng Tịnh Độ, thân trung ấm v.v... giúp hành giả rất nhiều trong việc áp dụng giáo pháp vào đời sống hằng ngày một cách cụ thể, lợi lạc.

Mặt khác, tu viện Đa Bảo tại Campbelltown được thành lập vào tháng 6 năm 2000, nhằm mục đích đào tạo tăng tài cho Phật giáo. Như dự định, chúng tôi có chương trình trao đổi du học tăng giữa Việt Nam và Úc. Chương trình mở rộng thí nghiệm này phải được sự yểm trợ rộng rãi mới duy trì lâu được. Tuy nhiên, việc đó không khó bằng nhân sự, nhất là thành phần du học sinh tăng ni. Sau khi tạo được cơ sở dù chưa đầy đủ lắm, chúng tôi theo dõi việc bảo lãnh ở các chùa, số tăng ni từ Việt Nam ra hải ngoại, không đề cập đến các nước khác, chỉ riêng tại Úc châu, đa số việc bảo lãnh đều không thành công. Đó cũng là lý do để chúng tôi học hỏi mà mãi cho đến mười năm sau vẫn chưa tìm ra được giải pháp thích hợp. Bây giờ tôi nghĩ không nên mở rộng nữa mà cần phải thu hẹp lại, việc đầu tiên là đổi địa điểm sinh hoạt từ Campbelltown dời về Lithgow thuộc vùng núi đồi Blue Mountain từ tháng 4 năm 2011 đến nay. Địa điểm mới này như một nơi thích hợp cho việc tấn tu hành đạo đối với những vị thích sống về nội tâm. Dĩ nhiên, tên gọi vẫn giữ tên cũ là tu viện Đa Bảo, nơi đã tổ chức cho 6 khóa tu Ưu bà tắc năm 2011 và khóa tu cuối năm rồi lên đến hàng trăm hành giả vô cùng được pháp lạc. Đến năm 2012 và 2013 này sẽ tổ chức những khóa tu cho Ưu bà tắc và có khóa tu chung cả Ưu bà tắc và Ưu bà di. Trong tương lai, sẽ có những khóa tu nhập thất cho các vị hành giả chuyên biệt muốn có nơi riêng biệt yên tĩnh. Nơi đây cảnh trí chung quanh khu vực từ động vật



Đình viên Tự Viện Pháp Bảo - Sydney - Úc Đại Lợi

đến thực vật hay nói theo như kinh sách là hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh rất nên thơ dễ mến.

Hữu tình chúng sanh tức là loài động vật, tại vùng núi đồi này có những loại thú rừng như kangaroo, chim lạ: két màu, kookaburra, wallabies...; vô tình chúng sanh có các loại cây như gum tree, hoa waratah, hoa hồng tím, ao nước, lều mọi da đỏ, look out, môi sinh đất đá và đặc biệt nhất là khí hậu mát lạnh quanh năm, nên nhà không cần thiết bị máy điều hòa mùa hạ vẫn mát mẻ như thường. Vào mùa đông như năm rồi hay có tuyết rơi dày đến cả tấc và 4, 5 lần như vậy. Sương mù hầu như sáng nào cũng có, nên một tháng có đến 20 ngày gặp sương mù giăng giăng khắp cùng nơi, khiến cho các tài xế mất kém phải vất vả lắm để lái xe đi vào vùng cao nguyên u tịch và trong lành này. Những chú kangaroo ở đây thật dạn dĩ không sợ người ta, như chúng đã quen rồi, trông người nào cũng thương quý loài động vật nhảy bằng hai chân sau thật lạ này. Có những buổi sáng còn tinh sương, sau thời công phu khuya xong, tôi đi về ngôi nhà trên đồi lúc

chưa hừng sáng đã thấy kangaroo ra ăn cỏ. Để ý theo dõi, tôi thấy bọn chúng chỉ kiếm ăn chừng một giờ đồng hồ từ 6 giờ sáng đến trước 8 giờ là trốn về chỗ trú ẩn. Buổi chiều từ 6 đến 8 giờ tối lại xuất hiện nhón nhơ trở lại nơi chốn quen thuộc cũ kiếm ăn cho tới tối mịt, có bữa đến 9 giờ tối, sau thời kinh Tịnh Độ lúc 20 giờ 30 mà mấy chú vẫn còn cặm cụi lật từng cọng cỏ nhai ngấu nghiến ngon lành. Mỗi lần nghe tiếng động mấy chú lại dáo dác vểnh tai co hai giò trước đứng nhìn quanh có gì nguy hiểm ụp tới hay không. Khi đã biết là an toàn bảo đảm mấy cô cậu lại tiếp tục kiếm chát nhét đầy vô hầu bao và cũng vừa hết một ngày.

Loại thú đặc biệt chỉ có ở Úc này, người Tàu gọi là đại thử tức là chuột túi. Theo tôi nên gọi nguyên tiếng địa phương kangaroo là đúng nhất, vì thấy trong các tự điển như bách khoa và động vật đều dùng từ phổ thông này nên ngày nay không ai còn lạ gì giống kangaroo nữa. Vì gần gũi với chúng quen thuộc lâu có hôm để ý thấy bọn choai choai cũng hiếu chiến đáo để, chúng đánh boxing coi cũng đẹp mắt như các võ sĩ thi đấu kịch liệt trên võ đài, qua các pha nhào lộn ác liệt chết bỏ! Chúng dù nhỏ con mà trông cũng dai sức lắm, đấm đá độ trong vòng nửa tiếng đồng hồ rồi thôi, anh nào cũng mệt lả lui về hậu cứ dưỡng sức để ngày hôm sau lâm trận tiếp tục. Ngược lại, phái quần thoa không tỏ ra hùng dũng lại mang bầu tâm sự ảm con trong túi giấu trước bụng vào mùa đông coi bộ cũng nặng nề vất vả như người đàn bà mang thai trong bụng qua chín tháng mười ngày vậy.

Tại vườn chùa tu viện Đa Bảo có hai anh chiến tướng lớn xác to con cao cỡ 1 mét, nặng chừng 80 ki-lô như con bò con, lại thỉnh thoảng mới xuất hiện, không ra ăn cỏ thường xuyên như bọn nhỏ khác mỗi ngày. Không thấy có ai nghiên cứu loài động vật có túi này, nên không rõ mạng sống của chúng kéo dài bao lâu. Tuy có điều tôi đoán chúng sống trong các hang

đá có sẵn mà không tự đào hang được, vì chân trước yếu đuối, nghề không đủ sức và bấm tính không giống như chuột.

Cách đây độ mười lăm năm chính phủ Úc có luật bảo vệ kangaroo không cho săn bắt chúng. Nhưng từ 10 năm nay luật cấm đã hủy bỏ, một phần vì các nông gia bị chúng làm hư hại hoa màu quá nhiều, nên yêu cầu nhà nước phải có biện pháp. Thay vì bảo vệ loài vật ăn hại nên bảo vệ giới nông gia mới có ích lợi cho đất nước hơn. Một mặt khác, dân số kangaroo tăng nhanh khủng khiếp mà thịt của chúng vốn được nhiều người ưa thích, nên kỹ nghệ xuất khẩu kangaroo ra ngoại quốc cũng thu về nguồn lợi đáng kể.

Vì ở những nơi khác bị con người săn bắt lấy thịt; những con kangaroo sống trên đất già lam thật là hạnh phúc, vì không ai nỡ đụng tới sợi lông của bọn chúng. Nhưng hãy coi chừng, nếu không phải những người tu hành, chúng mà dạn dĩ kiêu đó hẳn có ngày toi mạng như chơi. Con người có lý trí mà nhiều lúc còn bị đánh lừa tàn đời; hướng chi loài động vật non gan yếu mật; lại mức tiến hóa quá chậm, có chết oan mạng vẫn là chuyện thường.

- Chim két: Trong các loại chim, chim két là loài khôn nhất, chúng bắt chước làm theo y hệt các động tác của con người; cũng như học nói được tiếng nói loài người. Có nhiều loại như két trắng mỏ vàng lớn con như con gà mái tơ, két khoan cổ nhỏ con, két màu xanh, đỏ vàng không nhỏ không lớn. Ở gần chùa Pháp Bảo có khu công viên nơi mà Hội Đồng thành phố làm chỗ giải trí cho trẻ con với đủ đồ chơi: xích đu, leo dây, nhảy nhún... Mỗi buổi sáng tôi hay đi thể dục qua khu vực có trò chơi này, có hôm vắng người tôi theo dõi mấy chú chim két trắng đánh đu như trẻ nhỏ, chú lắc qua, chú đẩy lại, chú kéo dây trông thật dễ thương, rồi cũng hò hét réo hét như bọn trẻ không khác. Thì ra, loài vật cũng khôn lanh đáo để, nếu không để ý theo dõi làm sao giống chim két biết

nhào lộn trên chiếc đu dây như trẻ con chơi vậy. Còn như kết học nói tiếng người, nếu ta nuôi chúng và lột lưới, tập nói một thời gian, những con kết sẽ lập nói được một số tiếng quen thuộc dễ dàng, như chào khách tới nhà, mời khách dùng cơm, mời uống nước, chào từ già v.v...; loại kết màu hay trắng đều tập học nói được tiếng người. Có điều lạ là tu viện Đa Bảo hồi còn ở Campbelltown cũng có loại kết màu rồi nay tại vùng Blue Mountain chúng cũng lại xuất hiện, nhưng chưa gần gũi thân thiện, có lẽ vì thời gian quá ít nên chúng chưa làm quen được với những sinh hoạt của người ở đây.

Nhân nói về loài chim kết, tôi có viết câu chuyện một kiếp mong manh nay ghi lại đây để đọc giả cùng chiêm nghiệm.

Một kiếp mong manh

Sáng thứ sáu ngày 23 tháng 7 năm 2010, lúc ra vườn tưới cây kiếng, tình cờ tôi mục kích cảnh đột tử của một đệ tử rất thân thương. Chú ấy thỉnh thoảng có tới tịnh thất để thăm tôi và thường thì chú đi đủ đôi chú ít khi đi một mình. Ba năm trước đây (2006) lúc phái đoàn thầy trò thầy Như Điển trước ngày từ già tu viện Đa Bảo một hôm, chú này và 5, 6 cô chú áo xanh, đỏ, khăn quàng tới trước cửa reo mừng làm cuộc tiễn đưa. Chú không phải người nhưng thuộc loài điều cầm, và cũng có linh tính biết trước việc gì diễn ra.

Loại kết khoan cổ màu xanh đỏ, vàng này rất hiếm quý, người ta nuôi tới khi khôn lớn, lột lưới và tập chúng nói được tiếng người rất là rõ ràng, tuy không nói được nhiều, nhưng thuộc loài khôn ngoan rất mực. Máy chú kết trên tu viện Đa Bảo là loài điều thú hoang (wild life) không có ai nuôi dưỡng, mấy chú tìm tới tu viện chỉ muốn làm quen quý Thầy, quý Sư chú, vì nhận thấy họ có bộ áo vàng, nâu, lam gần như tương đồng bộ lông đẹp của kết nhà ta. Ngồi bên cửa sổ nhìn ra và cũng có ý theo dõi, tôi đã chứng kiến nhiều lần cặp kết màu

xinh đẹp lớn con này hay sà xuống máng xối lấy nước, tìm mồi hay lú lo chuyện trò thật vui nhộn. Tự nhiên chứng kiến chú đê tử thân thuộc của mình nằm chết sấp trên đá bên mấy chậu lan phía sau nhà, tôi giật mình tắt vòi nước vội, và trong ý thức cứ tưởng con chim còn sống, nếu chẳng may xối nước trúng phải lên mình nó mùa đông lạnh giá này thì rồi đời một chúng sanh! Từ từ nâng kết lên, tôi mới hay nó chết đã mấy tiếng đồng hồ rồi. Một cách tự động, tôi trầm lặng đọc 3 biến Chú Vãng Sanh cầu nguyện cho nó thoát kiếp chim để tiến xa hơn trong kiếp tái sanh. Nhờ quan sát kỹ tôi phát hiện ra cái chết bất đắc kỳ tử của chú chim nhỏ này, là bị va phải cửa kiếng quá mạnh mà nó cứ tưởng khoảng không nên bay sầm vào để mắc nạn. Hèn nào vài tiếng đồng hồ trước đó, đang ngồi trong phòng làm việc, tôi nghe tiếng “bốp” như ai chọi đá vô cửa, tôi lặng thinh luôn. Thế là tiếng vô tình đó lại báo hiệu một chúng sinh lìa đời. Cảnh này thường xảy ra ở chùa Pháp Bảo mà tôi được chứng kiến, nhưng không phải loại kết mà là chim sáo. Có trường hợp bị tán vô kiếng đau điếng chim lụy rơi xuống đất nằm thở lấy sức ít phút rồi bay được để theo bầy, kể chuyện gặp nạn cho nhau nghe trong tiếng ríu rít.

Lúc gặp con chim chết nằm bất động đã gần đến giờ thọ trai, tôi để nó nằm yên tại chỗ trở vào lo công việc của tôi. Xong bữa Ngọ trai, tôi lấy cuốc đào đất rồi nhẹ nhàng đem con chim chôn cất trong tiếng niệm Phật cầu siêu cho nó được vãng sanh, không phải làm kiếp chim nữa. Nỗi đau mất mát của vợ con, bạn bè nhà chim cũng hết như sự tử biệt sanh ly của con người. Niềm chua xót, thương tiếc vô vàn không dễ một phút nguôi ngoai được. Con kết mái ngày hôm sau tướng dáo dác hốt hải bay tới hiện trường tìm kiếm người bạn tình trong vô vọng qua tiếng kêu náo nộ đoạn trường! Ôi thật vô vàn thống thiết! Kiếp thú cầm còn trọng nghĩa phu thê, huống nữa con người có luân thường đạo nghĩa lại phụ bạc nhau sao?

Chúng kiến cái chết bất thành linh của con chim két, cho ta cơ hội nghĩ ngợi nhiều hơn tới những cái chết của con người hay chúng sanh. Có nhiều cái chết bất ngờ mà ta thường gọi là chết bất đắc kỳ tử, không ai dự phòng trước được như: đói khát mà chết, no quá nên chết, chết vì lạnh, giận tức uất hơi mà chết, ngộp thở: chết, lửa đốt cháy mà chết, say sưa mà chết, mê sắc mà chết, tham lam của cải mà chết, rơi trong nước chết, núi lở đá đè chết, động đất chết, trượt cuốn chết, sóng thần: chết, đất sụt trùi chôn vùi chết, nhà sập chết, bị cướp tấn công mà chết, tai nạn xe cộ, thuyền bè máy bay mà chết, ra trận chết, phạm pháp chết, thiên tai bão bùng: chết, nước lụt dâng tràn mà chết, bệnh dịch mà chết, ung thư chết, mộng mị kinh hãi chết, tà nhập mà chết, điên khùng: chết, ma quỷ ám hại mà chết, cọp beo tấn công mà chết, rắn cắn thấm độc: chết, bị sét đánh chết, bị trúng độc chết, bị kẻ oán giết hại, bị thư ếm bùa ngãi mà chết...

Và còn nhiều cái chết ngặt nghèo nữa: bị trúng gió chết, sanh nở khó mà chết, gạch đá rơi trúng chết, nhánh cây gãy rơi đụng chết, té cây mà chết, kinh sợ lo âu chết, hồng thi buồn phiền: chết, cầu danh chẳng toại mà chết, mưu tính thất bại mà chết, tự trầm chết, treo cổ chết, nhảy sông chết, dùng súng tự sát, mổ bụng chết, tẩm xăng thiêu chết, bị oan không biện bạch được chết, bị ngược đãi bỏ rơi chết, bị khủng bố chết...và hàng trăm cái chết không lường trước được.

So với loài chim bay thú chạy thì cái chết đột ngột của con người thê thảm hơn nhiều! Có những trường hợp chết không được mai táng, thi thể ươn sinh, hôi hám mất vệ sinh làm ảnh hưởng xấu tới hoàn cảnh chung quanh không ít. Xác chết một con thú hay con chim nhỏ cho dù không được chôn cất, việc hại môi trường cũng không mấy đáng kể bằng con người.

Nhân theo dõi sát sự cố trên cho tôi có vài điều nhận xét: xin ghi ra đây để chúng ta suy gẫm:

1. Nhân chi vạn vật ư tối linh: Con người là loài khôn ngoan hơn các loài vật khác. Do suy nghĩ và tự phong cho mình một phẩm vị cao ngời như thế, con người luôn tự cao và đâm ra kiêu ngạo, coi thế giới loài vật như cỏ rác mà lại quên đi loài người do sự giáo dục mới nên. Nếu loài vật được huấn luyện, giáo dục như nhà hát xiếc, người nuôi thú vật chuyên nghiệp thì những con vật này thuần hóa, biết nghe theo mệnh lệnh chủ sai khiến. Từ đó suy ra, con người đâu khôn hơn loài vật mấy, nếu đem sánh với hạng người loại thấp nhất trong thế giới người.

2. Vật dưỡng nhơn: có nghĩa loài vật sinh ra để cung cấp thịt, lông, da, ngà, sừng, móng vuốt...cho con người sống phè phỡn, béo mập trên sự bất công, gian ác mà vẫn cứ phớt tỉnh không hề biết hồi tâm trở lại. Có thật đúng là giống thú vật sinh ra để nuôi người? Sao không đặt lại vấn đề, lúc người gặp cọp, beo, gấu, sói... xem có đủ can đảm mạo nhận, hay phó mặc trở ra để *nhơn dưỡng vật*?

Cổ nhân phán một câu rất thâm thúy: “khôn nhà đại chợ” là trong tình huống như vậy.

3. Khôn nhà đại chợ: chúng ta hay áp chế, bắt nạt để qua mặt được người thân, bạn bè quen biết. Còn tới chỗ đông người lại nhút nhát, nín khe miệng câm như hến. Ai nói sao cũng được, bảo gì vẫn vâng theo mà không có lấy một lời phản biện hay phân tích đúng sai để tìm cách giải quyết. Do tư tưởng hay đúng ra thói quen này mà con người hành xử nhiều lúc gây nên lỗi lầm, xấu ác có phương hại cho thanh danh mình, uy tín gia đình hay rộng ra cho cả tập thể của xã hội nói chung. Do cách suy nghĩ sai lầm cục bộ như đã huân tập sâu trong tiềm thức khiến ta cứ tưởng rằng mình là ghê gớm như “ông trời con” dưới thế! Điều này không nhằm chỉ cá nhân mà còn nói đến tập đoàn và ngay như cả cơ chế của một chế độ cũng không ngoại lệ.

4. *Ý thức đại khôn*: Chắc hẳn một điều rằng ai trong số chúng ta cũng muốn mình khôn tốt bụng. Nên nhiều lúc kém khôn cũng ráng tạo cho mình khôn, do vậy mà làm hại nhiều người khác, vật khác do cái tâm gian tham ác độc muốn cho riêng ta độc tôn, độc thiện và độc tài. Biết trước được hậu quả chúng sanh làm, nên Phật đã ân cần dạy kỹ người mới xuất gia nhập vị xuất thế, chúng Sa Di rằng: “*Nhược phạm phu tự ngôn chúng Thánh. Như ngôn dĩ đắc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán quả đẳng, giai thị đại vọng ngữ, kỳ tội cực trọng*” (Nếu người phạm phu tự xưng mình đã chúng Thánh. Như nói đã chúng quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán v.v... đều thuộc loại đại vọng ngữ; tội ấy rất nặng.) Tâm chúng sanh là như thế! Tu lâu vẫn không đắc là vậy.

5. *Vi nhơn nan*: Làm người khó là câu nói phát xuất do chính đức Khổng Tử. Trong kinh 42 chương, Đức Phật Thích Ca dạy chương thứ 12, con người không những làm được thân người khó mà có tới 20 điều khó cần phải cẩn trọng đối phó ứng xử để mong vượt ra khỏi. Như người nghèo làm bố thí: khó; kẻ giàu sang học đạo: khó; thấy của không khởi tâm tham: khó; nhin sắc nhin dục: khó; cưỡng lại già, bệnh, chết không thể được, không cách dùng vật gì mà chống đỡ, cũng không ai lãnh chịu thay thế được. Dù chí thân như cha mẹ, vợ chồng, con cái... cũng không ai thay cho ta được. Cho nên chư Tổ Đức khuyên rằng: “*Vậy nên ai nấy phải gắng sức tu hành, chuẩn bị chu đáo cho con đường sắp tới. Hướng chi ngày tháng qua nhanh chẳng đợi, kiếp người ngắn ngủi trong gang tấc, hơi thở này khó giữ, việc sống chết không sao lường trước!*” (Quy Nguyên Trực chỉ, quyển Trung: Thân là gốc khổ, giác ngộ sớm tu)

Có thơ rằng:

*Phụ mẫu thâm ân chung hữu biệt
Phu thê nghĩa trọng giả phân ly*

*Nhân tình tợ điều đồng lâm tức
Đại hạn lai thời các tự phi.*

Nghĩa:

*Cha mẹ ân sâu còn ly biệt
Vợ chồng nghĩa trọng cũng phân ly
Nhân tình nào khác chim chung ngủ
Sáng lại tìm đường mỗi hướng bay...*

Cho nên ta phải thật sự sống cho có tình có nghĩa, trang trải tình thương đến với mọi loài chúng sanh như chim, thú, chuột, sâu, kiến... cho chí loài thấp sanh, hóa sanh và ngay cả những côn trùng nhỏ nhít cũng đều có mạng sống như con người. Đừng vì vô minh, tham si... mà đoạt mạng kẻ khác để rồi phải đền mạng không đời này cũng sang kiếp khác khó mà tránh khỏi. Phật dạy người Phật tử không những tôn trọng mạng sống của mọi loài mà còn khuyên ta phóng sanh, bố thí... để ban an lành và cứu khổ nạn cho những kẻ bất hạnh, thiếu may mắn. Nhờ vậy mà loài chim bay thú chạy sát cận bên ta để nhận thức ăn từ nơi bàn tay của người giàu lòng bi mẫn. Không những thế, người Phật tử còn trải rộng lòng từ đến với loài vô tình chúng sanh như cỏ cây, đất đá, sông ngòi, biển cả, môi sinh, vạn vật trong vũ trụ.

Mỗi người hãy chung sức chung lòng làm sạch và làm đẹp môi trường chung quanh cuộc sống, là chúng ta sống đúng theo lời Phật dạy, luôn được khỏe mạnh, an lạc và hạnh phúc. Đó cũng chính là mẫu sống lương thiện theo chân tinh thần: Bi - Hùng - Lực của người Phật tử chân chánh để xây dựng một nhân sinh và một vũ trụ quan thanh bình và hòa hợp.

Với mấy nhận xét trên, nếu có điều chi không hài lòng được tất cả. Xin hãy để ngoài tai đừng vin vào lòng chi cho thêm bận rộn; và suy nghĩ thêm: Ô, ý đó là của nhà sư, đầu ăn nhập gì tới ta đâu mà phải quan tâm cho nhọc xác! Xin

chân thành niệm ơn tất cả quý độc giả đã đọc hết ý lời khó nghe và trắc ẩn như thế.

Kỷ niệm mùa Vu Lan báo hiếu
Viết vào sáng thứ bảy ngày 24/07/2010
Tu viện Đa Bảo Campbelltown

- Rừng cây khuyh điệp - gum tree

Loại gum trees ở Úc có hàng trăm loại da đỏ, lá nhỏ, có loại da trắng, lá không nhỏ không lớn; loại lên khỏi mặt đất chẻ ra 3, 4 nhánh, loại da sần sùi, thân u nần cây thấp, loại thân cây thẳng thớm, vươn lên cao vút trên trời xanh. Tại Đa Bảo hầu hết đều là cây gum tree thuộc loại này. Lần đầu mới lên đây, tôi trông rừng cây như có hồn phát tiết được sức sống làm thu hút sự chú ý của tôi không ít. Rừng là rừng hoang nhưng cây cối lên có trật tự như ai sắp đặt hàng lối tựa lính tập không bằng. Trông cây nào cây nấy mạnh khỏe thẳng băng, da dẻ mịn màng như con người tuổi nửa chừng xuân; trông giống khu rừng già (rain forest) ở một nơi xa lạ nào đó mà tôi đã có dịp thăm viếng tại Âu Châu hay đảo Victoria xa xôi của Canada hay núi rừng Yosemite của Hiệp Chúng Quốc



Cổng Tam Quan ngôi Tự Viện Pháp Bảo Sydney

Hòa Kỳ, hoặc rừng nguyên sinh tại đảo Tasmania của Úc hay núi Nga Mi, Cửu Hoa Sơn - Trung Quốc.

Loại khuyneh diệp màu trắng này mỗi năm thay vỏ một lần vào cuối đông đầu hạ. Lớp vỏ thoái hóa rơi rụng xuống đất vô trật tự mất vệ sinh, báo hại ta phải mất công dọn dẹp mới trả lại vẻ đẹp tự nhiên như trước. Sau đó, lớp vỏ mới mọc ra làm cho cây gum tree thêm mập mạnh trông sáng hẳn lên như con người thay bộ quần áo mới làm tăng thêm vẻ đẹp. Mùa đông tại đây rất lạnh nên trong nhà phải có lò sưởi đốt củi lấy than cung ứng sức ấm cho ta. Vì thế, Đa Bảo cũng không ngoại lệ, củi đốt không phải lo, có cả rừng cây làm gì đến nỗi khan hiếm củi. Hệ thống sưởi này chỉ ở miền quê còn duy trì như mẫu sống xưa của người dân Úc lưu lại.

Về phần công dụng của cây gum tree có rất nhiều: lá cây người ta dùng ép lấy dầu khuyneh diệp trị bệnh cảm hoặc nấu nước xông cũng hết bệnh, tùy theo bệnh nặng nhẹ. Gỗ khuyneh diệp làm trụ đèn rất chắc và bền hay đem dùng vào kỹ nghệ xây cất cũng rất thông dụng. Ngày nay người ta còn trồng khuyneh diệp để xay lấy bột dùng trong kỹ nghệ chế biến giấy ở khắp mọi nơi trên thế giới như giấy ta đang dùng.

Tuy nhiên, luật kiểm lâm ở Úc rất nghiêm ngặt, hễ ai vi phạm bị phạt rất nặng. Trừ những khu nông lâm trồng cây kỹ nghệ chủ nhân mới có quyền đốn hạ; còn những rừng nguyên sinh khác muốn đốn cây phải xin phép, dù là sở hữu chủ của tài sản. Nhờ người dân ý thức, tôn trọng luật pháp nên đất nước đâu đâu cũng tươi đẹp, trong lành, mát mẻ, trật tự gọn gàng. Nhìn rừng cây gum tree trên núi đồi tu viện Đa Bảo tôi có cảm nghĩ như có sức sống hay hơi thở con người vậy. Trông thấy chúng thông dong tự tại tựa hồ những đạo sĩ rũ sạch bụi trần trong dáng an nhiên giải thoát. Cây cảnh cũng làm trợ duyên cho hành giả rất nhiều trong tiến trình tu tập để quán chiếu sâu học hỏi, suy niệm từng giây phút.

Đẹp nhất là những hôm trời có sương mù hay tuyết rơi bao phủ trên đầu những ngọn cây trắng xóa như những tiên ông đạo cốt đang vận thần thông vào trần cứu nhân độ thế. Cũng có những hôm trời nổi cơn giông tố, sấm sét khiến nhiều thân cây va chạm nhau phát ra tiếng kêu rảng rác như cầu xin cứu mạng sắp lìa đời. Thế mới hay loài vô tình cũng vươn lên đây sức sống.

- Hoa waratah

Ở Úc trên 30 năm tôi chưa bao giờ thấy hoa waratah cho tới tháng 10 năm 2010, nhân đi xem sở nhà đất tại Lithgow để mua làm tu viện, ghé tạt vào công viên quốc gia tại Blue Mountain, xem cảnh mới thấy hoa được trưng bày triển lãm.

Hoa waratah thuộc loại hoa rừng màu đỏ tươi trông thật đẹp mắt. Cây lên cao độ 2m, lá có răng cưa dài độ 12mm. Mỗi cây trở chừng 4 tới 6 bông, bông có hai lớp: lớp dưới xòe 4 cánh dõ như hoa sen, lớp trên chỉ chít độ năm mươi đài hoa, thêm đầu mỗi đài có móc ngoéo như cái lông nhím. Tất cả đều chụm lại bầu bĩnh giống quả bí rợ, nhìn toàn thể cánh hoa lớn bằng cái chén ăn cơm; cánh dày nên có thể cắt xuống để lâu tới cả tháng mới tàn.

Trên đất tu viện Đa Bảo có nhiều hoa waratah, làm tăng thêm cảnh quan vào mùa xuân, hoa nở đầu tháng 9 và 10, giữ vẻ tươi thắm cho tới hết tháng 11 hoa bắt đầu héo tàn. Có lẽ trong hoa có mật ngọt nên ong thường bu lại chung quanh vào mùa hoa nở. Đọc trong tự điển bách khoa (Australia & New Zealand Encyclopedia) thấy ghi rằng, waratah thuộc họ với Proteaceae chỉ có tại New South Wales, miền đông Victoria và đảo Tasmania. Cây thân mọc lên thẳng hay cây nhỏ có tên khác là floriae. Đặc biệt vùng Blue Mountain cũng như dọc theo Katoomba, Mt Victoria, Mt Wilson, Mt Banks, Lithgow... có rất nhiều hoa waratah thắm tươi tô điểm mùa xuân thêm sắc màu mượt mà ý vị. Đứng gần ta có cảm tưởng



Tượng đức Quan Âm lộ thiên trong vườn chùa

hoa như có thần sắc, nếu không muốn phong cho là hoa thần, vì màu đỏ thắm tự nhiên đập mạnh vào mắt khách tham quan không thể rời bước đi được mà phải dừng lại ngắm hoa.

Hoa waratah không đẹp quý phái như hoa lan, nhưng tinh anh thánh thiện như hoa sen lại đủ sức dày dặn tuyết sương.

Thiên nhiên góp phần làm đẹp đời sống của chúng ta, làm tươi mát tâm hồn khi gặp những vấn đề khó khăn, thoải mái lúc ngoạn cảnh, thư giãn sau công việc làm và để chịu khi ta nhìn cảnh đẹp như công viên, núi rừng, sông ngòi, bãi biển. Vì vậy, mọi người phải cố gắng bảo vệ giữ gìn môi trường sạch sẽ, gọn gàng, vì con người có văn hóa - văn minh - khác những loài động vật không có học, không biết chữ. Để ý khi lái xe đi trên đường tài xế nhìn thấy cây cảnh người ta trồng hai bên - giữa con lươn - được chăm sóc kỹ, cắt xén cẩn thận làm cho khách cảm thấy an tâm, thư giãn. Đến những khúc đường quanh co, lối rẽ không an toàn ta thấy những bức tường nghệ thuật được xây lên với cảnh trí phác họa sinh

động, thỉnh thoảng có những chiếc cầu bắc ngang hoặc thông sang bên kia sông hay sườn núi kiến trúc xinh xắn nhằm giúp cho tài xế tươi mát tâm hồn trong lúc đang tập chú vào tay lái không gây ra tai nạn. Lối đi bộ dành cho khách bộ hành ở hai bên lề đường đều có hoa nở trang điểm như bức tranh thêm vào sức sống vươn lên cho con người. Thế giới của loài vô tình mà còn giữ vẻ đẹp tự nhiên như thế, huống chi thế giới của loài hữu tình, nhất là loài người văn minh lại không biết duy trì và làm đẹp môi trường chung quanh cuộc sống chúng ta để bảo vệ hành tinh xanh này hay sao?

Nguyện Ước

Nhìn lên trời bầu trời cao lồng lộng, nhìn xuống đất mặt đất rộng thênh thang. Dù vậy, tầm nhìn của đôi mắt vẫn có giới hạn, phần cao chỗ rộng mà ta cố dùng nhiều hình dung từ hướng người theo tri thức của ta, nó cũng chỉ nằm trong ốc đảo, như con ếch nằm dưới đáy giếng trông lên trời và vũng nước chung quanh nó, đang sống nhớn nhợ với cái thế giới riêng tư không ai xâm phạm tới. Có biết đâu rằng bầu trời cao rộng ấy chỉ là một phần của các hành tinh đang vận hành trong không gian như các nhà khoa học đã và đang khám phá.

Nếu so với Phật nhãn - con mắt của bậc tu chứng - thì nhà khoa học về tầm nhìn, chỗ biết kém xa gấp trăm ngàn vạn lần. Qua tiến trình tu chứng, Đức Phật đã khám phá được ngoài thế giới chúng ta đang sống còn có vô số thế giới khác; cũng như ngoài cõi trời này, còn có tới những 33 cõi trời của cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Sự khác biệt giữa học hỏi đạt được của nhà khoa học; và do tu chứng nên các nhà đạo học, không thể dùng toán số, phương tiện hay thí dụ sánh ví được. Mặt đất dù rộng bao la theo tầm nhìn và hiểu của ta, nhưng chưa phải ta thấy đúng hết mà chỉ mới đúng được một phần. Vì trong thế giới diệu vợi vô cùng tận đó, ta không thấy hết đâu là biên giới, bến bờ nên tưởng như vĩ đại lắm, kỳ thật nếu đi sâu hơn chút nữa qua so sánh này để thấy sự hơn kém giữa biển cả, núi non, đất liền: *tam sơn, tứ hải, nhất phần điền*. Cái ta nhận là mệnh mông bất tận đó, giờ đây trông nhỏ bé vô cùng, không thấm đâu cả. (Trích lời tựa sách “Thoáng Quyện Ân Từ” của tác giả).



Cổng ngôi Tự Viện Pháp Bảo, Sydney

Nhìn lui lại quá khứ, không phải để luyện tiếc tự mãn, tự hào, nhưng để học hỏi, quán xét, rút kinh nghiệm những gì lợi ích cần làm và những điều sai lầm xấu ác nên tránh. Năm 1957, lúc đó một thiếu niên 15 tuổi phát tâm xuất gia, tâm hồn trong trắng tựa tờ giấy nguyên tuyền chưa có chữ viết. Như đứa bé tập đi, tôi học từ cách đi, đứng, nằm, ngồi là bốn oai nghi của người xuất gia. Nhưng chắc một điều chỉ học là chính, còn những chuyện bên lề đỡ, tránh, né, trượt, ngã, vấp, té... không có kinh nghiệm, cũng chẳng có dự tính, lại còn vô phương đối phó, chống đỡ. Nhưng được cái là tuổi trẻ ngây thơ chân thật, dễ giáo hóa, dễ thích nghi với hoàn cảnh nên học được nhiều kinh nghiệm quý báu hữu ích trong đời sống tu tập.

Nhắc lại thời dĩ vãng thân thương chất trực tôi có nhận định: học đâu biết đó, ngoài ra không biết gì thêm hay có khi học mà cũng chẳng biết gì. Đường đi nước bước, chỉ theo đường thẳng mà không biết đường cong và hầm hố, chông gai, chướng ngại dần bày nên dễ bị sa sụp. Đó là tất cả sự thật ở đời mà người tu trẻ cũng y hệt như bao nhiêu người khác. Đi xa hơn một chút trong việc tiếp xử: một mực tin

người, vì thế bị lợi dụng có khi phải táng thân mất mạng qua những lời tâng bốc, tán dương ca tụng mà không hay biết; cho tới lúc nhìn lại đã rơi vào chỗ thân tàn lụn bại, làm vật hy sinh một cách đáng thương! Trong trường đời, ai chưa gặp đắng cay, thất bại, khoan nói tới suôn sẻ thành công. Những thử thách ở đời, theo tôi là thước đo giá trị con người để định vị đúng vai trò của họ trong tương lai. Nói đến tương lai của Phật giáo phải nhìn qua nhiều góc cạnh đa diện mà cá nhân là thành phần quyết định của tập thể.

Thế hệ kế thừa

Trong đêm liên hoan mừng tôi được Giáo hội tấn phong giáo phẩm Hòa Thượng (18 tháng 10 năm 2003) do chúng đệ tử xuất gia tổ chức tại tự viện Pháp Bảo, Sydney, trong lời cảm niệm tôi bày tỏ bốn điều vui để chia sẻ với tăng ni và Phật tử tham dự:

1. Những gương mặt kỳ cựu từ đầu vào thập niên 80, hôm nay đã quy tụ hầu như đông đủ. Sau 25 năm - một phần tư thế kỷ - mỗi người một hướng trong sinh kế; và trong số đạo hữu Phật tử kỳ cựu cũng có người đã vào nằm yên trong lòng đất lạnh.
2. Ngôi chùa Pháp Bảo từ ngày còn nhỏ tí teo, cho tới nay đã được xây lên tầm cỡ như quý vị thấy đó, nó không đơn giản như chúng ta ngồi đây, tưởng tượng hình dung. Nhìn lại đoạn đường đã đi qua là cả một sự phấn đấu không ngừng trong tinh thần nhẫn nại. Thật quả là một kỳ công, nhờ hồng ân Tam Bảo và long thần hộ pháp mật thù gia hộ.
3. Điều đáng tán dương là mỗi thành viên Phật tử của bốn tự đều biết tu tập đạo giải thoát, sửa đổi thân tâm trở nên thiện lương theo chân tinh thần của người Phật tử.

4. Sau những tháng năm dài qua nhiều thử thách, nhất là thành phần nhân sự luôn luôn thay đổi. Nhưng vẫn giữ được vị thế ưu việt của một ngôi tự viện mà người chủ trì như bác lái đò đưa khách sang sông. Bao nhiêu đợt khách xuống lên, ông lái vẫn vững tay chèo cho khách được cập bến bình an. Nhờ sự kiên trì tha thiết như thế mà Pháp Bảo ngày nay đã có người kế thừa để dòng pháp mạch mãi được lưu lộ không bị ngưng trệ nghẽn thông.

Kế thừa không có nghĩa là thừa hưởng một gia tài đồ sộ có sẵn của cha ông để lại mà làm sáng đẹp, triển khai phát hiện giá trị tâm linh tức là thừa kế trí tuệ của Như Lai để đạt đến giải thoát thành Phật. Như thế, người xuất gia cần phải dũng mãnh hăng hái dấn thân để thừa tiếp sự nghiệp bằng cách tiến bước đi tới. Như qua câu chuyện của Lama Lobsang Rampa Rinpoche kể lại trong tiểu sử của ông: “Khi tôi lên năm tuổi, tôi được đưa đến trường nhập học. Lúc ấy tôi chỉ mới lên năm. Chiều hôm ấy, cha tôi nói rằng sáng



Hình tác giả năm 2006

hôm sau tôi sẽ được gọi vào trường. Và ông bảo tôi: “Cha mẹ sẽ không tới đó để hỗ trợ con đâu. Mẹ con sẽ không có mặt ở đó, bởi thế nào bà cũng rơi nước mắt, và nếu như con thấy mẹ khóc thì chắc con sẽ tiếp tục quay lại để nhìn theo bà; và trong gia đình ta chưa từng có một người đàn ông nào mà lại quay lưng nhìn về phía sau bao giờ cả. Ta cũng sẽ không có mặt ở đó, bởi vì sau khi lên ngựa, nếu như con ngoái nhìn trở lại, thế thì con sẽ chẳng còn là con ta nữa, thế thì cánh cửa của gia đình này sẽ mãi mãi khép lại với con. Những gia nhân sẽ chào tạm biệt con sáng mai. Hãy nhớ, không được phép quay lại nhìn sau khi đã lên lưng ngựa. Chưa từng có người nào trong gia đình ta mà lại ngoái lại nhìn lui cả.” Đứa bé năm tuổi thức dậy lúc bốn giờ sáng hôm sau và dẫn ngựa ra. Những gia nhân vẫy tay chào tạm biệt. Ngay khi nó bước ra, có một gia nhân nhắc nhở: “Cậu chủ nhỏ! Hãy cẩn thận! Người ta có thể quan sát cậu từ xa cho tới tận ngã tư, cha cậu đang theo dõi từ trên gác đấy. Không được ngoái lui lại nhìn trước khi cậu đến ngã tư. Mọi đứa trẻ trong nhà này đều đã phải khởi hành như thế cả, nhưng chưa từng có ai ngoái lui nhìn lại về sau.” Người hầu cũng nói với cậu: “Nơi cậu được gọi đến học không phải là một trường bình thường. Những đấng nam nhi vĩ đại của đất nước này đều đã từng học ở đó. Sẽ có một cuộc khảo hạch nhập học rất khó khăn. Vì thế dù bất cứ điều gì xảy ra, cậu hãy cố gắng mọi cách để vượt qua được kỳ thi nhập học, bởi nếu cậu thất bại, sẽ không còn chỗ nào dành cho cậu trong căn nhà này nữa.”

Trong cuốn tự truyện của mình, vị Lama kể lại rằng khi ngồi trên lưng ngựa “nước mắt bắt đầu chảy, nhưng làm sao tôi có thể ngoái nhìn lại căn nhà, nhìn lại cha mình? Tôi đang ra đi vì một cái gì không biết. Tôi còn quá nhỏ, nhưng tôi không được phép nhìn lại, bởi chưa hề có ai trong gia đình tôi từng quay lưng nhìn lại. Nếu cha tôi mà thấy được, ông ấy sẽ đuổi tôi khỏi gia đình mãi mãi. Vì thế tôi cố gắng tự chủ và nhìn về phía trước. Tôi không bao giờ nhìn lại.”

Đứa trẻ tới trường. Cậu bé mới năm tuổi - người ta không biết khả năng cậu tới đâu. Vị hiệu trưởng nói: “Cuộc khảo thí nhập học ở đây rất khó. Mi hãy ngồi ở cổng và nhắm mắt lại, không được mở mắt ra chừng nào ta chưa trở lại - dù bất cứ điều gì xảy ra. Đây chính là thử thách nhập học của mi. Nếu như mở mắt thì mi sẽ bị trả lại về nhà, vì kẻ nào không có nỗi sức mạnh ấy bên trong chính hấn để ngồi đây và nhắm mắt trong một chốc lát thì sẽ không thể nào học được gì cả. Cánh cửa học tập sẽ khép lại. Vậy thì mi sẽ chẳng xứng đáng. Hãy đi và làm chuyện khác đi.”

“Đứa bé ngồi gần cổng trường với đôi mắt nhắm. Đám ruồi nhặng bắt đầu quấy rối, nhưng nó biết rằng nó không được phép mở mắt ra, bởi một khi đã mở mắt thì vấn đề chấm dứt. Có những đứa trẻ đi vào và đi ra cổng trường, vài đứa bắt đầu xô đẩy nó, số khác trêu chọc nó, nhưng nó quyết định sẽ không mở mắt, kéo hỏng hết mọi chuyện. Và nó nhớ lại những gia nhân trong nhà đã bảo với nó rằng, nếu như nó không vượt qua được kỳ thi thử thách nhập học, ngôi nhà người cha sẽ vĩnh viễn đóng lại với nó.”

“Một giờ trôi qua, rồi hai giờ trôi qua - nó vừa ngồi nhắm mắt vừa sợ rằng, biết đâu mình sẽ lầm lẫn mà lại mở mắt ra chẳng. Chung quanh có rất nhiều cảm dỗ để xem: con đường đông đúc, trẻ em chạy chơi chung quanh, lũ ruồi đang quấy rối nó, một số đứa khác lại trêu chọc và ném sỏi vào nó. Nó muốn mở mắt ra xem vị thầy đã tới hay chưa. Một giờ trôi qua, hai giờ trôi qua, ba giờ, bốn giờ - nó đã ngồi đó suốt cả sáu giờ! Sáu giờ sau, vị thầy đến nói: “Này con, cuộc thi nhập học của con đã xong. Hãy đi vào, con sẽ trở thành một thiếu niên có ý chí mạnh mẽ. Con sẽ có quyết tâm trong con để làm bất cứ điều gì con muốn. Ngồi được năm hay sáu giờ nhắm mắt ở lứa tuổi này quả là một sự kiện lớn.” Vị thầy ôm lấy nó và nói: “Con đừng lo, người ta đã sai những đứa bé đó trêu

chọc con đấy. Người ta sai chúng phá con một chút để dụ xem con có mở mắt ra không.”

Vị Lama viết: “Lúc đó, tôi nghĩ rằng người ta đã đối xử với tôi quá nghiêm khắc, nhưng bây giờ, lúc gần cuối đời, tôi cảm thấy lòng tràn đầy biết ơn với những người đã từng nghiêm khắc với tôi. Họ đã đánh thức một điều gì đó trong tôi, một sức mạnh ngủ ngầm nào đó đã trở nên hoạt động.”

(Hành trình nội tại của Osho do Chánh Tín biên dịch).

Cách giáo huấn kiểu ấy theo tôi thật là tuyệt vời, một phương pháp xoáy sâu vào tâm lý hơn cả giáo dục mười lần để lưu ấn tượng vào tâm thức trẻ vô cùng hữu hiệu. Nhìn chung, cả đôi bên đều cố gắng chịu khó nhẫn nại đầy can trường mà đạt đến mục đích. Con đường Phật đạo dài lâu hun hút trong vô số kiếp luân hồi, hành giả cần phải trải qua bao nhiêu cuộc ma sát nẩy lửa mới toại thành tâm nguyện. Để người kế thừa có được cái quyền và được tự do xếp đặt công việc mà tôi gọi nôm na là giao việc phải tin tưởng. Với nhận định “người có trách nhiệm nhất là vị thầy phải xét xem trình độ khả năng của người thích hợp để giao phó công việc. Kinh nghiệm cho ta thấy một số những công việc không hoàn tất hay thành tựu là do những điều kiện hoặc hoàn cảnh làm trở ngại. Yếu tố tài chánh cũng góp phần không nhỏ trong công việc, nếu biết theo đúng phương pháp, tinh thần rõ ràng, sòng phẳng. Hãy ngồi lại kiểm điểm những ưu khuyết điểm, người trách nhiệm phải chỉ rõ những điểm sai, đưa ra cách giải quyết để khắc phục. Người nhận việc nên lắng nghe, nhận khuyết điểm sửa sai; chắc chắn công việc của tổ chức sẽ được duy trì... Trước khi muốn giao việc phải nhắm tới người nhận việc có đủ khả năng hay không? Hoàn cảnh có thuận lợi để người ấy nhận lãnh vai trò được giao phó không? Đừng kiểm soát quá chặt chẽ hay xen vào những việc nhỏ, khiến khó xử, cho dù thân thiết như cha con hay thầy trò cũng vậy. Phạm làm

việc gì cũng phải có lập trường và dứt khoát; đối với người lãnh đạo mà tư tưởng lúc thế này, lúc thế khác, tức là không quyết định dứt khoát, chắc chắn khiến cho công việc khó trôi chảy mà nhiều lúc công việc hoàng pháp bị đình đốn ngưng trệ.” Tuy nhiên người thực hiện Phật sự cũng phải biết lắng nghe, học hỏi kinh nghiệm của sư trưởng, bằng hữu để bổ túc cho việc làm của mình được đầy đủ đạt kết quả tốt. Như thế mới xứng đáng kể hậu sinh biết chu toàn trách nhiệm của mình trong sứ mạng tuyên dương giáo pháp làm hưng long Tam Bảo.

Buông xả không có nghĩa buông xuôi

Con người sống ở đời, chúng ta ưa nắm bắt quá nhiều, bằng chứng hiển nhiên: đứa bé mới sinh ra đời hai tay đã nắm chặt không mở. Nắm giữ nhiều thứ mà cụ thể là tiền bạc, của cải, danh vọng, địa vị, tình yêu, sự nghiệp, tham lam, nóng giận, hơn thua, được mất, khổ vui, nhiễm tịnh... Người ta phải khổ nhọc vất vả mất công săn đuổi suốt đời mà kết quả tay trắng vẫn hoàn trắng tay, vì chẳng giữ được gì khi hơi thở chấm dứt.

Sự thật này không đủ sức thuyết phục con người từ bỏ những ham muốn trần tục, nên ai nấy cố ra sức trong thời xuân trẻ chiếm hữu, tranh đoạt lúc về già cho bằng được, dù phải hy sinh đến thế mấy, người ta vẫn cố níu bám không chịu buông xả. Kể cả người đệ tử Phật chưa đi sâu vào Phật lý cũng không ngoại lệ, trong mấy cái tâm thường như chuyện ăn, ngủ, làm việc, giải trí, tình dục, bạn bè, tiếp xử, giận ghét, ghen tức, thù hận v.v... Thế nên, suốt cả cuộc đời con người cứ đuổi theo những danh vọng hão huyền, những bóng hồng trong tâm tưởng, cho tới lúc hơi tàn lực kiệt, hỏi mấy ai từ bỏ, buông xả? Bầu nhiệt huyết hay sự hăng say của con người lúc trẻ là vậy, hễ cái gì đã lọt vào tay là cố siết chặt hơn mạnh thêm kéo sợ buông mất. May nhờ Đức Phật

ra đời chỉ dạy lý vô thường, luật nhân quả... mà chuyển hóa được tâm ý người đời. Nếu như suốt đời bạn chưa hề chứng kiến cảnh tử biệt sanh ly của người thân, làm sao bạn có thể hiểu được đời vô thường để dự liệu tới phiên mình. Bạn chưa đau khổ vì người yêu thì không có đủ kinh nghiệm trong tình trường như những người thất bại khác. Để tiến trên con đường đạo một cách vững chãi và an lạc, Đức Phật dạy chúng ta buông xả, cho chí hai tay đã buông xuống hết vẫn chưa gọi buông xả. Như câu chuyện chàng Vô Nảo cầm dao rượt đuổi theo Đức Phật khi xưa, là một bài học vô cùng thâm thúy với những ai có quan tâm. Hầu hết chúng ta cũng hệt Vô Nảo, cứ nghĩ rằng hai tay mình phải sạch là bỏ hết không còn giữ lại gì. Buông xả như thế quá dễ, quá giản dị ai làm lại chẳng được. Cái khó là buông cái tâm kia mới quan trọng, một khi tâm bám chấp chưa chịu rời, liệu có gì buông nổi không? Nêu dẫn thêm chuyện đời nay: Một hôm gặp đạo hữu Chúc Cảnh tới chùa Pháp Bảo lễ Phật, thường thì ông đi xe đạp từ nhà rồi bỏ xe lên xe lửa, tới trạm gần chùa xuống xe, ông mới đạp xe vào chùa. Ông tuổi 86, kể ra như thế cũng hãy còn khỏe hơn nhiều người khác đi đứng không tự nhiên. Đốt hương lễ Phật xong ra ngoài gặp tôi, tôi chào đón và hỏi: Lâu nay sao ít thấy ông đi chùa?

Ông vừa cười vừa trả lời:

- Độ này sao trong người lôi thôi quá!

- Có nghĩa là...

- Nghĩa là các cơ bắp đã trở nên mỗi mết, đi đứng chậm chạp không còn như lúc trước, tụi nhỏ (đám con) không cho ra ngoài một mình, vì sợ té ngã phải mắc công nằm nhà thương.

- Theo tôi, ông vẫn còn đi xe đạp ngon lành mà!

- Coi vậy chớ hay quên bắt tử lằm ông ơi!

- Nhưng có một thứ mà ông không bao giờ quên đâu. Đó là tiền, ông đồng ý?

- Ừ hé! Cũng là chuyện lạ đời chứ!

Nói chung không những tiền bạc mà bất cứ thứ gì hễ tâm bám chấp thì không cách nào buông bỏ được. Ở đời năm thứ tình, tiền, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ như bám sát chúng ta không rời gang tấc, nên ai cũng khổ lụy, than van nhưng không thoát ra được. Riêng tôi chưa buông xả hết, nhưng ngòi kiếm điểm lại cũng gặt hái được nhiều điều khả quan:

Không sử dụng Iphone, không xài business cards, không lái xe, không nữ sắc, không cà phê, không thuốc lá, không ủi quần áo, không có thẻ tín dụng, không bỏ công phu... Nếu chỉ có thế, lại cũng chẳng khác gì người buông hai tay; còn cái tâm kia mới ác liệt chứ. Tự cung khai lý lịch tất ngang của tôi thế này: tánh tôi hay nóng giận đổ lửa, nhưng nay tuổi lớn rồi, hạ hỏa rất nhiều. Nếu phải kể, nó đã giảm xuống tới bảy chục phần trăm. Thêm một điều tệ hại khác là tánh độc tài mà ở đời chẳng mấy ai ưa, tôi đã vun vén nó vươn lên tới tột đỉnh. Ai làm không vừa ý là nạt, chê liền tại chỗ... và tôi đã thất bại với các vị cộng tác ở chùa, ít ra cũng làm phật lòng vài ba Phật tử buồn phiền không ít. Việc đó giúp tôi khắc phục cái thiện, sửa sai mãi, cho tới nay sau nhiều năm dãi lọc, đã bỏ được đến sáu chục phần trăm. Hiện giờ tôi đang áp dụng điều cần hành: việc ác đã sanh khiến cho tiêu diệt, là một trong bốn pháp chánh cần giúp hành giả trong tiến trình tịnh hóa thân tâm.

Theo tôi, người chiến sĩ có thời kỳ hưu chiến, còn tăng sĩ không có chế độ nghỉ ngơi đó, họ phải luôn luôn chiến đấu ngày đêm trừ ba độc tham - sân - si để thanh tịnh ba nghiệp: thân - khẩu - ý. Tham sân si trừ dứt là một bước tiến nhảy vọt như cây đã đốn gốc dù có mạnh đến mấy cũng không đủ sức vươn lên được nữa. Thân cây rể cái yếu đi thì các rễ phụ không có gì đáng kể, đáng lo cả. Vấn đề là ta phải sửa soạn đất tâm bằng phẳng bơm năng lượng vào mầm Bồ Đề cho cội

tuệ giác sum suê đậm chồi nảy lộc, kết quả giải thoát an lạc, niết bàn tịnh cảnh.

Bầu trời cao rộng

Suốt mấy hôm liền, trời Đông Kinh trở lạnh đến độ tàn nhẫn, có hôm tôi phải mặc đến 5 lớp áo nhưng vẫn cảm thấy chưa thấm đủ vào đâu so với cái lạnh cắt da của tiết trời cuối đông Nhật Bản. Đôi khi hai tay bị tê cứng lúc có dịp ta phải ra ngoài nên trông như có vẻ thừa thãi, lúng túng mặc dầu vẫn biết tay chân là bộ phận quan trọng của cơ thể.

Sứ Quán Úc tại Tokyo báo cho hay bằng điện thoại là tôi đã có visa. Khi chưa nhận được giấy tờ gì, tôi đã nhiều lần hối thúc họ sớm đúc kết hồ sơ cho trường hợp hi hữu xin nhập cảnh vào Úc của tôi bằng nhiều cú phone không mấy được hài lòng, vì hồ sơ của tôi đã được chính phủ trung ương chấp nhận từ ba tháng trước. Mặc dầu vậy, khi đã hay tin có giấy chiếu khán chính thức, tôi không cảm thấy khoái mà lại đâm ra lo là bởi nhiều duyên cớ.

Trước đó không lâu, tôi có nhận được một điện tín hỏa tốc của một người không tên đánh đi từ Cabramatta, lưu ý tôi mấy việc khi tới Úc. Không phải những lời hăm dọa cản ngăn được con đường tôi đang đi mà là những bủa vây, dọa dẫm nói về những gì đang xảy ra tại Úc, nhất là tại Sydney, thuộc về các tổ chức, hội đoàn Phật giáo làm tôi đâm lo ngại đến độ phải dè dặt.

Một tháng sau, tôi lại nhận được một lá thư thật thâm tình của người quen cũ, cũng với thái độ e dè, úp mở, anh ấy viết cho tôi rất nhiều về những sự việc mà tôi tạm gọi là không mấy tốt đẹp của một vài hội đoàn Phật giáo. Cho tới giờ này, khi đã đặt chân tới Úc, tôi mới nhận ra là anh bạn vì ở quá xa Sydney nên chưa nắm rõ được hết mọi diễn tiến của

vấn đề cho thật trọn vẹn. Nhưng khi vừa tới nơi, tôi cũng đã viết phúc đáp cho anh ấy để tạ lòng tốt mà anh đã dành cho tôi trong việc đã kể ra một số các dữ kiện làm hành trang nhập cuộc.

Vừa lấy xong visa, tôi phải lo một chỗ ngồi trên phi cơ cho chuyến đi mạo hiểm sắp tới, mặc dù tôi đã có sẵn trong tay từ hơn hai tháng trước. Khi tới quầy vé của hãng Philippine Air Lines ở phố Yuraku-Cho-Tokyo ghi tên giữ chỗ, tôi mới cảm thấy tấm vé như dài thêm ngày tháng hơn ra. Họ buộc tôi phải chờ bốn tuần lễ và chỉ được quyền ghi tên chờ để chờ xem có hành khách nào thiếu may mắn vào giờ chót hủy bỏ chuyến bay như trường hợp bị đau ốm, tai nạn chẳng hạn, để tôi mới có thể chen vào thế chỗ được. Thôi đành ghi tên đại cho ngày sang Úc của tôi là 15/2.

Những ngày sau đó, những mối lo ngại trong tâm cứ luôn bám sát quanh tôi. Tôi gọi điện thoại thẳng lại cho bốn bộ tức văn phòng chính của hãng máy bay ở Nagacho để xác định lại một lần nữa là tôi đã có ghi ở chi nhánh rồi, để may ra



Cây Bồ Đề trong sân chùa Pháp Bảo, Sydney

hối thúc họ xếp đặt một chỗ ngồi cho tôi. Thật tình tôi nóng lòng muốn biết chắc ngày đi của tôi để già từ mấy người quen thân cũng như tiện việc báo tin cho bên Úc hay để một số quý đạo hữu tiện bề hướng dẫn.

Đối với tôi, Úc Châu là một xứ mà mọi việc hãỵ còn xa lạ, ngỡ ngàng! Tôi những tưởng văn phòng chính của hãng máy bay có đủ thẩm quyền để tin tưởng được, nào ngờ họ vẫn lập luận bằng những điều mà tôi không muốn nghe thêm nữa. Họ nói thêm:

- Xin ông gắng chờ, chúng tôi sẽ dành ưu tiên số một cho ông, khi nào có chỗ trống chúng tôi sẽ báo cho ông ngay.

Tôi trả lời là tôi tin tưởng vào lời văn thương mại của ông là sự thật. Độ một tuần sau, tôi điện thoại lại văn phòng hãng một lần nữa để biết kết quả ra sao. Họ cho hay là họ cũng muốn có một chỗ để tôi đi cho rảnh nợ, nhưng hiện lúc đó việc sắp xếp một chỗ ngồi như thế hình như vượt ngoài khả năng của họ. Thật là buồn năm phút, tôi liền sắp đặt kế hoạch, chả cần nói chuyện với mấy ông airmen chính hiệu nữa. Tôi trở lại hòa hoãn với chi nhánh, nơi tôi đã có dịp tiếp xúc lần đầu. Nhìn vào tấm vé có ghi dấu ám hiệu ưu tiên của tôi, cô thư ký bấm loạn xà ngầu vào máy tính computer, vừa cười vừa bảo tôi là OK. Tôi đâm ra lo ngại, bèn hỏi lại một lần nữa cho chắc là cô không đùa đấy chứ? Cô ân cần chỉ cho tôi từng nút chấm đỏ đã có người và phần còn thừa ra một khoanh trống trắng dành cho ông khách báo khổ chính là tôi. Cô cũng lại giở món chường nhà nghề ra để đáp lễ tôi bằng một đòn đau đینگ là “Chắc ông hài lòng rồi chứ?”

Tôi lạnh mồm chường tiếp bằng một đòn tâm lý nhẹ cân rằng tiền tôi đã bỏ ra, tôi muốn có được một cái quyền tối thiểu như ý. Theo như tấm vé có ghi sẵn hàng chữ đỏ là khi nào quý khách muốn đi, xin ghi tên giữ chỗ trước đó 72 tiếng đồng hồ. Thế thì tại sao quý vị hành hạ tôi quá! Cô ta coi bộ

áp dụng thử ngôn ngữ nhà nghề không khá đối với một ông khách chậm hiểu, bèn hạ giọng:

- I am sorry.

Tôi bèn làm một màn cảm ơn cô ta và trở về trong niềm vui nho nhỏ. Từ đó mới yên chí là mình đã biết chắc chắn ngày giờ lên đường để còn lo xếp, gói hành trang cho một chuyến đi không hẹn ngày trở lại.

Ngày đi càng gần kề, công việc càng dồn dập khiến tôi suýt ốm và sụt giảm mất mấy kí lô. Gia tài sự nghiệp của tôi chẳng có là bao nhiêu, ngoài sách vở ra, tôi không còn bất cứ món đồ quý giá nào khác. Sách đối với tôi là một thứ gia bảo vô giá nên luôn luôn được trân trọng, giữ gìn. Một số bạn bè biết ý nên khi muốn tặng tôi quà, thay vì mua thứ nọ vật kia kênh càng vô ích, lại biếu tôi vài cuốn sách nghiên cứu, tôi rất hài lòng. Cho đồ đạc vào thùng xong, tôi còn phải ỳ ạch khuân ra bưu điện để gửi. Mỗi thùng đồ phải bị giới hạn do quy định của luật lệ giao lưu quốc tế. Có vài lần, vì muốn nhét thêm mấy quyển sách nhỏ vào một lỗ trống nào đó của chiếc thùng rồi khệ nệ mang tới bưu điện để còn phải cân lại, bị họ buộc phải tháo ra, coi bộ thật vất vả và tốn công. Tưởng những lần như vậy đã làm cho tôi sáng mắt ra, nhưng vì cái cân quá độ ở nhà nên tôi vẫn bị buộc phải lấy bớt đồ ra nhiều lần nữa.

Ân nhân và thân hữu khi hay tin tôi sắp rời xa Nhật, điện thoại tới thăm hỏi thật thâm tình và mời dự nhiều buổi tiệc chia tay rất cảm động qua những lời nhắn gửi đúng nghĩa Việt-Nhật đề huê. Thượng Tọa Kyjyo Nishimura, ông thầy bảo đảm của tôi đã dặn dò chí thiết. Ông bảo rằng:

- Thay vì trở lại Việt Nam, ông lại đi sang một chân trời xa lạ khác, nghịch chiều với Nhật Bản, thế thì khi nào trở lại thăm chơi?

Tôi ghen ngào đến rơi nước mắt. Tôi trả lời thầy như đùa là chừng nào có đủ tiền tôi sẽ ghé thăm xứ Anh Đào thơ mộng và cũng để thăm thầy luôn thể, lúc đó chắc thầy già lắm! Thầy như không được mấy hài lòng với câu nói hư hư thực thực của tôi. Sau cùng, thầy chỉ dặn tôi cố gắng giữ gìn sức khỏe là điều trên hết. Tôi hứa là xin thầy cứ yên tâm, vì từ khi đặt chân tới Nhật cho tới ngày rời khỏi là 7 năm, tôi chưa tốn tiền đi bác sĩ. Khí hậu lạnh xứ đảo mà cơ thể tôi cũng chịu đựng được nổi thì đối với một xứ nóng có vẻ Việt Nam như Úc, tôi nghĩ, mọi việc sẽ được tốt đẹp. Thầy yên tâm và tin những lời tôi là sự thật.

Trong số các thân hữu, anh T.C.T đã khóc trước mặt tôi thật sự. Theo anh, đối với tình gia đình, anh chưa từng tỏ ra quỵến luyến nhiều, nhưng đối với tôi, T. phải mủi lòng khi nói lên lời từ giả để đưa tôi về một xứ xa mà anh em thường cố ý đùa là “qua bên kia thế giới”.

Sáng 15 tháng 2, bầu trời Tokyo như tối sầm lại khiến tôi đâm lo, nếu chẳng may có tuyết rơi hay sương mù làm cản con tàu mang số 431 của tôi lại thì bất hạnh cho tôi quá, vì đã báo tin tôi tới Sydney ngày giờ hẳn hoi rồi.

Hôm tiễn tôi ra phi trường có thầy C.T., M.T., A.T. và các anh TCT, NTB, NVT. Chuyến bay cất cánh lúc 14 giờ mà tôi phải rời nhà từ 10 giờ cho kịp, vì từ Tokyo tới phi trường Narita phải mất gần 3 giờ tàu điện kể cả xe bus. Đến nơi, tôi chỉ còn thừa 45 phút để cân hành lý và qua các thủ tục xuất cảnh thông thường. Trái với dự định là sẽ có một châu cà phê mạn đàm để cho thỏa tấm chân tình mà chư vị đã ưu ái dành cho, mọi người chỉ có thì giờ để nghỉ tại phòng đợi không đầy 10 phút, và như chưa ai tỏ được ra câu gì thì chiếc loa oan nghiệt đã réo gọi hành khách liên hồi, khiến chúng tôi đành cắt ngang câu chuyện để người đi chỉ kịp ngoái cổ, vẫy tay chào kẻ ở lại và người ở lại như không mấy hài lòng cho một

việc chia tay quá vội đến như thế! Cống vào phi cơ khép lại để tách biệt hẳn hai lối đi dành cho hành khách và người đưa tiễn. Tâm trạng tôi lúc đó thật khó mà diễn tả ra được bằng lời. Thôi xin giã từ tất cả và chúc lành đến với mọi người. Tôi một mình khuất hút đi vào bên trong mấy lớp cửa kính để còn nhìn lại bên ngoài thấy mọi người còn đang đứng đó đợi chờ... Qua khu cấm địa thứ nhất, tôi trình vé máy bay và họ đưa số thứ tự chỗ ngồi đã ấn định sẵn. Cống oan nghiệt số hai cũng sắp được mở ra để cho hành khách, nếu là người đi biệt như tôi, phải trả lại những giấy tờ cần thiết cho chính phủ Nhật. Tôi trình visa, họ đòi thẻ ngoại kiều và passport. Sau khi xem các giấy tờ của tôi xong, viên chức Bộ Di Trú lật qua lật lại cái thông hành của tôi, vì ông vốn biết giấy ấy vừa mới hết hạn hôm tháng 11 năm rồi. Ông ta bèn mở một màn đạo đức giả hỏi tôi:

- Giấy của ông đã hết hạn thế này sao chính phủ Úc cũng chấp thuận cho nhập cảnh định trú vĩnh viễn?

Tôi không muốn dài dòng tốn thì giờ vô ích vì chuyến bay cũng sắp tới giờ, hơn nữa, người Nhật họ cũng muốn cho mình đi cho rảnh nợ, có điều thiếu thấp hương đưa tiễn thôi. Tôi chỉ cười và nói rằng “Mặc dầu giấy tờ của tôi như vậy đó mà họ thuận cho tôi đi mới hay.” Ý tôi muốn nói là ông có tức thì đi kiện đi nhưng theo phép xã giao sơ đẳng, tôi không tiện diễn đạt ra thành lời. Thấy tôi ăn nói khó nghe, ông ta bỏ sang màn khác, bèn hỏi tôi đi rồi còn trở lại Nhật nữa không? Tôi hạ mình xuống 90 độ và chậm rãi đáp:

- Thưa ông, nếu có đủ điều kiện tôi sẽ tới thăm quý quốc, ngại gì, nhưng mà liệu lúc đó quý ông có cho tôi nhập cảnh nữa không?

Ông ta tỏ ra lúng túng hiện ra trên nét mặt qua câu nói thật lễ độ và có hàm lưỡi câu ở bên trong. Tôi giao hoàn món nợ tiền khiên qua tay ông là thẻ ngoại kiều mà tôi hằng canh

cánh bên mình trong suốt thời gian du học. Ông cười trừ, vì biết là đã thua trí một người đồng chủng giống da vàng đã từng ăn ở, học hỏi, giải trí nơi đất Phù Tang văn vật qua nhiều năm tháng. Ông ta bảo:

- Được rồi, xin thành thật cảm ơn sự lao khổ của ông trong thời gian lưu trú tại nước chúng tôi.

Mới nghe qua câu nói, ta có cảm nghĩ thật là đạo đức, nhưng đối với tôi câu ấy có phần trêu tức nên cảm thấy không được hài lòng một chút nào cả. Cổng oan trái số ba sắp diễn ra. Tôi đi vào một lối đi xa hun hút, lạnh lùng như một tên tử tội sắp bị đem ra hành quyết. Tại đây, họ buộc tôi phải bỏ tất cả hành lý xách tay ra để cho qua máy rà. Theo tôi, có lẽ họ kiểm soát vật nguy hiểm chẳng? Tôi nhận lại đồ ở phía bên kia, cách chỗ tôi đứng chừng năm thước. Họ lục soát tôi đến độ thậm tệ khắp cả mình không còn sót một chỗ nào cả, xin lỗi, chỉ còn chừa một chỗ bất khả xâm phạm mà thôi. Một viên cảnh bị bóp nhằm cái máy tính bỏ túi áo và hỏi tôi vật gì cứng cứng, tôi cho hay là món đồ an toàn không phương hại tới luật pháp quốc gia. Họ thấy tôi không còn chỗ nào đáng nghi nữa, bèn xin lỗi, cho đi. Từ đó vào tới thang máy bay, con đường xa tít bí mật. Tôi đi riêng biệt khuất dần có một mình, nhỏ dần.

Vào ngòi được an toàn trong lòng phi cơ tôi mới nghĩ rằng chuyến đi này đã được thành tựu. Lúc đó vừa đúng 13 giờ 45 phút. Vì một vài trục trặc về kỹ thuật nên chuyến bay bị trễ độ 30 phút tức 2 giờ 30 phi cơ mới cất cánh.

Động cơ máy bay chuyển động làm hành khách rợn người. Tiếng máy phóng thanh inh ỏi lưu ý mọi người thắt dây nịt an toàn, rồi toàn thân phi cơ từ từ nhúc nhích. Tôi biết mình sắp được nhắc bổng lên cao xa dần mặt đất. Độ 15 phút sau, con tàu trù trù rồi chuyển bánh, chống đầu lên cất cánh nhẹ nhõm rời khỏi phi đạo vùng lên!

Thế là tôi đang già từ xứ Nhật thân yêu. Bầu trời Tokyo như nhỏ lại, xa dần. Tôi hận mình đã bỏ lộn mấy cuốn sách vào va li đồ thừa ký phải gửi theo giá đất lúc nãy, giờ đây không có gì đọc cho vui. Ngồi cùng hàng với tôi còn có 4 người Phi Luật Tân trẻ tuổi khác. Họ đang trở về nước sau một chuyến du lịch ngắn. Họ bắt chuyện hỏi tôi đi đâu. Tôi trả lời là cuộc hành trình của tôi còn dài và sẽ đi trót tuyến đường còn lại khi tới Manila, nghĩa là tôi còn phải đổi chuyến bay để sang Sydney. Họ lấy làm tiếc là một việc kém vui, vì 4 nam nữ thanh niên này đều xuống khi tới lãnh thổ họ. Ngồi lâu tôi không biết phải làm gì cho hết giờ, bèn mượn báo Japan Times để đọc cho tỏ ra ta cũng là một “foreign passenger” hạng nặng. Thật tình tôi đâu có chú tâm tới những gì có ở trong trang báo! Tôi đang để tâm tới tận đâu đâu xa thăm thẳm, mù khơi! Nhìn ra bên ngoài, tôi thấy toàn một màu mây trắng. Trước khi đi, một vài thân hữu cũng căn dặn tôi khi gần đến thủ đô Phi, chịu khó nhìn ra phía ngoài để thấy bầu trời Việt thân yêu, để mà thương cho thân phận lưu lạc, chia lìa. Tôi cố ý nhìn, nhưng trời sắp nhá nhem tối.

Lúc phi cơ hạ cánh tại phi cảng quốc tế Manila thì đã suýt soát 7 giờ. Máy bay đang hạ dần xuống và hành khách lại được lưu ý về dây nịt an toàn. Tôi cũng nịt lại cho nó được bảo đảm. Trời ơi! Phố thị như tươi hẳn ra với ánh đèn màu xanh đỏ giống hệt như thủ đô Sài Gòn thuở nào!

Bầu trời xứ Phi vào đêm quang đãng quá! Nóng ơi là nóng! Những cục nọ áo ấm mang từ Nhật sang khiến tôi cởi bỏ ra không kịp. Lúc đó mới thấy như thừa đồ ra không biết nên bỏ vào đâu cho tiện. Tôi lại mấy gian hàng gần đấy để mua một cái túi ni lông xách tay mới có thể giải quyết được tận gốc cái sự lộn xộn này. Nghe tôi hỏi mua, cô bán hàng mặc dù không chuyên bán món này vẫn nhờ người tìm cho tôi một cái bao nylon (hình như chỉ để dùng thì phải) với cái nhìn soi mói. Tôi hỏi giá, cô ta bảo xin biểu ông chớ giá cả

gì. Tôi cảm ơn trong niềm vui khó tả và cứ nghĩ họ tốt như thế này với một du khách xa lạ như tôi.

Tại phòng đợi, ngoài tôi ra, còn có một thanh niên người Nhật, sang Úc theo chương trình du học lữ hành (vừa học vừa xem qua cách sinh hoạt) tự túc ngắn hạn một năm, không còn bất cứ một người mũi tẹt da vàng nào khác. Một tiếng đồng hồ sau, tôi lại càng thấy xa lạ hơn khi có một chuyến bay khác vừa trút hành khách đủ cả các sắc dân mà tôi không thể nào phân biệt nổi là người của nước nào cả. Tôi nói với anh ấy:

- Anh nhìn xem, ở đây chúng ta không tìm thấy bóng dáng của một người như mình đi cùng chuyến nữa mà là người của năm châu bốn biển.

Anh ta khom người liếc xem và nói rằng câu nói của tôi gọi cho anh nhớ nhà và muốn trở về ngay, chớ không muốn đi tiếp nữa.

- Trước khi đi Úc, tôi đã gặp sự chống đối của gia đình vì tôi là con cả, anh nói tiếp.

Câu nói chân tình của anh làm tôi đâm ngại, mặc dầu tôi cũng đang mang một tâm trạng đa diện, xô bồ lúc này.

Lúc 8 giờ tối, độ 300 hành khách được đưa tới một nhà hàng sang trọng cách đó chừng 500 thước bằng xe bus để dùng cơm tối. Thay vì chuyến bay 211 khởi hành đi Sydney lúc 9 giờ 15 như trong vé đã ghi, bây giờ lại được đổi lại là 10 giờ 40 tức 23 giờ 40 giờ Nhật Bản, nên bữa cơm được kéo dài hơn một tiếng đồng hồ để hành khách khỏi có cái cảm giác dư thừa thì giờ.

Sau khi cơm nước xong, họ đưa chúng tôi trở lại phòng đợi. Đồng hồ đã chỉ 10 giờ 30, rồi 10 giờ 40 mà cũng không thấy ai nhúc nhích. Không khí nhốn nháo của hành khách trong phòng khiến cho nhân viên hàng không khó chịu, hay

là họ khó chịu ngay chính họ vì đã gây ra sự chậm trễ này. Mọi người chỉ mong được thông báo là phi cơ bị trễ vì bất cứ một lý do nào đó để được an tâm. Nhưng tất cả vẫn ngồi yên bất động. Tôi đâm ra lo và hỏi anh bạn Nhật phải chăng chúng ta đã nghe lầm chuyến bay. Nếu chẳng may mọi người đã đi hết mà chúng ta còn ngồi đây thì anh nghĩ sao? Lúc đó gương mặt anh ta trông thật thảm não làm sao! Tôi biết anh ta không còn để ý đến chuyến bay nữa. Anh trả lời tôi rằng còn có mọi người đang chờ chớ không riêng gì chúng ta đâu mà bận tâm. Dù vậy, tôi vẫn chưa an lòng, vì họ toàn là những người xa lạ nói đủ các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Ý, Bồ, Bỉ, Á-Rập... ai mà hiểu cho nổi. Đúng 11 giờ rưỡi, mọi người mới được gọi lên xe bus ra cổng số 2 để đến chiếc phi cơ số 211 đang chờ ở đó từ lúc nào. Con tàu cũng khá lớn đủ để chứa được độ trên dưới 300 hành khách. Mọi chỗ ngồi đều có người choáng hết cả. Phi cơ bắt đầu cất cánh lúc 12 giờ 10 ngày 16. Tất cả chúng tôi đều quá mệt mỏi vì buồn ngủ nên hình như chẳng ai để ý tàu ra khỏi phi đạo từ lúc nào. Ai nấy đều cố dỗ giấc ngủ hay chớp mắt một chút cũng đủ sức để chịu đựng qua đêm. Lúc này đây là lúc tôi nghĩ rất nhiều về xứ Việt thân yêu, vì ở đó có biết bao nhiêu kỷ niệm đậm đà. Tôi ước gì con tàu chuyển hướng để cho tôi đi về đất mẹ tôi mơ! Và khi đó tôi cảm nghe tâm trạng mình cũng không lấy gì làm khác với anh bạn người Nhật đã bộc lộ lúc nãy. Tôi đâm ra cảm nín lạ thường để nhìn ra ngoài những tầng mây to tướng trắng đục đang lững lờ trôi dạt trong bầu trời xa lạ, xanh lơ! Sao tôi lại có thể đi được như thế này? Thế thì ngày về xứ Việt của tôi hãy còn xa lằng lác, vì tôi đang nghĩ tới tấm giấy chiếu khán định trú vĩnh viễn tại Úc.

Chỉ trong vòng 3 năm sau, tôi có quyền thay đổi quốc tịch. Tôi đang nghĩ tới lúc đó tôi không còn là Vietnamese nữa mà sẽ là Australian chính hiệu. Ý nghĩ của tôi lúc đó đã tới hồi nặng ký và đầu óc đâm ra căng thẳng thậm tệ. Tôi cố

dễ giấc ngủ để tìm lấy một chút bình an cho tâm hồn, nhưng tôi nào có chợp mắt được! Tôi lại lo lắng là tại phi trường Sydney có nhiều người đang đợi tôi qua nhiều giờ mòn mỏi. Như dự định thì chuyến bay sẽ tới nơi lúc 7 giờ 45 sáng nay. Tôi nhìn vào đồng hồ, kim đã chỉ 1 giờ 30 mà con tàu như hãy còn dật dờ luyến tiếc xứ hoa lệ trời Phi nên chưa chịu bay bổng nhanh hơn như ý tôi muốn.

Phó mặc cho dòng ý thức đi qua, tôi không muốn nghĩ gì khác hơn là chuyến bay sớm tới đích để may ra có tìm lại cho mình được một chút thanh thản, an bình nào không, còn như theo cái đà này, đầu óc tôi chắc sẽ vỡ tung ra mất trước khi đặt chân lên đất Úc. Tôi cố nhắm mắt lại để quên những hình ảnh quen thuộc cứ hiện về rõ mồn một. Còn con đường tương lai nữa! Rồi đây tôi phải làm gì? Phương pháp áp dụng ra sao? Và những gì tôi phải đương đầu khi tới Úc? Bao nhiêu ý nghĩ hỗn độn, xô bồ làm tôi khó chịu. Thật đúng như mấy câu thơ:

*Đi là chết trong lòng một ít
Vì chẳng mấy khi muốn mà lại được đi
Xin rất nhiều nhưng chấp nhận chẳng bao nhiêu...*

Trời sáng dần, tôi nhìn ra bên ngoài, nhiều đám mây trắng mỏng man dạt dật dờ như muốn làm quen với con tàu mang nhiều hành khách sang xứ Úc xa xôi, nhưng làm sao mây đuổi theo cho kịp vận tốc quá nhanh của con tàu nặng trĩu hai cánh xòe đang lướt gió ngàn theo một lối mòn quen thuộc qua những chuyến đi về cố hữu lâu nay?

Thật đẹp, phương đông một màu hồng đỏ ửng, tôi không còn phân biệt nổi đâu là bến bờ, lãnh thổ quốc gia. Trời cao, đất thẳm, mây bay, mấy trăm mạng con người đang lơ lửng giữa độ cao 4000 thước như đi không muốn nổi, vì vận tốc quá nhanh của phi cơ khiến cho ta không còn có cái cảm giác quân bình được nữa.

Vừa đúng 9 giờ sáng, mọi người như úc đoán mơ hồ là con tàu đang lướt nhanh về phía ranh giới Úc, khiến ai nấy đều thò đầu nhìn ra ngoài. Máy bay thấp dần, núi đồi trùng điệp với những cánh đồng cò bay thẳng cánh khiến cho ai nấy mỗi mắt dõi nhìn... Hàng gì xứ Úc rộng có khác, tôi nghĩ thâm trong bụng. Lúc 9 giờ 40, phi cơ hạ cánh. Tôi cứ nghĩ đó là phi trường Sydney. Phi cơ vừa tắt máy, hành khách được thông báo là hành lý cứ để nguyên tại chỗ. Thì ra vì lý do đình công nên máy bay không thể đến trực tiếp Sydney được. Tại đây hành khách được dẫn đi như đàn gà con bước theo chân mẹ. Ai nấy đều có vẻ đại khờ đến độ quê mùa, cho dù to con lớn xác như dân Đức, Anh... cũng cần có kẻ dẫn dắt, chỉ đường, vì xứ này đâu phải là quê hương của chính họ!

Sau khi trình giấy tờ để được đóng dấu Melbourne vào tấm vé nhỏ cầm nơi tay, tôi mới hay là mình đã ghé một nơi không định trước. Một lúc sau, mọi người lại trở lại phi cơ để tiếp tục chuyến bay độ một giờ nữa. Tàu hạ cánh mọi người thở phào nhẹ nhõm vì biết rằng chuyến đi như vậy được xem như an toàn. Hành khách sắp hàng ra cửa để làm thủ tục nhập cảnh vào Úc. Tới lượt tôi, mặc dù tôi đã điền đầy đủ phiếu lý lịch được phát cho tôi trên máy bay hơn 3 giờ trước, viên chức sự vẫn nâng nặc phang thêm một câu:

- How long do you stay in Australia?

Tôi phân đã mệt, phần nóng lòng không biết bên ngoài cửa còn có ai đủ can đảm chờ chuyến bay trễ 5 tiếng của tôi không, không trả lời mà chỉ đưa tay chỉ vào góc bên phải của tờ giấy Visa có ghi chữ "Indefinite". Ông ta có vẻ hài lòng, đóng dấu cái cộp rồi khoát tay cho tôi đi để người sau kế tục. Đến chỗ nhận hành lý, tôi chờ cho đồ đạc của mình đi qua để nhận lại đủ số 3 thùng. Khi nhận được đồ, tôi nhìn lại thì thiên hạ đã chộp mất hết trội mấy cái xe đẩy. Tôi phải khó khăn lắm mới chạy lại được đằng góc xa đẩy một cái xe ỳ ạch

lại để khuôn đồ lên rồi đưa ra ngoài. Thay vì bị mở va li kiểm soát từng món như những người ra trước, tôi lại đẩy thẳng xe ra ngoài theo cánh cửa tự động mà chẳng thấy có ai để ý tới mình.

Thôi thì nhẹ nhõm, phơi phới. Nhìn về phía tay phải ở đằng xa, tôi đã thấy quý bác, các anh chị cầm cờ Phật giáo vẫy chào, mừng thầy đến. Tôi đưa tay cao đáp lễ mọi người rồi tiếp tục đẩy xe đồ đi ra. Mọi người đều vui vẻ, hài lòng phụ giúp tôi đưa đồ ra khỏi xe. Thấy quý bác vui vẻ, tôi cũng vui lây, mặc dầu trong người tôi cảm thấy không được khỏe lắm sau một thời gian dài lo lắng cộng thêm sự mất ngủ. Được mọi người thăm hỏi, tôi cũng nói chuyện huyên thuyên, giờ nghĩ lại không biết lúc ấy mình đã nói những gì? Có điều chắc chắn là mặt mày tôi hốc hác đến độ khó coi. Một ký giả báo “Sydney Morning Herald” đến xin chụp một tấm hình theo lối xã giao thượng đẳng. Họ đã tỏ ra hết sức lịch sự với một người có lối ăn mặc khác thường như tôi và tấm hình chụp được biết sẽ được đăng trên báo để trình với dân bản xứ là có một ông sư người An Nam vừa đặt chân tới bản địa và định đặt bản doanh luôn tại vùng đất Sydney văn vật này.

Do cách ăn mặc lạ mắt của tôi mà nhà báo tò mò muốn tìm hiểu về gốc tích cùng sự nghiệp gia phong. Tôi buộc lòng phải nói thật cái học nghiệp không mấy khá ở một xứ xa và những dự định trong tương lai. Thật tình thì tôi không muốn hình mình được đưa lên báo, vì mặt mày xấu xí qua nhiều đêm mất ngủ. Vả lại, tôi cũng muốn hoạt động âm thầm, không cần ai biết tới.

Ra khỏi phi trường Sydney, tôi mới thấy rõ mình thật sự đã có mặt tại Úc Châu mà từ lâu tôi chưa bao giờ nghĩ đến. Thay vì sang Hoa Kỳ, Gia Nã Đại... tôi lại chuyển hướng để đến đây với một ý niệm chân thành là muốn gần gũi để săn sóc tinh thần cho đồng bào Phật tử từ mọi lớp tuổi, nếu thấy

hợp cảnh, thuận duyên. Tôi cùng đi với quý bác, mấy anh trên xe hơi thẳng về ngôi chùa không tên số 1. Bởi vì chùa đã được khánh thành, hay nói đúng hơn là lễ An vị Phật đã được thực hiện trước đó 2 tháng, nhưng mọi người đều dành cho tôi cái quyền ưu tiên là đặt tên cho ngôi chùa chưa có tên này. Ai cũng nghĩ là chuyện khôi hài, nhưng đó lại là sự thật.

Tôi không muốn viết thêm dài hơn nữa những gì sau đó mà chỉ muốn đúc kết một chuyến đi. Có người chắc sẽ thắc mắc hỏi: Tại sao lại dùng đề tài kỳ cục, khó hiểu, tôi xin được trả lời rằng cái đầu tóc và chiếc áo nhà tu cũng đã khác đời rồi, thì mong quý vị cũng niệm tình hoan hỉ...

Trưởng dưỡng đạo tâm

Đề cập tới trưởng dưỡng đạo tâm ở đây e không ổn. Vì có người sẽ nêu lên câu chất vấn: Nếu vậy xưa nay quý thầy, quý sư cô ở chùa làm gì? Mới nghĩ vấn đề dường như không thực tế, nhưng chính ra nó đúng thực với đời thường. Vì đời đạo song hành kia mà! Mượn câu nói của Khổng Tử áp dụng trong trường hợp của đời người: “*Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh*” (người 30 tuổi phải có sự nghiệp tức là công việc làm ổn định, đến khi đã 40 tuổi không còn sai lầm nữa và từ 50 tuổi trở đi người ta lo tu tâm dưỡng tánh).

Mặc dù lúc trẻ người ta cũng để ý tới đạo, nhưng niềm tin không sâu bằng lúc đã bước vào tuổi trung niên. Ở vào lớp tuổi này con người đã chững chạc, vững các mặt gia đình, con cái, sự nghiệp, tiếp xử... mặt tư tưởng cũng xoáy sâu vào hướng tâm linh, ta nghĩ tới tuổi già và đường tu niệm có nhiều thuận duyên thích hợp. Thử tạm chia cuộc đời của người tăng sĩ ra thành 3 giai đoạn:

- Tăng sinh từ Sa di lên Đại Đức: 10 tuổi đến 25 tuổi

- Hoàng pháp từ Đại Đức lên Thượng Tọa: 25 tuổi đến 40 tuổi
- Kiến lập đạo tràng: từ 40 đến 70 tuổi.

Giai đoạn ba cũng là thời kỳ mà vị giáo phẩm dành thì giờ nhiều hơn cho việc tu niệm để trưởng dưỡng đạo tâm thiết thực nhất. Từ trưởng dưỡng đây có nhiều ý nghĩa mang tánh cách chuyên môn mà một người tăng trẻ chưa già dặn đủ kinh nghiệm để theo đuổi. Phải đợi tới lớp tuổi 60 trở lên tất cả mọi việc đều đã sẵn sàng thầy dành thì giờ tu niệm, quán chiếu sâu các pháp: vô thường, khổ không, vô ngã là 3 pháp ấn. Vì nó mang dấu ấn sẵn như vậy không thể khác được. Thời kỳ này ở đời gọi là hưu trí, nhưng trong đạo là thời gian quan trọng đối với người tăng sĩ. Tùy theo khả năng và tâm nguyện, thầy tự lập thời khóa công phu và làm việc. Có vị say mê trong việc dịch kinh, viết sách, làm thơ, có vị nhập thất ẩn tu dứt hết mọi duyên bên ngoài. Nếu không còn bận lo chùa chiền, đệ tử, bổn đạo... thầy rảnh rang tâm trí để trọn vẹn thì giờ vào việc tu tập, quả là điều lợi lạc biết bao nhiêu.

Hiện giờ Phật giáo đang cần có những vị chân nhân, tôn giả như thế để làm biểu tượng cho Phật pháp được trường tồn. Chỉ cần các vị ngồi đó không nói gì nhưng qua đạo phong như nói lên tất cả. Tương tự, có vị mở đạo tràng nơi non cao rừng vắng qui tụ đồ chúng dạy chuyên về Kinh, luật, luận, Kim Cang thừa hay Mật Tông, là một hình thức khác cũng chung cùng ý nghĩa nói trên. Một bậc chân sư như thế, chúng ta đang cần và luôn cầu nguyện cho tâm nguyện của người con Phật đạt thành. Hầu hết chúng ta tu tập chỉ mới đi tới giai đoạn thấy đạo hay kiến đạo. Do vậy ta cần phải đi qua giai đoạn tu đạo và chứng đạo thì mới có sự chuyển hóa và giải thoát. Có vị tỳ kheo mới làm được chút ít Phật sự hay học được giáo lý sâu mầu của Phật liền có cảm giác cho rằng cuộc đời mình đã được thay đổi. Thật tế không phải dễ dàng

như vậy, vì giữa cái thấy và biết cách nhau khá xa như người tìm vàng thấy được vàng; chuyển hóa cũng giống đãi lọc tinh luyện vàng và đem vàng dùng làm gì, ấy là trị liệu vậy. Như thế cũng chỉ có tính cách tương đối, đối với đạo thời gian tu tập phải trải qua nhiều kiếp không dễ một sớm một chiều đạt được nên việc chứng đạo cũng dài lâu như thế. Cần nắm bắt ý niệm buông xả một cách tinh tế mới trị dứt chứng tham - sân - si; căn bệnh đã trừ tức là thân tâm trở nên khỏe mạnh.

Thân tâm khỏe mạnh lành lặn là người có hạnh phúc an lạc. Nhờ có sự chuyển hóa mà được an lạc nên luôn tỉnh thức, người có tỉnh thức mới suy quả tìm nhân mà chặn đứng được mọi kết quả không lành. Đó là đạt đạo giải thoát.

Nêu dẫn kinh thí dụ thêm: *“Đừng bị kẹt vào một trong hai cực đoan. Những gì mà ta tiếp xúc nếu biết là chúng có tính cách nguy hại thì ta phải quyết tâm buông bỏ, đừng vướng víu. Đừng làm một điều gì để sau này ta sẽ oán trách chính ta. Phải biết từ khước nhìn và nghe những gì có thể làm cho tự thân ta ô nhiễm.”* (Kinh Ưu Điền Vương, do Thích Nhất Hạnh dịch giải)

Bám víu, ôm chặt do mắc vào tánh cực đoan nên chúng sanh mê lầm đi trong nhiều kiếp luân hồi, vì thế Phật dạy chúng ta phải buông xả để được rảnh rang tự tại. Và: *“Những cái gì ta đã ngỡ là của ta, cần được buông bỏ. Những giáo pháp minh sát cần phải nắm lấy để hành trì. Nếu tha thiết muốn có lợi ích chân thực thì mình sẽ đạt được tuệ giác về Không, bởi vì nhìn vào các pháp và thấy được tướng không của chúng cho nên mình biết tất cả vốn là không.”* (Kinh Tu Đà Lợi, do Thích Nhất Hạnh dịch giải). Do chấp thủ ta không thấy được nghĩa không của lời Phật dạy, nên đâm ra nghi ngờ về chỗ thấy, nghe của mình, nên giờ đây: *“Vị sa môn đối với tất cả các pháp, không còn có nghi ngờ gì nữa. Với những gì thấy và nghe, vị ấy thường làm phát khởi chánh niệm để nhận diện. Vị ấy là kẻ đã thực sự nghe và thấy được (bốn)*

sự thật, là kẻ có nền tảng và năng lượng của sự hành trì, là kẻ không còn tạo tác nghiệp thế gian, và không còn bị kéo theo sáu đối tượng của giác quan nữa.” (kinh Ma Kiệt Phạm Chí, do Thích Nhất Hạnh dịch). Đó là ý nghĩa Phật dạy về sự buông xả mà người xuất gia không thể không ứng dụng trong tu tập để đạt đến mục đích.

Nhập dòng pháp lạc

Lúc đầu mới ra diễn giảng tôi lo lắng đủ chuyện, nhìn xuống thính chúng mình không tự chủ được, mặc dù tôi có đứng lớp mà vẫn mang tâm trạng ấy, hướng chi người chưa từng xuất chiêu bao giờ. Nỗi lo lắng của tôi chung qui có mấy điểm: sợ nói sai giáo lý, không giải đáp trôi những vấn nạn, khớp trước số cử tọa trí thức, quên hay lạc đề bị quê... Nhưng tôi có kỹ thuật riêng của mình như soạn kỹ dàn bài, chép các đề mục chính trong lòng bàn tay, photo trang sách cần thiết để trước mặt... Nhờ đó, mỗi lần lên bục giảng tôi nói thoải mái, dần dần thành quen không lo lắng nữa. Và lại, cũng học hỏi thêm từ những giảng sư khác, họ chỉ dẫn nhiều điều cần thiết và tôi lấy đó làm kinh nghiệm.

Vị giảng sư phải có đủ hai tiêu chuẩn là bảo đảm thuyết phục được thính giả: hiểu giáo lý thông suốt (sâu sắc) và khoa ăn nói giỏi; ngoài ra sắc diện tươi vui, cử chỉ tự nhiên, hài hước và nghệ sĩ tánh v.v... cũng là cách để thu hút người nghe chú ý theo dõi bài giảng từ đầu chí cuối. Không có gì chán nản bằng bên trên thầy giảng còn bên dưới cử tọa ngồi ngủ gật hay nói chuyện, làm cho đôi bên đều mệt mỏi. Nhất là đừng để buổi giảng tắt ngang mà phải gây được không khí hào hứng cho mọi người thoải mái. Món bửu bối mà tôi thỉnh thoảng có đem ra xài là đừng hẳn không tiếp tục nói lúc đang giảng, nếu nghe phía dưới thính chúng nói chuyện hay nghe điện thoại. Làm như vậy, tự động người ngồi bên nhắc khéo

làm cho hội trường trở nên linh hoạt cũng làm đương sự áy náy ngừng ngay động tác thiếu lịch sự của mình. Nghệ thuật diễn giảng cũng phải biết tâm lý thính chúng, nếu thấy họ mệt mỏi, giảng sư phải thay đổi ngay cách trình bày, chẳng hạn nghỉ giải lao 10 hay 15 phút hoặc mời một người lên hát hay kể chuyện vui hay chính thầy cố gắng hiến tiết mục vui, nếu thấy hợp sở thích của mình.

Việc diễn giảng với tôi sau 5 năm đã thành quen thuộc, có khi tới hội trường mà chưa có đề tài trình bày, tôi mời thính chúng chọn chủ đề để tôi triển khai buổi giảng cho mọi người nghe. Việc đó có vẻ hơi tự phụ, vì sợ mất thì giờ soạn bài, đọc sách, biên chép nhưng đã chắc gì đầy đủ, sâu sắc ý nghĩa, nên sau này tôi bỏ hẳn cách ấy không còn áp dụng nữa. Thật vậy, một bài giảng giá trị phải có chiều sâu, còn để lại trong lòng người nghe nhiều điều bổ ích lợi lạc.

Đi nghe vị giảng sư không phải tới xem mặt vị ấy có dễ coi không, già trẻ thế nào, giọng Trung, Nam, Huế hay Bắc mà theo dõi đề tài có rõ ràng mạch lạc không, để rút tựa bài học tu tiến, nên không giống như xem cải lương, hát bộ hay kịch nghệ. Mặc dù đây cũng là môn nghệ thuật nhưng là siêu nghệ thuật, nên có hơi kén khách một phần. Xác định như thế thì vị giảng sư không gì khác hơn là một nghệ sĩ đa năng mới đóng trọn được vai trò diễn giảng.

Những năm đầu mới định cư tại Sydney, chùa còn thiếu người tôi phải làm nốt mọi việc như trong buổi đại lễ, vừa diễn giảng đồng thời cũng là Trưởng Ban Tổ Chức. Đây bước sang phạm vi khác, tôi kể ra để quý vị Trú Trì rút kinh nghiệm. Chùa Pháp Bảo Sydney mỗi năm có 3 đại lễ: Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán, mỗi lần như vậy qui tụ khá đông đồng bào Phật tử. Trước lễ một tháng hay vài tuần tôi rất lấy làm lo lắng nhiều khía cạnh: thời tiết, người hợp tác, sự cố bất thường nên lần nào cũng hơi ngao ngán đại lễ diễn ra.

Thế nhưng, không làm sao tránh khỏi tổ chức đại lễ cho được, nhưng nay thì tình thế hay hoàn cảnh có khác, tôi không còn bận tâm lo lắng những ngày đại lễ nữa mà xem mọi chuyện bình thường như ngày tháng năm đi qua vậy thôi.

Điều lo lắng đó của tôi chưa bày tỏ với ai, nay mới chính thức công khai ghi lại đây để lưu niệm.

Thời tiết tại Sydney vào tháng 5 dương lịch Phật Đản thỉnh thoảng có mưa, còn như lễ Vu Lan tháng 8 mưa hầu như thường xuyên. Trời không những mưa mà còn vẫn vũ làm giông làm gió nữa. Lễ đài dựng lên, Phật cụ trưng bày trang trí, quan khách có mặt, vũ khúc dâng hoa... đã chuẩn bị đâu đó xong xuôi. Nếu chẳng may trời không thương chiếu cố cho trận mưa, dịp lễ xem như húp cháo, là từ lóng mà quý thầy hay nói đùa vui. Từ gần 30 năm về trước, tết Quý Hợi 1983 chùa Pháp Bảo lúc bấy giờ còn thuê nhà tạm tại Lakemba, chúng tôi tổ chức hội chợ Tết, mượn công viên Willey Park của Hội Đồng Thành Phố Canterbury. Sáng hôm tổ chức lễ trời mưa tầm tã chung quanh vùng đông Sydney, lúc công phu sáng 6 giờ bên ngoài bầu trời đen nghịt, tôi tụng kinh xong, đứng nhìn ra cửa sổ thấy rêu, trong bụng cứ nghĩ: cái cảnh này thức ăn biết phải xử lý làm sao cho hết đây? Ai tới dự hội chợ Tết để bán thức ăn, trình diễn văn nghệ? Vì đây là lễ hội Tết đầu tiên của chùa bày ra trước công chúng. Tôi vẫn giữ vẻ bình tĩnh, nhưng tâm luôn cầu nguyện cho trời dứt mưa; cho tới 9 giờ sáng, mặt trời lộ hiện, tôi đốc thúc các Ban tiến hành mọi thứ cho kịp lễ khai mạc lúc 10 giờ 30. Cờ xí, biểu ngữ, các gian hàng được dựng lên chớp nhoáng và lễ diễn ra như dự định. Khách dự khá đông, thức ăn chay, bánh chưng, bánh tét được nhiều người ưa thích mua về dùng dịp Tết. Các gian hàng, nhất là bánh mứt được khách hàng chiếu cố nhiều nhất, kể đến tới các món chay thơm ngon cũng được bà con nhiệt tình ủng hộ. Đồng thời trong ngày hội chợ còn có lễ hằng thuận của Micheal Robert - Lan, nên cũng có phần

xôm tụ với nhiều màu sắc hấp dẫn. Hội chợ cho tới lúc 15 giờ là chấm dứt. Sau khi Ban Tổ Chức đã thu dọn đồ đạc rút về vừa đến chùa, trời đổ mưa như thác không kịp thoát nước. Đó là trận đầu chùa thoát nạn trong sự hân hoan và tin tưởng của nhiều người. Vài năm sau, tới lễ Vu Lan là trời xáng mưa lớn vào ngay cuối tuần Pháp Bảo tổ chức lễ, nhưng có điều lạ là mưa ở đâu thì mưa mà ông trời vẫn chừa vùng chùa lại mới nhiệm mầu đầy huyền bí. Ân đức mà Pháp Bảo thừa hưởng qua nhiều lần như vậy, nên có người cá với nhau về chuyện mưa hay không trong những dịp đại lễ. Không những Phật tử mà quý thầy cũng nghĩ ông trời thương thầy Bảo Lạc nên chưa gặp tả tơi trong một cuộc đại lễ nào ở Pháp Bảo. Người trong cuộc, tôi lại không nghĩ vậy, phước đức có lúc đầy lúc vơi, làm sao có đủ cho ta tự tin được; nếu nghe vị nào bàn về sự mầu nhiệm tại chùa tôi liền đính chính: Không đâu, đó là chuyện cũ - việc của mấy năm về trước - nay chùa không còn giữ được thuần túy như vậy đâu. Quý vị chờ xem, sau lễ hãy kết luận hẳn cũng chưa muộn. Đúng là nhờ Phật gia hộ, mọi Phật sự chùa Pháp Bảo từ đầu tới nay đều thành tựu viên mãn.

Quanh năm lá vẫn xanh tươi

Cội tùng chón chỏ che người thiện tâm

Nói qua về phần nhân sự ủng hộ chùa cũng tương đối đông, nhất là quý vị Ưu bà tắc, từ trước tới nay cũng vậy, có tăng chứ chưa giảm. Tại sao tôi phải lo lắng nhiều người phụ tay trong dịp đại lễ? Vì tôi e không làm xong được việc lớn nên phải lo. Chẳng hạn, những vị phát tâm vào các Ban, nhưng tới ngày lễ lại bị bệnh, đi xa, có người thân qua đời, con đau bận săn sóc, có khách ở xa tới thăm... Không phải những trở ngại sao? Hay lo là tánh tôi xưa nay. Thật ra, tới ngày lễ có nhiều người không ghi danh mà vẫn tới giúp việc đông gấp hai lần trong Ban Tổ Chức. Điều đó nên đáng mừng chứ sao lại lo nhỉ! Như của cải cha mẹ để lại con tiêu xài lâu

ngày cũng phải hết; thì sự phát tâm công quả của Phật tử có gì bảo đảm còn hoài? Do suy nghĩ đơn giản như vậy nên tôi với trách nhiệm phải chu toàn trong công việc phụng sự Tam Bảo. Còn những gì là biến cố hay sự việc bất thường? Ở đời chúng ta sống không làm sao làm hài lòng được hết mọi người, có chỉ trích phê phán, gây nên những sự cố là điều không thể tránh được. Cho nên “phòng bệnh hơn chữa bệnh” là câu nói trên đầu môi của mọi người; huống chi tôi do ít phước kém tu nên có số người không thích, vì lẽ đó họ có thể thử thách xem mình có đủ sức nhẫn nại vượt qua? Thật ra từ trước giờ công việc Tam Bảo của Pháp Bảo luôn được thuận duyên trôi chảy, không gặp sự cố nào làm ngăn chướng khó khăn cả. Vẫn có khó khăn nhưng rồi mọi việc đều thành tựu như ý nguyện.

Cảm niệm chân thành để tạ ơn Tam Bảo, thầy tổ, ân sư, phụ mẫu... mặt thù gia hộ bằng nhiều phương tiện mà mắt phàm ta không nhận ra được. Nhờ hồng ân chư Phật, Phật pháp nhiệm mầu trợ duyên cho đệ tử rất nhiều trong mọi thời gian và hiện tại để làm Phật sự; gần bốn mươi năm (1967 - 2005) làm việc, từ 10 năm nay tôi lui về sống gần gũi núi rừng, thiên nhiên, thú rừng, cây cỏ... thật là an lạc và tâm đắc. Đây là nguồn pháp lạc hay tặng phẩm có được xin dâng lên hồi hướng về pháp giới chúng sanh đều viên thành Phật đạo. Nguyện cầu đất nước Việt Nam được tự do, người dân no ấm có nhân quyền và các quyền căn bản; cầu nguyện Phật pháp mãi trường tồn và thế giới chấm dứt binh đao để người người nhận chân ra được vị Phật tương lai nơi bản tâm.

Tu viện Đa Bảo vùng đồi núi Blue Mountain (Lithgow)
ngày 19 tháng 2 năm 2012
(28 tháng giêng năm Nhâm Thìn)
Tỳ kheo Thích Bảo Lạc

Thu sang

Thu đã sang rồi ai có hay
Cỏ cây thay áo dáng thân gầy
Lá vàng lác đác lìa rơi rụng
Tiếc nuôi vờn lên thoảng gió bay
Thu đã sang rồi huynh có hay
Sắc thân tàn lụn những tháng ngày
Tâm tư phờ phạc so đo tính
Núi kéo được nào vụt tầm tay
Thu đã sang rồi đệ có hay
Lớp lớp bồi thêm tuổi hạ dày
Tác cao, hạnh cả chừng như đã
Tóc bạc, da môi tệ hại thay!
Thu đã sang rồi tử có hay
Nương thân vào chốn cửa không này
khỏa khuây kinh kệ tu hạnh xả
Mặc cuộc phù vân mãi vẫn xoay

Thu đã sang rồi muội có hay
Tổ, Thầy trông cậy những ai đây?
Này huynh, này đệ, này tử muội
Đạo pháp chung lòng quyết dựng xây
Thu của năm nào thu vẫn đây
Núi non, đồng nội khắp đông tây
Thôn trang, phố thị cùng vũ trụ
Lũng thững lưng trời xám sắc mây.

Sông Thu
Núi đồi Đa Bảo, tiết Thanh Minh 6/4/2006
Campbelltown NSW Australia

Sách cùng tác giả, dịch giả

- Kiến Thức Căn Bản Phật Giáo (Tái bản tại HK)
- Như Giòng Ý Thức
- Tông Phái Phật Giáo Nhật Bản (Dịch)
- Cho Cây Rừng Còn Xanh Lá (Thơ Sông Thu)
- Hồng Ân Khảo Luận
- Hương Sắc Thiên Quán
- Hướng Về Đông Phương Mâu Nhiệm
- Luận Đại Thừa Bảo Yếu
- Những Đóng Góp Của HPGVN Tại NSW
- Kinh Hoa Thủ (Dịch)
- Qui Sơn Cảnh Sách (Dịch)
- Cho Trọn Hiếu Ân
- Văn Thù Ván Kinh (Dịch)
- Kinh Vô Cấu Xưng (Dịch)
- Diệu Lý Nhân Quả Báo ứng (Dịch)
- Kinh Danh Hiệu Phật (Dịch)
- Mây Nước Thanh Bình
- Kinh Tịnh Luật & Bảo Tạng (Dịch)
- Kinh Ấm Trì Nhập (Dịch)
- Đối Thoại Thiên 1
- Truyền Thống Đẹp
- Bát Nhã Lý Thú (Dịch)

- Kinh Kim Cang Bát Nhã Tinh Nghĩa (Dịch)
- Luận Giải Kinh Kim Cang Bát Nhã (Dịch)
- Kinh Kim Cang Bát Nhã Tinh Yếu Giảng Luận
- Kinh Bát Nhã Nhân Vương Hộ Quốc (Dịch)
- Kinh Bát Nhã NVHQ Thần Bảo Ký (Dịch)
- Kinh Văn Thù Sám Hối Diệt Tội (Dịch)
- Kinh Kiết Tường & Tán Dương Công Đức Chư Phật
- Đối Thoại Thiên Tập 2
- Kinh Bảo Nữ Thỉnh Vấn
- Từ Lòng Đất Nở Hoa
- Tinh Túy Những Bài Tán Phật Bồ Tát I, II, III & IV
- Tinh Hoa Bát Nhã Tâm Kinh (Dịch)
- Nhân Vương Bát Nhã (Dịch)
- Hoa đàm ngát hương
- Bách Trượng Thanh Quy (dịch)
- Kinh Đại Tập & Công đức trang nghiêm
- Nguồn mạch tinh khôi
- Thoáng quyện ân từ
- Ấn độ trầm mặc
- Chân đế - Tục đế dung thông